

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN PHƯƠNG THÙY

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN TRONG XÂY DỰNG
LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM QUA MỘT SỐ
TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN PHÚ TRỌNG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN PHƯƠNG THÙY

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN TRONG XÂY DỰNG
LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM QUA MỘT SỐ
TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Ngành: Triết học

Mã số: 92 29 001

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

1. PGS. TS. Nguyễn Minh Hoàn

2. PGS. TS. Đỗ Minh Hợp

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đây là công trình nghiên cứu khoa học do chính tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn tận tình của PGS. TS. Nguyễn Minh Hoàn và PGS. TS. Đỗ Minh Hợp. Các số liệu, tư liệu và tài liệu tham khảo được sử dụng trong luận án đều có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ, bảo đảm tính chính xác, khách quan và tuân thủ các quy định về đạo đức trong nghiên cứu khoa học.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Tác giả

Nguyễn Phương Thùy

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....	8
1.1. Những nghiên cứu về quan điểm toàn diện và việc vận dụng trong nhận thức chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	8
1.2. Những nghiên cứu về tư tưởng, lý luận của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ...	20
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục giải quyết.....	34
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN TRONG XÂY DỰNG LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM CỦA NGUYỄN PHÚ TRỌNG	40
2.1. Quan điểm toàn diện và ý nghĩa phương pháp luận đối với nhận thức chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội	40
2.2. Sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trước Nguyễn Phú Trọng.....	54
2.3. Những nhân tố tác động đến việc vận dụng quan điểm toàn diện trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Nguyễn Phú Trọng	69
CHƯƠNG 3: NỘI DUNG VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN TRONG MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN PHÚ TRỌNG	83
3.1. Vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	83
3.2. Vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	98
3.3. Vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về các chủ thể và động lực phát triển chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	113

3.4. Vận dụng quan điểm toàn diện trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị	123
CHƯƠNG 4: GIÁ TRỊ PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ NHỮNG YÊU CẦU TIẾP TỤC VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN TRONG PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	134
4.1. Giá trị phương pháp luận của sự vận dụng quan điểm toàn diện của Nguyễn Phú Trọng trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	134
4.2. Những vấn đề mới đặt ra đối với sự phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay ...	145
4.3. Một số định hướng nhằm tiếp tục vận dụng quan điểm toàn diện trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	154
KẾT LUẬN	170
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....	174
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	175

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Quan điểm toàn diện là một nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, yêu cầu xem xét sự vật, hiện tượng trong tính chỉnh thể, trong hệ thống các mối liên hệ và quá trình vận động, phát triển. Đối với nghiên cứu chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, quan điểm toàn diện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi đây là vấn đề lý luận và thực tiễn rộng lớn, liên quan mật thiết đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và xây dựng Đảng. Vận dụng đúng đắn quan điểm toàn diện không chỉ góp phần nâng cao nhận thức lý luận mà còn có ý nghĩa thiết thực đối với việc hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập và phát triển.

Qua 40 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng bổ sung, phát triển và hoàn thiện nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong quá trình đó, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là một trong những nhà lãnh đạo, nhà lý luận tiêu biểu, có nhiều đóng góp quan trọng đối với sự phát triển lý luận của Đảng. Qua các tác phẩm, bài viết và bài phát biểu, đồng chí đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; phát triển văn hóa, con người; bảo đảm quốc phòng, an ninh và tăng cường đối ngoại. Những trước tác đó cho thấy cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo hướng toàn diện, hệ thống, biện chứng, tránh phiến diện, giản đơn và giáo điều; qua đó thể hiện sự vận dụng sâu sắc quan điểm toàn diện trong phát triển lý luận của Đảng.

Tầm vóc lý luận và những cống hiến của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã được Đảng khẳng định. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Lễ Truy điệu Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là nhà lãnh đạo đặc biệt xuất sắc,

một tấm gương sáng ngời về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, người cộng sản kiên trung, có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, hiện thân đầy đủ phẩm chất, tài năng, bản lĩnh, trí tuệ của thế hệ lãnh đạo Việt Nam thời kỳ đổi mới... Trong gần 60 năm hoạt động cách mạng phong phú và bền bỉ, Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Phú Trọng với trí tuệ uyên bác, sắc sảo để lại cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hệ thống tư tưởng và lý luận quý giá về con đường cách mạng Việt Nam trong thời đại mới... Nhà tư tưởng Nguyễn Phú Trọng, ngọn cờ lý luận của Đảng đã làm sáng tỏ lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về vai trò của Đảng Cộng sản, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...”. Đánh giá này khẳng định vị trí và những đóng góp nổi bật của đồng chí đối với sự phát triển lý luận của Đảng, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu, hệ thống hóa và làm rõ những giá trị lý luận, phương pháp luận trong các trước tác của đồng chí, nhất là đối với lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tính cấp thiết của đề tài càng rõ nét khi đất nước, sau 40 năm đổi mới, đang bước vào giai đoạn phát triển mới với khát vọng vươn lên mạnh mẽ, hướng tới các mốc 100 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2030) và 100 năm Ngày thành lập nước Việt Nam mới (1945 - 2045). Thực tiễn đổi mới đã tạo cơ sở để Đảng từng bước hình thành và phát triển lý luận về đường lối đổi mới. Vì vậy, tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển lý luận, nhất là lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Trong bối cảnh thế giới biến đổi nhanh chóng và sâu sắc dưới tác động của toàn cầu hóa, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, sự phát triển của khoa học, công nghệ và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực tiễn đặt ra nhiều vấn đề mới đối với nhận thức về chủ nghĩa xã hội. Điều đó đòi hỏi phải kết hợp tổng kết thực tiễn Việt Nam với tiếp thu có chọn lọc những thành tựu

lý luận của thế giới để tiếp tục phát triển sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhiều vấn đề cần tiếp tục được làm rõ như mô hình và những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam; các động lực và mối quan hệ cơ bản trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, tiến bộ và công bằng xã hội; giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế; giữa phát triển lực lượng sản xuất với hoàn thiện quan hệ sản xuất; giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, xã hội số, chính quyền số, quản trị quốc gia hiện đại và công nghiệp văn hóa cũng đặt ra những yêu cầu lý luận mới.

Cùng với yêu cầu phát triển lý luận, việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới cũng làm nổi bật tính cấp thiết của đề tài. Những quan điểm xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vẫn tồn tại, trong khi những khó khăn, hạn chế và vấn đề mới nảy sinh trong quá trình phát triển, hội nhập có thể tác động đến nhận thức và niềm tin xã hội. Vì vậy, nghiên cứu và làm sáng tỏ những giá trị lý luận trong các tác phẩm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có ý nghĩa thiết thực trong việc cung cấp cơ sở khoa học cho đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời góp phần củng cố niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

Đề tài càng có ý nghĩa trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh đổi mới tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, tinh gọn hệ thống chính trị, chuyển đổi số và hoàn thiện mô hình quản trị quốc gia hiện đại. Những quá trình này đòi hỏi tiếp tục củng cố nhận thức lý luận, làm rõ bản chất, mục tiêu và định hướng xã hội chủ nghĩa của các chủ trương, chính sách đổi mới. Trong các tác phẩm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, nhiều luận điểm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, thể hiện sự kiên định, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác -

Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tư duy lý luận đổi mới, toàn diện, hệ thống, biện chứng trong giải quyết những vấn đề lớn của đất nước. Nghiên cứu sự vận dụng quan điểm toàn diện trong các tác phẩm đó vì vậy không chỉ góp phần làm rõ cơ sở phương pháp luận của quá trình phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà còn có giá trị tham khảo đối với việc tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Việc lựa chọn đề tài cũng xuất phát từ quá trình công tác, nghiên cứu và gắn bó trực tiếp của nghiên cứu sinh với lĩnh vực xuất bản, tuyên truyền và phổ biến các giá trị lý luận, chính trị của Đảng. Là biên tập viên tại cơ quan xuất bản chuyên về sách chính trị, thường xuyên tham gia biên tập, nghiên cứu và tổ chức xuất bản các công trình lý luận, chính trị, đặc biệt là các tác phẩm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, nghiên cứu sinh có điều kiện tiếp cận hệ thống nguồn tư liệu gốc và tìm hiểu sâu hơn quá trình hình thành, phát triển, lan tỏa các giá trị tư tưởng, lý luận của đồng chí. Thực tiễn công tác đó tạo nền tảng tri thức, kinh nghiệm chuyên môn và động lực để nghiên cứu sinh tiếp tục làm rõ giá trị khoa học, ý nghĩa thực tiễn và sức sống của hệ thống quan điểm lý luận mà ông đã dày công xây dựng và phát triển.

Với sự kính trọng đối với cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng - nhà lãnh đạo, nhà lý luận xuất sắc của Đảng - và trách nhiệm nghề nghiệp của người làm công tác xuất bản lý luận chính trị, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài **“Vận dụng quan điểm toàn diện trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua một số tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng”** nhằm làm rõ những giá trị phương pháp luận và đóng góp lý luận, thực tiễn của đồng chí đối với sự phát triển nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu kỳ vọng góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho nghiên cứu, giảng dạy, tuyên truyền và xuất bản lý luận chính trị; đồng thời hỗ trợ việc quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo những quan điểm đó trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ nội dung của việc vận dụng quan điểm toàn diện trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua một số tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng; Đánh giá giá trị phương pháp luận và những vấn đề lý luận mới đặt ra hiện nay, từ đó đề xuất những định hướng nhằm tiếp tục vận dụng quan điểm toàn diện trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện trong triết học Mác - Lênin và những yêu cầu vận dụng quan điểm toàn diện trong nghiên cứu chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Phân tích các nội dung vận dụng quan điểm toàn diện trong một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Phú Trọng.

Chỉ ra những giá trị phương pháp luận và các vấn đề đặt ra trong quá trình tiếp tục phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất định hướng nâng cao hiệu quả vận dụng quan điểm toàn diện trong nghiên cứu và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Việc vận dụng quan điểm toàn diện trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua một số tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Nội dung: tập trung vào phương diện phương pháp luận triết học, không đi sâu toàn bộ hệ thống tư tưởng chính trị của Nguyễn Phú Trọng.

Tư liệu: một số tác phẩm, bài viết, phát biểu tiêu biểu của Nguyễn Phú Trọng từ thời kỳ đổi mới đến nay, đặc biệt là tác phẩm *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt*

Nam; các bài viết về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng; văn hóa; đại đoàn kết dân tộc; phòng chống tham nhũng...

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận:

Chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là phép biện chứng duy vật, nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, nguyên lý về sự phát triển.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp: Phân tích - tổng hợp; Lịch sử - logic; Hệ thống - cấu trúc; So sánh; Khái quát hóa; Phân tích văn bản chính trị - triết học.

- Trong quá trình nghiên cứu, luận án sử dụng các phương pháp chủ yếu như:

+ Phân tích - tổng hợp nhằm làm rõ nội dung và hệ thống hóa các luận điểm liên quan đến đối tượng nghiên cứu;

+ Lịch sử - logic để xem xét sự hình thành, phát triển và logic nội tại của các quan điểm lý luận;

+ Hệ thống - cấu trúc để làm rõ các yếu tố cấu thành và mối liên hệ giữa chúng trong lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam;

+ So sánh để đối chiếu, làm rõ những điểm kế thừa và phát triển trong các quan điểm nghiên cứu; khái quát hóa để rút ra các nhận định và kết luận khoa học;

+ Phân tích văn bản chính trị - triết học để nghiên cứu các tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng cùng các văn kiện của Đảng, làm rõ sự vận dụng quan điểm

toàn diện trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

5. Đóng góp mới của luận án

Làm rõ nội dung triết học của việc vận dụng quan điểm toàn diện trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Chỉ ra tính hệ thống và tính biện chứng trong cách tiếp cận của Nguyễn Phú Trọng đối với mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Góp phần bổ sung cơ sở phương pháp luận cho nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới.

6. Ý nghĩa của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Góp phần làm rõ và phát triển nội dung quan điểm toàn diện của triết học Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Bổ sung và hệ thống hóa những luận điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thông qua các tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng.

Là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy các môn lý luận chính trị.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Góp phần nâng cao nhận thức về việc vận dụng quan điểm toàn diện trong hoạch định và thực thi đường lối phát triển đất nước.

Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện chính sách, chiến lược phát triển trong bối cảnh mới.

Là tài liệu tham khảo cho cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và hoạch định chính sách.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án gồm 4 chương, 13 tiết.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Những nghiên cứu về quan điểm toàn diện và việc vận dụng trong nhận thức chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1.1.1. Những nghiên cứu về quan điểm toàn diện với tư cách là nguyên tắc phương pháp luận của triết học Mác - Lênin

Nghiên cứu về phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã được triển khai qua nhiều loại hình công trình khác nhau: từ giáo trình lý luận cơ bản, chuyên khảo triết học, công trình ứng dụng trong khoa học tự nhiên, đến các nghiên cứu gắn với thực tiễn chính trị - xã hội ở Việt Nam. Sự đa dạng này không chỉ phản ánh phạm vi ảnh hưởng rộng lớn của phương pháp luận Mác - Lênin, mà còn cho thấy những cách tiếp cận khác nhau trong việc lý giải, vận dụng và phát triển hệ thống phương pháp luận này.

Trước hết, các giáo trình về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin đã xây dựng khung lý thuyết chung về phương pháp luận (các giáo trình và chương trình chuẩn như Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT). Những nghiên cứu này tập trung làm rõ bản chất, chức năng (thế giới quan và nhận thức luận), cũng như cấu trúc nhiều cấp độ của phương pháp luận và chỉ ra rằng đây là sự kế thừa và phát triển những thành tựu lớn của tư tưởng nhân loại, đặc biệt là triết học cổ điển Đức. Giá trị của nhóm công trình này là tạo ra một “hệ quy chiếu chuẩn” cho nghiên cứu khoa học, trong đó phương pháp luận triết học Mác - Lênin giữ vai trò nền tảng định hướng.

Tiếp đó, các công trình chuyên sâu về đặc trưng phương pháp luận như:

Cuốn sách *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* của Trần Đình Tuấn [136] đã làm rõ một cách hệ thống vai trò và cấu trúc của phương pháp luận trong nghiên cứu. Tác giả khẳng định phương pháp luận có hai chức năng cơ bản: thế giới quan và nhận thức luận, trong đó thế giới quan giữ vai trò định hướng lập trường, còn nhận thức luận cung cấp con đường và cách thức tiếp

cận đối tượng. Điểm đáng chú ý của công trình này là việc phân chia phương pháp luận thành ba cấp độ: phương pháp luận triết học, phương pháp luận chung và phương pháp luận riêng. Trong đó, phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin (với hạt nhân là phép biện chứng duy vật) được xác định là cơ sở xuất phát, chi phối toàn bộ các cấp độ còn lại. Giá trị lý luận của công trình nằm ở việc làm rõ tính hệ thống và tính thứ bậc của phương pháp luận, qua đó góp phần củng cố nhận thức rằng mọi nghiên cứu khoa học đều phải đặt trên một nền tảng triết học nhất quán.

Tiếp đó, bài “Phương pháp kế thừa tri thức nhân loại của C. Mác” của tác giả Quách Đình Hợi [Xem 194] không nghiên cứu phương pháp luận theo nghĩa cấu trúc, mà đi sâu vào một đặc trưng cốt lõi của phương pháp luận Mác - Lênin: phương pháp kế thừa có phê phán. Tác giả phân tích cách C. Mác và Ph. Ăngghen tiếp thu “hạt nhân hợp lý” của phép biện chứng Hêghen và lập trường duy vật của Phoiobắc, đồng thời khắc phục những hạn chế của họ để xây dựng nên phép biện chứng duy vật. Giá trị của công trình này là làm rõ cơ chế hình thành và phát triển của học thuyết Mác - Lênin: không phải là sự đoạn tuyệt với quá khứ, mà là sự kế thừa, chọn lọc và sáng tạo. Điều này có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc đối với việc xây dựng lý luận hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh cần tiếp thu tri thức toàn cầu một cách có chọn lọc.

Cụ thể hóa phương pháp luận vào hoạt động nhận thức, công trình *Bàn về phương pháp nhận thức* của Nguyễn Ngọc Hà [27] có ý nghĩa đặc biệt khi hệ thống hóa các thao tác và nguyên tắc nhận thức khoa học. Đáng chú ý, công trình này trình bày trực tiếp và có hệ thống các nguyên tắc của phép biện chứng duy vật như: nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc lịch sử - cụ thể, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, cùng các quy luật cơ bản như lượng - chất, phủ định của phủ định, thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Trong đó, nguyên tắc toàn diện được đề cập trực tiếp như một nguyên tắc nhận thức khoa học quan trọng, yêu cầu xem xét sự vật trong tổng thể các mối liên hệ của nó, tránh cách nhìn phiến diện, một chiều. Giá trị của công trình nằm ở việc “chuyên hóa” các nguyên lý triết học trừu tượng thành

các công cụ nhận thức cụ thể, giúp người nghiên cứu có thể vận dụng trực tiếp trong thực tiễn khoa học. Đây là một trong số ít công trình trình bày một cách tương đối rõ ràng, trực diện về quan điểm toàn diện, thay vì chỉ đề cập gián tiếp thông qua các nguyên lý biện chứng.

Bên cạnh đó, sự đa dạng của nghiên cứu còn thể hiện rõ trong các công trình mở rộng phạm vi ứng dụng của phương pháp luận Mác - Lênin. Tiêu biểu là cuốn *Vai trò của phương pháp luận triết học Mác - Lênin đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên* của tác giả Nguyễn Duy Thông [78]. Công trình này đặt phương pháp luận triết học trong mối quan hệ với các ngành khoa học tự nhiên, khẳng định rằng phép biện chứng duy vật không chỉ có giá trị trong khoa học xã hội mà còn có vai trò định hướng cho tư duy khoa học tự nhiên hiện đại. Điểm đáng chú ý là tác giả nhấn mạnh ý nghĩa phương pháp luận trong giảng dạy và nghiên cứu, coi đó là điều kiện để nâng cao hiệu quả nhận thức và cải tạo thế giới. Tuy nhiên, công trình chủ yếu dừng ở việc khẳng định vai trò định hướng, chưa đi sâu vào các cơ chế cụ thể mà phương pháp luận biện chứng tác động đến từng ngành khoa học.

Năm 2022, cuốn sách *Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác và nghiên cứu ứng dụng* [68] của tác giả Trình Ân Phú do Nguyễn Minh Hoàn, Nguyễn Thị Thu Hương dịch, đã tiếp tục khẳng định nền tảng lý luận và thực tiễn của việc làm giàu và phát triển chủ nghĩa Mác trong thời đại ngày nay, thông qua việc hệ thống hóa các quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác được vận dụng vào thực tiễn Trung Quốc. Đây cũng là một mô hình tiêu biểu của sự vận dụng quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác vào nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Nếu như Trung Quốc lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, hệ thống lý luận xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc và tư tưởng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới của Tập Cận Bình làm đường lối chỉ đạo, thì Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam, vì thế việc quốc gia hóa và ứng dụng hệ thống lý luận Trung Quốc cũng là một quan điểm tiếp tục làm phong phú và

phát triển hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác. Do đó, công trình đã cung cấp những vốn kiến thức cơ bản, nền tảng nhất cho luận án.

Khái quát hơn, các công trình như *Chủ nghĩa Mác - Lênin - Học thuyết về sự phát triển và sáng tạo không ngừng* của Trần Nhâm [62] và *Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin* [6] do Hoàng Chí Bảo chủ biên đã tiếp cận phương pháp luận từ góc độ bản chất và đặc trưng của học thuyết. Các nghiên cứu này nhấn mạnh tính mở, sáng tạo và không ngừng phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin, qua đó gián tiếp khẳng định tính linh hoạt của phương pháp luận biện chứng. Giá trị của nhóm công trình này là góp phần chống lại cách hiểu giáo điều, cứng nhắc, đồng thời đặt ra yêu cầu phải tiếp tục bổ sung, phát triển phương pháp luận trong điều kiện lịch sử mới.

1.1.2. Những nghiên cứu về vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Nếu như các nghiên cứu ở mục 1.1.1 chủ yếu tập trung luận giải quan điểm toàn diện như một nguyên tắc phương pháp luận của phép biện chứng duy vật, thì các công trình thuộc hướng nghiên cứu này đã từng bước vận dụng nguyên tắc đó vào việc nhận thức chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điểm nổi bật của nhóm nghiên cứu này là sự chuyển dịch từ việc khẳng định những nguyên lý chung của chủ nghĩa Mác - Lênin sang việc lý giải thực tiễn đổi mới, xây dựng mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và từng bước phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới.

Xét theo tiến trình thời gian, các nghiên cứu đã hình thành một mạch phát triển tương đối liên tục, phản ánh quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng và sự vận động của nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trước hết, cuốn sách *Thời đại chúng ta và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin*, do Lê Hữu Nghĩa chủ biên năm 2002 [60] là một trong những công trình sớm đặt nền tảng cho hướng nghiên cứu này. Trong bối cảnh chủ nghĩa

xã hội hiện thực trên thế giới đứng trước nhiều thử thách, công trình tập trung khẳng định giá trị khoa học, cách mạng và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin. Mặc dù chưa trực tiếp bàn về quan điểm toàn diện, nhưng việc tiếp cận chủ nghĩa Mác - Lênin như một chỉnh thể thống nhất giữa triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học đã hàm chứa tư duy toàn diện trong nhận thức xã hội. Đây là cơ sở phương pháp luận quan trọng để xem xét chủ nghĩa xã hội không phải như một mô hình kinh tế hay chính trị đơn lẻ, mà là một hệ thống các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và con người trong sự tác động qua lại lẫn nhau.

Cùng năm đó, công trình *Xây dựng quan hệ sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội ở Việt Nam*, của tác giả Lương Xuân Quý [69] đã chuyển trọng tâm từ việc khẳng định giá trị của học thuyết sang nghiên cứu những vấn đề thực tiễn của công cuộc đổi mới. Tác giả không xem quan hệ sản xuất đơn thuần là một phạm trù kinh tế mà đặt nó trong mối liên hệ với phát triển lực lượng sản xuất, tiến bộ xã hội, hội nhập quốc tế, xây dựng Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước. Chính cách tiếp cận đa chiều này thể hiện rõ tinh thần của quan điểm toàn diện trong nhận thức về quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Năm 2006, công trình *Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay*, do Tô Huy Rứa, Hoàng Chí Bảo, Trần Khắc Việt, Lê Ngọc Tông (đồng chủ biên) [69] đã đánh dấu bước phát triển mới khi trực tiếp nghiên cứu quá trình vận động của tư duy lý luận trong thời kỳ đổi mới. Công trình cho thấy nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là một hệ thống bất biến mà luôn được bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tổng kết thực tiễn. Việc phân tích đồng thời các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại phản ánh rõ cách tiếp cận hệ thống và toàn diện đối với mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Tiếp nối hướng nghiên cứu này, *Triết học với đổi mới và đổi mới nghiên cứu giảng dạy triết học*, do tác giả Trần Thành chủ biên [75] đã làm rõ hơn cơ sở triết học của đổi mới tư duy lý luận. Công trình nhấn mạnh rằng việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phải được thực hiện trên cơ sở xem xét

các vấn đề trong mối liên hệ phổ biến, trong điều kiện lịch sử cụ thể và trong quá trình vận động phát triển của thực tiễn. Đây chính là những nội dung cốt lõi của quan điểm toàn diện được vận dụng vào nhận thức chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nếu các công trình trước chủ yếu tập trung vào đổi mới tư duy lý luận, thì đến năm 2009, các nghiên cứu bắt đầu đi sâu hơn vào tổng kết những thành tựu nhận thức của Đảng. Tiêu biểu là công trình *Chủ nghĩa Mác - Lênin với vận mệnh và tương lai của chủ nghĩa xã hội hiện thực*, do Nguyễn Ngọc Long chủ biên [38]. Công trình khẳng định sự phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực phải được xem xét trong mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới hệ thống chính trị, giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Đây chính là biểu hiện sinh động của việc vận dụng quan điểm toàn diện vào nghiên cứu mô hình chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ đổi mới.

Bước sang giai đoạn 2011-2012, nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có sự phát triển mạnh cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Các công trình như: *Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - những giá trị vĩnh hằng* của Nguyễn Bá Dương; *Vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh và Đảng ta (thời kỳ trước đổi mới)* của Bùi Đình Phong và Phạm Ngọc Anh (đồng chủ biên); *Những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Nguyễn Quốc Phẩm và Đỗ Thị Thạch... đã góp phần làm rõ hơn những chuyển biến trong nhận thức lý luận của Đảng về mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những nghiên cứu này tạo tiền đề cho sự xuất hiện của hàng loạt công trình năm 2012 như: *Giá trị bền vững và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học và Chủ nghĩa xã hội hiện thực và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Hoàng Chí Bảo; *Giải phóng, đổi mới, phát triển vì chủ nghĩa xã hội* của Nguyễn Văn Huyền (chủ biên); *Chủ thuyết cách mạng và phát triển Việt Nam* của Nguyễn Đức Bình... Điểm chung của các công trình này là đều nhấn mạnh yêu cầu khắc phục nhận thức phiến diện, giáo điều hoặc tuyệt đối hóa một mặt nào đó của lý luận Mác - Lênin. Các tác giả đều cho rằng

muốn nhận thức đúng chủ nghĩa xã hội phải xem xét nó trong tính chỉnh thể, trong mối liên hệ giữa kinh tế với chính trị, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, giữa phát triển với công bằng xã hội, giữa mục tiêu dân tộc với mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Đây cũng chính là biểu hiện trực tiếp của việc vận dụng quan điểm toàn diện trong nghiên cứu lý luận.

Từ những thành tựu nghiên cứu giai đoạn 2011 - 2012, trọng tâm nghiên cứu bắt đầu dịch chuyển từ việc luận giải những cơ sở lý luận chung của chủ nghĩa xã hội sang việc làm rõ hơn mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Sự chuyển hướng này được thể hiện rõ trong các công trình xuất bản từ năm 2014 trở đi.

Tiêu biểu là công trình *Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra*, do tác giả Nguyễn Xuân Thắng và Nguyễn Viết Thông đồng chủ biên [76]. Kế thừa những nghiên cứu trước đó về đổi mới tư duy lý luận, công trình tập trung giải quyết một trong những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng nhất của thời kỳ đổi mới: mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đáng chú ý là các tác giả không tiếp cận vấn đề từ góc độ kinh tế thuần túy mà đặt nó trong tổng thể các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với đổi mới chính trị, tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, con người và hội nhập quốc tế. Chính cách tiếp cận đa chiều này đã phản ánh rõ nét việc vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, góp phần khắc phục những cách hiểu giản đơn hoặc đối lập cơ học giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội.

Cùng năm đó, công trình *Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta* do tác giả Lê Quốc Lý chủ biên [39] tiếp tục mở rộng phạm vi nghiên cứu từ lĩnh vực kinh tế sang lĩnh vực tổ chức quyền lực chính trị. Công trình làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và những yêu cầu đặt ra đối với quá trình đổi mới hệ thống chính trị trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nếu công trình của Nguyễn Xuân Thắng và Nguyễn Viết Thông nhấn mạnh tính

toàn diện trong nhận thức mô hình kinh tế, thì công trình này lại cho thấy yêu cầu phải xem xét đồng thời đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị như hai mặt của một quá trình phát triển thống nhất. Điều đó góp phần làm rõ hơn nội hàm của quan điểm toàn diện trong nhận thức và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu đó, năm 2016 đánh dấu bước phát triển quan trọng khi các nghiên cứu tập trung tổng kết thực tiễn 30 năm đổi mới. Tiêu biểu là công trình *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, do tập thể tác giả Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông đồng chủ biên [67]. Đây là một trong những công trình có ý nghĩa tổng kết lớn, phản ánh sự phát triển của nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh mới. Công trình không chỉ đánh giá những thành tựu và hạn chế của quá trình đổi mới mà còn luận giải sâu sắc các vấn đề cốt lõi như mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị, phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Việc đặt các lĩnh vực này trong mối liên hệ biện chứng với nhau cho thấy sự vận dụng ngày càng sâu sắc quan điểm toàn diện trong nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội.

Tiếp nối xu hướng tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, năm 2017 xuất hiện hai công trình có ý nghĩa nổi bật. Trước hết là công trình *Nghiên cứu chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh* do Tô Huy Rứa và Hoàng Chí Bảo đồng chủ biên [72]. Công trình đã vượt ra ngoài cách tiếp cận từng lĩnh vực riêng lẻ để hướng tới việc kiến giải một cách hệ thống về chủ thuyết phát triển của Việt Nam. Các tác giả không chỉ xem xét chủ nghĩa Mác - Lênin trong mối quan hệ với tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn đặt nó trong bối cảnh lịch sử dân tộc, yêu cầu phát triển đất nước và xu thế vận động của thời đại. Việc nghiên cứu đồng thời các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và con người đã thể hiện rõ tinh thần của quan điểm toàn diện trong nhận thức con đường phát triển của Việt Nam.

Cùng thời gian đó, công trình *Một số vấn đề triết học trong các văn kiện Đại hội XII của Đảng* do tác giả Trần Văn Phòng chủ biên [66] tiếp tục làm rõ cơ sở triết học của quá trình đổi mới. Thông qua việc phân tích các nội dung triết học trong Văn kiện Đại hội XII, công trình cho thấy những thành tựu của công cuộc đổi mới gắn liền với quá trình khắc phục các biểu hiện giáo điều, chủ quan và phiến diện trong nhận thức. Đây là minh chứng cho việc vận dụng ngày càng sâu sắc phép biện chứng duy vật và quan điểm toàn diện trong hoạch định đường lối phát triển đất nước.

Bước sang năm 2018, nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội tiếp tục được mở rộng theo hướng gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Công trình *Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam* của tác giả Vũ Trọng Lâm [34] đã tập trung phân tích mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền. Tác giả cho rằng việc đổi mới phương thức lãnh đạo không thể tách rời yêu cầu phát huy dân chủ, tăng cường pháp quyền và nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia. Cách tiếp cận này phản ánh yêu cầu xem xét các vấn đề chính trị trong tổng thể các quan hệ quyền lực, pháp luật và dân chủ, qua đó thể hiện rõ tinh thần của quan điểm toàn diện.

Năm 2019 chứng kiến sự phát triển của các nghiên cứu theo hai hướng bổ sung cho nhau. Một mặt, công trình *Chủ nghĩa xã hội hiện thực - Thực trạng và triển vọng* của tác giả Nguyễn An Ninh [63] tập trung đánh giá những thành tựu, hạn chế và triển vọng phát triển của chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh thế giới đương đại. Công trình cho thấy việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội không thể tách rời những biến động của tình hình quốc tế và những tác động của toàn cầu hóa. Mặt khác, công trình *Chủ nghĩa xã hội hiện thực trong quan hệ quốc tế* của tác giả Vũ Quang Vinh [153] đã mở rộng phạm vi nghiên cứu sang bình diện quốc tế, phân tích vị trí, vai trò và ảnh hưởng của các quốc gia xã hội chủ nghĩa trong cục diện thế giới hiện nay. Hai công trình này góp phần khẳng định rằng nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được đặt trong bối

cảnh toàn cầu, phản ánh yêu cầu vận dụng quan điểm toàn diện không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn trong các mối liên hệ quốc tế.

Đến năm 2021, nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đạt được bước phát triển mới khi gắn chặt với việc tổng kết thực tiễn gần 35 năm đổi mới và những định hướng chiến lược được xác lập tại Đại hội XIII của Đảng. Tiêu biểu là công trình *Chủ nghĩa xã hội Việt Nam: Logic - đổi mới và phát triển* của tác giả Nhị Lê [37]. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và dự báo xu hướng phát triển của đất nước trong tầm nhìn đến năm 2030 và 2045, tác giả đã tiếp cận chủ nghĩa xã hội Việt Nam như một quá trình vận động, đổi mới và phát triển không ngừng. Cách tiếp cận này cho thấy sự thống nhất giữa tư duy lịch sử, tư duy phát triển và quan điểm toàn diện trong nhận thức mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Sau Đại hội XIII, các nghiên cứu tiếp tục mở rộng sang những vấn đề về thể chế phát triển và hoàn thiện hệ thống chính trị. Điều này được thể hiện rõ trong các công trình xuất bản năm 2024 như: *Thể chế phát triển - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* của Ngô Tuấn Nghĩa; *Xây dựng mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị ở Việt Nam trong tình hình mới - Lý luận và thực tiễn* của tập thể tác giả Nguyễn Văn Giang, Đinh Ngọc Giang và Nguyễn Ngọc Ánh (Đồng chủ biên); và *Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giai đoạn mới, yêu cầu mới* của các tác giả Vũ Công Giao, Nguyễn Hoàng Anh, Trương Thị Hồng Hà, Trần Thị Diệu Anh... Các công trình này đều cho thấy xu hướng nghiên cứu chủ nghĩa xã hội không còn giới hạn ở việc xác định mục tiêu phát triển mà ngày càng chú trọng tới các điều kiện thể chế, cơ chế vận hành và năng lực quản trị quốc gia. Đây là bước phát triển mới của tư duy toàn diện khi nhận thức chủ nghĩa xã hội không chỉ ở phương diện mục tiêu mà còn ở phương diện tổ chức thực hiện.

Đặc biệt, năm 2025 đánh dấu sự xuất hiện của nhiều công trình lý luận mới nhằm luận giải những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong kỷ nguyên phát triển mới. Nếu các nghiên cứu trước đó chủ yếu tập trung làm rõ mô hình chủ nghĩa xã hội, đổi mới hệ thống chính trị và hoàn thiện thể chế phát triển, thì các

công trình năm 2025 đã mở rộng phạm vi nghiên cứu sang những yêu cầu chiến lược của giai đoạn phát triển mới, qua đó thể hiện ngày càng rõ nét sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức và hoạch định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trước hết, cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong kỷ nguyên phát triển mới* của tác giả Nguyễn Xuân Thắng [77] đã tiếp cận quá trình phát triển đất nước từ góc nhìn tổng thể giữa truyền thống và hiện đại, giữa yêu cầu phát triển trong nước với những biến động của môi trường quốc tế. Trên cơ sở khẳng định những thành tựu lý luận và thực tiễn của gần 40 năm đổi mới, tác giả không chỉ phác họa vị thế mới của Việt Nam trong bối cảnh thế giới đang chuyển biến sâu sắc mà còn đề xuất những định hướng nhằm nâng tầm tư duy lý luận, phát huy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Cách tiếp cận này cho thấy chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được nhận thức trong sự tác động qua lại giữa các yếu tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và hội nhập quốc tế, phản ánh rõ yêu cầu xem xét các vấn đề phát triển trong tính chỉnh thể và liên hệ đa chiều.

Từ nền tảng tư duy phát triển đó, cuốn sách *Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế tạo động lực phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới của đất nước: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* của Trần Quốc Toàn [74] tiếp tục đi sâu phân tích vai trò của thể chế như một nhân tố trung tâm bảo đảm sự vận hành đồng bộ của toàn bộ hệ thống phát triển. Công trình luận giải một cách hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn về đổi mới tư duy phát triển, xây dựng và hoàn thiện thể chế trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh yêu cầu gắn kết giữa hoàn thiện thể chế với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả huy động các nguồn lực xã hội. Những luận giải này thể hiện rõ tinh thần của quan điểm toàn diện khi đặt các yếu tố thể chế, nguồn lực, động lực và mục tiêu phát triển trong một hệ thống thống nhất, tác động biện chứng lẫn nhau.

Đặc biệt, xuất phát từ bối cảnh đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới, yêu cầu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, nâng cao năng lực quản trị quốc gia và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, tác giả Nguyễn Minh Hoàn đã chủ nhiệm, tổ chức và thực hiện đề tài *Nghiên cứu tổng kết lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa kinh tế với chính trị và đề xuất bổ sung, phát triển vào thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh mới*. Kết quả nghiên cứu của tập thể tác giả được kết tinh trong cuốn sách chuyên khảo: *Sự phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về biện chứng giữa kinh tế và chính trị ở Việt Nam* [31]. Cuốn sách không chỉ góp phần làm sâu sắc thêm nhận thức về một vấn đề mang tính nền tảng trong chủ nghĩa Mác - Lênin, những luận điểm cơ bản về kinh tế, chính trị và mối quan hệ giữa kinh tế với chính trị, mà còn vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, có ý nghĩa thiết thực đối với công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tham mưu hoạch định chính sách. Đây là nguồn tài liệu vô cùng quan trọng, có ý nghĩa tham khảo rất lớn đối với luận án.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu gần đây đã cho thấy bước phát triển mới trong nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nếu các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào mô hình phát triển, thể chế chính trị và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thì các công trình này đã tiếp cận vấn đề từ tầm nhìn chiến lược rộng hơn, gắn kết giữa phát triển và an ninh, giữa thể chế và động lực tăng trưởng, giữa yêu cầu trong nước và bối cảnh quốc tế. Qua đó, quan điểm toàn diện không chỉ được thể hiện như một nguyên tắc phương pháp luận của phép biện chứng duy vật mà còn trở thành cơ sở tư duy quan trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Song song với các công trình chuyên khảo, nhiều bài viết đăng trên các tạp chí khoa học và lý luận chính trị cũng đã góp phần bổ sung, phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nhìn chung, các bài viết đã góp phần bổ sung, cập nhật và cụ thể hóa những vấn đề được đặt ra trong các công trình chuyên khảo. Qua đó cho thấy nhận

thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được tiếp cận theo hướng toàn diện hơn, gắn kết chặt chẽ giữa tổng kết thực tiễn với phát triển lý luận, giữa bối cảnh trong nước với bối cảnh quốc tế, giữa yêu cầu kiên định mục tiêu với đòi hỏi đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển đất nước.

1.2. Những nghiên cứu về tư tưởng, lý luận của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

1.2.1. Tổng hợp các tác phẩm lý luận của Nguyễn Phú Trọng

Trong tiến trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng, đặc biệt từ sau Đại hội XIII (2021), tư tưởng của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã trở thành một hiện tượng học thuật nổi bật trong không gian khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam. Theo thống kê, ngoài rất nhiều các bài phát biểu, bài nói, bài viết trên các báo, tạp chí khoa học, các tác phẩm sách của ông đến nay có hơn 40 cuốn. Đây là những tác phẩm lý luận chặt chẽ trên nhiều lĩnh vực, thể hiện rõ bản lĩnh, quan điểm, lập trường nhất quán, kiên định của cố Tổng Bí thư, đặc biệt là tư duy mang tầm chiến lược nhưng cũng rất cụ thể. Các công trình này có thể được phân thành một số nhóm chủ đề cơ bản sau:

Thứ nhất, nhóm tác phẩm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam gồm các cuốn: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (2022), *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta* (2024) và *Về định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* (2024). Đây là nhóm công trình có ý nghĩa nền tảng, tập trung luận giải những vấn đề cốt lõi về bản chất, đặc trưng, mục tiêu, động lực và phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đồng thời tổng kết thực tiễn đổi mới và phát triển lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới.

Thứ hai, nhóm tác phẩm về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị gồm: *Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng* (2024), *Một số vấn đề cần*

được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIV của Đảng (2024), Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước (2024), Quyết tâm cao, biện pháp quyết liệt, nhằm tạo chuyển biến mới về xây dựng Đảng (2024), Cương lĩnh chính trị - Ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta (2024), Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước (2024), Tìm hiểu sự lãnh đạo của Đảng đối với Công đoàn (2024), Nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (2024) và Nguyên tắc tập trung dân chủ phải chăng đã lỗi thời? (2024). Các công trình này tập trung làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, củng cố nền tảng tư tưởng và nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng trong giai đoạn phát triển mới.

Thứ ba, nhóm tác phẩm về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực gồm: Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh (2023), Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Một việc làm cần thiết, tất yếu; một xu thế không thể đảo ngược (2024) và Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng (2024). Nhóm công trình này hệ thống hóa quan điểm, chủ trương và những kết quả thực tiễn trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, qua đó góp phần hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Thứ tư, nhóm tác phẩm về quốc phòng, an ninh và đối ngoại gồm: Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới (2023), Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam” (2023) và Kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, quyết tâm xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam” (2024). Các công trình này làm rõ tư duy chiến lược của Đảng về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đồng thời

phát triển đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa và hội nhập quốc tế toàn diện.

Thứ năm, nhóm tác phẩm về văn hóa, xã hội và đại đoàn kết toàn dân tộc gồm: *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* (2024), *Vì một nền văn hóa Việt Nam dân tộc, hiện đại* (2024), *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc* (2023) và *Giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, vai trò nòng cốt chính trị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quyết tâm xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc* (2024). Nhóm công trình này khẳng định vai trò của văn hóa và đại đoàn kết dân tộc như những nguồn lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ sáu, nhóm tác phẩm về phát triển kinh tế - xã hội gồm: *Cả nước đồng lòng, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng* (2023), *Biến thách thức thành cơ hội, quyết tâm tạo đột phá đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững* (2024), *Hướng tới 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, xây dựng Thủ đô phát triển toàn diện, bền vững* (2024) và *Luận cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* (2024). Các công trình tập trung vào những vấn đề chiến lược của phát triển đất nước, từ đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển bền vững, xây dựng đội ngũ cán bộ đến khơi dậy khát vọng phát triển quốc gia.

Thứ bảy, nhóm tác phẩm về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa gồm: *Quốc hội trong tiến trình đổi mới đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*. Các công trình tập trung luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phát huy dân chủ và hoàn thiện thể chế trong điều kiện mới.

Bên cạnh đó còn có các công trình mang tính tổng kết quá trình đổi mới đất nước như bộ sách *Vững bước trên con đường đổi mới* (4 tập), *Vững bước trên con đường đã chọn*, *Vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng*, *khó khăn nào cũng vượt qua*, *Toàn Đảng, toàn dân chung sức*, *đồng lòng xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*, *Đoàn kết*, *vững tin đưa đất nước bước vào giai đoạn mới*; cùng các tài liệu tiếng nước ngoài như *Vietnam from 1986*, *Renewal in Vietnam - Theory and Reality* và các bản dịch cuốn *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Những công trình này góp phần giới thiệu rộng rãi những thành tựu đổi mới và mô hình phát triển của Việt Nam tới bạn bè quốc tế.

Nhìn chung, hệ thống tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng bao quát hầu hết các lĩnh vực trọng yếu của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và xây dựng Đảng. Đây là nguồn tư liệu lý luận và thực tiễn có giá trị đặc biệt quan trọng, phản ánh sự phát triển tư duy lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, đồng thời là cơ sở quan trọng cho việc nghiên cứu quan điểm toàn diện trong các luận điểm lý luận của Nguyễn Phú Trọng.

1.2.2. Những nghiên cứu trong nước về tư tưởng, lý luận của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Từ các chuyên khảo của Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương, cho đến hàng trăm bài nghiên cứu, hội thảo, công trình cá nhân của các học giả, một hệ thống lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam đã được hình thành và không ngừng được bổ sung, hoàn thiện. Mặc dù chưa xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu trực tiếp về quan điểm toàn diện như một phạm trù triết học, song thông qua các sách chuyên khảo, công trình tổng hợp và các bài nghiên cứu khoa học, những biểu hiện của quan điểm toàn diện trong tư duy lý luận và hoạt động thực tiễn của Nguyễn Phú Trọng đã được đề cập ở nhiều mức độ khác nhau.

Thứ nhất, các công trình sách và chuyên khảo

Theo trình tự thời gian, một trong những công trình sớm đề cập đến tư duy và tầm nhìn chiến lược của Nguyễn Phú Trọng là cuốn *Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng với tình cảm của nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế* [3] do Báo Nhân Dân tuyển chọn năm 2019. Mặc dù chủ yếu phản ánh tình cảm, sự đánh giá của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế đối với Tổng Bí thư, song nhiều bài viết trong công trình đã bước đầu ghi nhận phong cách tư duy mang tính hệ thống, khả năng xem xét và giải quyết các vấn đề của đất nước từ nhiều chiều cạnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và đối ngoại. Đây có thể xem là những nhận diện ban đầu về tính toàn diện trong tư duy lãnh đạo của Nguyễn Phú Trọng.

Năm 2020, Báo Nhân Dân xuất bản cuốn *Tầm nhìn chiến lược và ý chí vươn lên của dân tộc* [4]. Thông qua việc phân tích các bài viết của Nguyễn Phú Trọng về công tác chuẩn bị Đại hội XIII của Đảng, các tác giả đã làm rõ cách tiếp cận tổng thể trong hoạch định chiến lược phát triển đất nước. Nhiều bài viết nhấn mạnh yêu cầu giải quyết đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng Đảng, phát triển văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh và mở rộng hội nhập quốc tế. Cuốn sách là tài liệu quý đã làm nổi bật cách Nguyễn Phú Trọng vận dụng quan điểm toàn diện để định hướng phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế và giúp các đại biểu dự Đại hội XIII thấy rõ hơn trách nhiệm, nghĩa vụ thiêng liêng của mình khi vinh dự được tham gia quyết định những vấn đề hệ trọng của đất nước, góp phần vào thành công của Đại hội XIII của Đảng.

Bước ngoặt quan trọng trong nghiên cứu tư tưởng Nguyễn Phú Trọng xuất hiện năm 2021 với việc Ban Tuyên giáo Trung ương xuất bản cuốn *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Dư luận trong nước và quốc tế về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng* [1]. Công trình tập hợp nhiều ý kiến đánh giá của các nhà khoa học trong nước và quốc tế về bài viết cùng tên của Nguyễn Phú Trọng. Điểm nổi bật của công trình là đã chỉ ra cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội như một

chính thể thống nhất giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, con người, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Nhiều tác giả cho rằng sức thuyết phục của bài viết không chỉ nằm ở các luận điểm cụ thể mà còn ở phương pháp tiếp cận toàn diện, luôn đặt các vấn đề trong mối liên hệ với nhau và gắn chặt với thực tiễn Việt Nam. Điều này cũng cho thấy vai trò trung tâm của tư tưởng Nguyễn Phú Trọng trong việc hiện đại hóa nền tảng tư tưởng lý luận của Đảng.

Năm 2022, Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp tục xuất bản cuốn *Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* [2]. Công trình tập trung phân tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đồng thời khẳng định yêu cầu nhận thức chủ nghĩa xã hội trên nhiều bình diện khác nhau. Thông qua việc làm rõ các mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, giữa phát triển với ổn định, giữa độc lập dân tộc với hội nhập quốc tế, công trình tiếp tục phản ánh tư duy toàn diện trong nhận thức và giải quyết các vấn đề của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Cũng trong năm 2022, Báo Nhân Dân xuất bản cuốn *Niềm tin yêu của nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế dành cho Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng* [5]. Mặc dù không phải là công trình nghiên cứu chuyên sâu, nhưng nhiều bài viết trong sách đã đề cập đến tầm nhìn chiến lược và khả năng bao quát nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội trong tư duy lãnh đạo của Nguyễn Phú Trọng. Qua đó cho thấy sự ghi nhận của xã hội đối với phong cách lãnh đạo mang tính toàn diện và hệ thống của ông.

Năm 2023, cuốn *Danh dự là điều thiêng liêng, cao quý nhất* [21] được xuất bản dưới sự chỉ đạo nội dung của Đại tướng Tô Lâm. Thông qua hệ thống các bài phát biểu, bài viết của Nguyễn Phú Trọng về lực lượng Công an nhân dân, công trình cho thấy cách tiếp cận toàn diện đối với vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia khi đặt nó trong mối quan hệ với xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế, văn hóa và củng cố niềm tin của nhân dân. Công trình đồng thời phản ánh sự thống nhất giữa yêu cầu chính trị, pháp lý và đạo đức trong quản trị quốc gia.

Năm 2023, Nhà xuất bản Khoa học xã hội xuất bản cuốn sách *Những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay qua tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng* [32] do Lê Hữu Nghĩa và Nguyễn Tài Đông đồng chủ biên đã tập hợp các bài viết tham dự Hội thảo Khoa học quốc gia cùng tên. Cuốn sách gồm có hai phần: Phần thứ nhất là những bài viết nói về một số điểm mới về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, giúp người đọc hiểu giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội qua tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng và thêm vững tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Phần thứ hai là các vấn đề thực tiễn trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, như: đảm bảo công bằng xã hội trong quá trình phát triển kinh tế; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ đảng viên có tâm, có tầm, vừa hồng vừa chuyên... Các bài viết giúp cho người đọc thấy được thực trạng, những điểm mới và những vấn đề còn tồn tại trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cuốn sách đã góp phần nghiên cứu sâu sắc và nâng cao nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội cũng như con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời lan tỏa những giá trị của các tác phẩm mà cố Tổng Bí thư để lại.

Đặc biệt, năm 2024, tác giả Vũ Trọng Lâm công bố chuyên khảo *Nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua các tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng* [36]. Đây là công trình có tính hệ thống nhất trong số các nghiên cứu đã công bố. Tác giả khảo cứu toàn diện các tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, qua đó làm rõ cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội như một chỉnh thể thống nhất giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, con người, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và xây dựng Đảng. Có thể xem đây là công trình gần nhất với hướng tiếp cận của luận án khi bước đầu nhận diện được tính toàn diện trong tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng.

Thứ hai, các công trình báo, tạp chí

Bên cạnh các công trình sách chuyên khảo, đã xuất hiện số lượng lớn các bài báo khoa học, bài viết trên các tạp chí lý luận chính trị và các cơ quan báo chí trung ương nghiên cứu về cuộc đời, sự nghiệp, tư tưởng và các tác phẩm

của cô Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng dưới nhiều góc độ khác nhau. Đây là nguồn tư liệu phong phú, góp phần làm rõ những giá trị lý luận và thực tiễn trong di sản tư tưởng của ông.

Một hướng nghiên cứu đáng chú ý trong những năm gần đây tập trung làm rõ phẩm chất nhà lý luận, nhà tư tưởng, phong cách tư duy và những đóng góp của Nguyễn Phú Trọng đối với sự phát triển lý luận của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Khác với các công trình nghiên cứu mang tính tổng hợp về nội dung tư tưởng, nhóm nghiên cứu này bắt đầu chuyển trọng tâm từ việc phân tích “cái được nói” sang nhận diện “cách thức tư duy”, qua đó bước đầu tiếp cận tư tưởng Nguyễn Phú Trọng dưới góc độ phương pháp luận và triết học. Tiêu biểu có các bài viết của Nguyễn Thái Học, Đỗ Bình, Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Minh Phương, Tường Duy Kiên, Đinh Xuân Dũng, Đoàn Triệu Long cùng nhiều tác giả khác đăng trên Báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Tuyên giáo, Tạp chí Lý luận chính trị và một số cơ quan nghiên cứu lý luận trung ương.

Tiêu biểu trong hướng tiếp cận này là bài viết “Bệnh sợ trách nhiệm - 50 năm trước và hiện nay” [175] của Nguyễn Thái Học đăng trên Báo Nhân Dân ngày 06/11/2023. Trên cơ sở phân tích bài viết “Bệnh sợ trách nhiệm” của Nguyễn Phú Trọng đăng trên Tạp chí Cộng sản năm 1973 với bút danh Người xây dựng, tác giả đã làm rõ tính nhất quán trong tư duy chính trị và đạo đức cách mạng của Nguyễn Phú Trọng từ rất sớm. Bài viết cho thấy những vấn đề mà ông đặt ra từ nửa thế kỷ trước như chống chủ nghĩa cá nhân, đề cao trách nhiệm, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh hiện nay.

Sau khi Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ trần, nhiều bài viết đã tập trung nghiên cứu sâu hơn về chân dung một nhà lý luận của Đảng. Đáng chú ý là bài viết “Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Nhà lý luận có trí tuệ mẫn tiệp, đầy bản lĩnh” [170] của Đỗ Bình đăng trên Tạp chí Tuyên giáo ngày 22/7/2024. Theo tác giả, điểm nổi bật trong tư duy của ông là khả năng kết hợp giữa tầm nhìn chiến lược và những vấn đề cụ thể của thực tiễn; giữa kiên định nền tảng

tư tưởng với tinh thần đổi mới sáng tạo; giữa tư duy khái quát và khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn của đất nước. Đây chính là những biểu hiện sinh động của phương pháp tư duy biện chứng trong điều kiện mới.

Tiếp tục hướng nghiên cứu đó, bài viết “Đồng chí Nguyễn Phú Trọng với kỷ nguyên đổi mới, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa” [191] của Nguyễn Thanh Tuấn và Lê Minh Phương đăng trên Tạp chí Cộng sản ngày 08/7/2025 đã trình bày tương đối hệ thống những đóng góp lý luận của Nguyễn Phú Trọng đối với nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Các tác giả cho rằng đóng góp nổi bật của ông là từng bước làm rõ nội hàm mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, xây dựng hệ thống các “mối quan hệ lớn” mang tính quy luật trong thời kỳ đổi mới và phát triển nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, văn hóa, con người, xây dựng Đảng và đối ngoại.

Ở các lĩnh vực cụ thể, nhiều nghiên cứu đã tiếp cận tư tưởng Nguyễn Phú Trọng từ các góc độ chuyên ngành khác nhau. Trong bài viết “Những đóng góp của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đối với sự phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người trong thời kỳ đổi mới” [179] đăng ngày 02/8/2024, tác giả Tường Duy Kiên khẳng định đóng góp quan trọng của Nguyễn Phú Trọng là phát triển nhận thức về quyền con người trên cơ sở thống nhất giữa quyền cá nhân với lợi ích cộng đồng, giữa tự do với trách nhiệm xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Trong bài viết “Đặc trưng tư duy và tầm nhìn của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về văn hóa, con người Việt Nam” [171] đăng ngày 12/8/2024, Đinh Xuân Dũng làm rõ quan niệm của Nguyễn Phú Trọng về văn hóa như nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực nội sinh của phát triển và là “hồn cốt của dân tộc”. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh khả năng xử lý hài hòa các mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại, phát triển kinh tế và phát triển văn hóa trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng.

Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu tập trung phân tích dấu ấn lãnh đạo của Nguyễn Phú Trọng trong thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước như: “Vừa

chống tham nhũng vừa phát triển kinh tế: Dấu ấn người đứng đầu của Đảng” của Lê Hoàng đăng trên Báo điện tử VOV ngày 22/7/2024; “Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với khát vọng xây dựng một xã hội thực sự vì con người ở Việt Nam trong bối cảnh mới” của Đoàn Triệu Long đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị ngày 30/8/2024... đã nhấn mạnh quan niệm coi con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển, đồng thời khẳng định tính nhân văn sâu sắc trong tư tưởng về chủ nghĩa xã hội của Nguyễn Phú Trọng.

Đáng chú ý, sau khi nhiều tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng được xuất bản và phổ biến rộng rãi, đặc biệt là các tác phẩm như *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực...*, đã xuất hiện nhiều bài nghiên cứu trên Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Lý luận chính trị, Tạp chí Tuyên giáo, Tạp chí Quốc phòng toàn dân, Tạp chí Công an nhân dân tập trung phân tích giá trị lý luận và phong cách tư duy của tác giả.

Nhìn chung, các công trình trên đã góp phần làm rõ nhiều phương diện quan trọng trong tư duy và hoạt động lý luận của Nguyễn Phú Trọng; bước đầu nhận diện các đặc trưng nổi bật như tính hệ thống, tính biện chứng, tư duy chiến lược, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa kiên định nguyên tắc và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu vẫn chủ yếu tập trung vào nội dung tư tưởng, các quan điểm chính trị hoặc giá trị thực tiễn của những luận điểm mà Nguyễn Phú Trọng đưa ra. Việc nghiên cứu từ góc độ triết học, đặc biệt là làm rõ cơ chế vận dụng các nguyên lý, quan điểm phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng, nhất là quan điểm toàn diện, vẫn còn là khoảng trống đáng kể. Đây chính là vấn đề mà luận án hướng tới nghiên cứu nhằm góp phần làm sáng tỏ cơ sở triết học, logic tư duy và giá trị phương pháp luận của những đóng góp lý luận của Nguyễn Phú Trọng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

1.2.3. Những nghiên cứu nước ngoài về tư tưởng, lý luận của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Cùng với sự phát triển của công cuộc đổi mới và vị thế ngày càng cao của Việt Nam trên trường quốc tế, tư tưởng và những đóng góp lý luận của Nguyễn Phú Trọng đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả, nhà chính trị, nhà nghiên cứu đến từ các quốc gia và khu vực khác nhau trên thế giới. Mặc dù cách tiếp cận có sự khác biệt tùy thuộc vào bối cảnh chính trị, học thuật và hệ giá trị của từng quốc gia, song nhìn chung các công trình nghiên cứu nước ngoài đều đánh giá cao những đóng góp của Nguyễn Phú Trọng đối với sự phát triển lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong nhóm các học giả thuộc các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, tư tưởng Nguyễn Phú Trọng thường được nghiên cứu dưới góc độ phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện Việt Nam đương đại. Nhiều học giả và chính khách đến từ Liên bang Nga, Cuba, Trung Quốc, Lào, Brazil, Ucraina và một số nước khác đã đánh giá cao những đóng góp của ông trong việc làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng cầm quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hóa và con người, cũng như mở rộng quan hệ đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Các nghiên cứu và nhận định của nhiều học giả, chính khách quốc tế đã cho thấy sự quan tâm ngày càng tăng đối với những đóng góp lý luận của Nguyễn Phú Trọng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tiêu biểu có Gennady Zyuganov - Chủ tịch Đảng Cộng sản Liên bang Nga, người nhiều năm nghiên cứu lý luận mácxít và phong trào cộng sản quốc tế; Vyacheslav Nikonov - nhà sử học, chính trị học Nga, Chủ tịch Quỹ Russkiy Mir và là một trong những học giả có ảnh hưởng trong nghiên cứu quan hệ quốc tế của Nga; S.M. Mironov - Chủ tịch Đảng Nước Nga Công bằng - Những người yêu nước - Vì sự thật; Petr Simonenko - Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Ucraina; Tiến sĩ Ruvislei González Saez - chuyên gia hàng đầu của Cuba về

ngiên cứu Việt Nam, Trưởng Ban Nghiên cứu châu Á - châu Đại Dương thuộc Trung tâm Nghiên cứu chính trị quốc tế (CIPI), đồng thời là tác giả công trình “Theoretical and Practical Elements of the Vietnam Socialist Experience” nghiên cứu trực tiếp về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Walter Sorrentino - Phó Chủ tịch Đảng Cộng sản Brazil; Giáo sư Mễ Lương thuộc Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh; Giáo sư Hứa Lợi Bình - Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Đông Nam Á thuộc Viện Khoa học xã hội Trung Quốc (CASS); Đại sứ Sengphét Hùngbunnuông - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tại Việt Nam cùng nhiều nhà nghiên cứu, lãnh đạo chính trị và chuyên gia quốc tế khác.

Mặc dù xuất phát từ những môi trường học thuật và chính trị khác nhau, các học giả trên đều có điểm gặp gỡ trong nhận định rằng những thành tựu nổi bật của Việt Nam trong gần bốn thập niên đổi mới không chỉ bắt nguồn từ các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cụ thể mà còn gắn liền với quá trình bổ sung, phát triển và hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhiều học giả đặc biệt đánh giá cao những đóng góp lý luận của Nguyễn Phú Trọng trong việc làm sáng tỏ các vấn đề cốt lõi của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Đảng cầm quyền, phát triển văn hóa, con người và xử lý các mối quan hệ lớn trong quá trình phát triển đất nước.

Trong đó, Tiến sĩ Ruvislei González Saez là trường hợp tiêu biểu khi không chỉ đưa ra các nhận định chính trị mà còn có những nghiên cứu học thuật trực tiếp về mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Ông cho rằng kinh nghiệm Việt Nam là minh chứng cho khả năng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện mới, đồng thời đánh giá bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Nguyễn Phú Trọng là một tài liệu lý luận có giá trị tham khảo đối với các quốc gia đang tìm kiếm con đường phát triển xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của mình.

Khác với các học giả thuộc truyền thống mácxít, giới nghiên cứu phương Tây và các học giả độc lập thường tiếp cận Nguyễn Phú Trọng không phải trước hết với tư cách một nhà lý luận về chủ nghĩa xã hội, mà như một nhân vật có ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình phát triển chính trị, kinh tế và đối ngoại của Việt Nam đương đại. Vì vậy, các nghiên cứu thường được triển khai dưới các góc độ chính trị học, nghiên cứu phát triển, quản trị quốc gia và quan hệ quốc tế.

Trong lĩnh vực nghiên cứu chính trị và phát triển, nhiều học giả quốc tế tập trung lý giải nguyên nhân giúp Việt Nam duy trì ổn định chính trị trong khi vẫn đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và hội nhập quốc tế sâu rộng. Tiêu biểu là Giáo sư Furuta Motoo (Đại học Việt - Nhật, Nhật Bản), một trong những chuyên gia hàng đầu về Việt Nam học ở châu Á. Khi đánh giá về vai trò của Nguyễn Phú Trọng, ông cho rằng dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế, ổn định chính trị và nâng cao vị thế quốc tế; đồng thời nhấn mạnh tầm nhìn chiến lược của Việt Nam hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển vào năm 2045. Nhiều nghiên cứu của Furuta Motoo về Việt Nam thời kỳ đổi mới cũng xem sự kết hợp giữa ổn định chính trị và cải cách kinh tế là một trong những đặc điểm nổi bật của mô hình phát triển Việt Nam.

Ở góc độ quan hệ quốc tế và chiến lược phát triển, cựu Đại sứ Australia tại Việt Nam John McCarthy nhận định Việt Nam dưới thời Nguyễn Phú Trọng đã trở thành một trong những quốc gia có năng lực tự chủ chiến lược đáng chú ý nhất tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Theo ông, việc Việt Nam đồng thời phát triển quan hệ với các cường quốc như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga, Australia và Liên minh châu Âu phản ánh năng lực điều hành đối ngoại linh hoạt nhưng vẫn giữ vững lợi ích quốc gia và định hướng phát triển độc lập.

Đặc biệt, từ sau khi khái niệm “ngoại giao cây tre” được Nguyễn Phú Trọng hệ thống hóa trong cuốn sách *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”*

(2023), nhiều học giả và cơ quan nghiên cứu quốc tế đã dành sự quan tâm đáng kể đối với đường lối đối ngoại của Việt Nam. Tờ Washington Post nhận định rằng Nguyễn Phú Trọng đã giúp Việt Nam duy trì quan hệ cân bằng với các trung tâm quyền lực lớn trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa các nước lớn. Trong khi đó, các cơ quan truyền thông và nghiên cứu có uy tín của Nhật Bản như NHK, Nikkei và Yomiuri Shimbun đánh giá chính sách đối ngoại của Việt Nam là một mô hình “cân bằng chiến lược”, cho phép Việt Nam vừa mở rộng hợp tác quốc tế, vừa bảo đảm độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia. Những nghiên cứu này thường xem “ngoại giao cây tre” là biểu hiện của sự kết hợp giữa tính nguyên tắc và tính linh hoạt trong hoạch định chính sách đối ngoại.

Một hướng nghiên cứu khác thu hút sự chú ý của học giả phương Tây là công cuộc xây dựng Đảng và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Các nghiên cứu của Nikkei Asia, The New York Times, Reuters, BBC và nhiều tổ chức nghiên cứu quốc tế thường tập trung phân tích chiến dịch phòng, chống tham nhũng do Nguyễn Phú Trọng khởi xướng từ năm 2013. Mặc dù có những cách tiếp cận và đánh giá khác nhau, phần lớn các nghiên cứu đều thừa nhận rằng chiến dịch này đã tạo ra những tác động sâu rộng đối với đời sống chính trị Việt Nam, góp phần củng cố kỷ luật trong Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và nâng cao niềm tin của xã hội đối với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Ngoài ra, một số học giả độc lập còn tiếp cận tư tưởng Nguyễn Phú Trọng từ góc độ nghiên cứu mô hình phát triển. Kishore Mahbubani - nhà ngoại giao và học giả nổi tiếng của Singapore - đánh giá cao năng lực lãnh đạo của Việt Nam trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế, ổn định xã hội và giữ vững bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập toàn cầu. Theo ông, sự phát triển của Việt Nam trong những năm gần đây là một trong những hiện tượng đáng chú ý nhất của châu Á đương đại.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng phần lớn các công trình của giới học giả phương Tây và các nhà nghiên cứu độc lập chủ yếu tiếp cận Nguyễn Phú Trọng từ góc độ thực tiễn chính trị và hiệu quả quản trị quốc gia. Trọng tâm

ngiên cứu thường là những thành tựu của Việt Nam trong phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Đảng, phòng chống tham nhũng hay hoạch định chính sách đối ngoại. Ngược lại, những nghiên cứu đi sâu vào nền tảng lý luận, cơ sở triết học và phương pháp luận trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng còn rất ít. Đặc biệt, hầu như chưa có công trình nào khảo cứu một cách chuyên biệt việc vận dụng các nguyên lý và quan điểm của triết học Mác - Lênin, nhất là quan điểm toàn diện, trong quá trình xây dựng hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu quan trọng mà đề tài hướng tới bổ khuyết.

1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục giải quyết

1.3.1. Những kết quả nghiên cứu đã đạt được

Qua khảo cứu các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cũng như các công trình nghiên cứu về tư tưởng, sự nghiệp lý luận và hoạt động lãnh đạo của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, có thể khẳng định rằng đã hình thành một khối lượng tri thức tương đối phong phú, tạo nền tảng khoa học quan trọng cho việc triển khai đề tài luận án.

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về quan điểm toàn diện trong triết học Mác - Lênin đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận, nội hàm, nguyên tắc và ý nghĩa phương pháp luận của quan điểm toàn diện trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Các nghiên cứu đã thống nhất khẳng định rằng quan điểm toàn diện là một trong những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật, đòi hỏi phải xem xét sự vật trong tính chỉnh thể, trong mối liên hệ đa chiều, trong sự vận động, phát triển và tác động qua lại giữa các yếu tố cấu thành. Đây là cơ sở lý luận trực tiếp để luận án vận dụng làm công cụ phân tích tư tưởng Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã góp phần làm rõ quá trình hình thành, phát

triển và hoàn thiện nhận thức lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Nhiều công trình đã phân tích sâu sắc các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam; các quy luật, động lực và điều kiện bảo đảm cho quá trình quá độ; đồng thời làm rõ các mối quan hệ lớn mà Đảng xác định trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những nghiên cứu này đã cung cấp cơ sở lý luận quan trọng để nhận diện môi trường tư tưởng và thực tiễn mà Nguyễn Phú Trọng kế thừa, phát triển và bổ sung trong quá trình lãnh đạo đất nước.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu về Nguyễn Phú Trọng đã từng bước khẳng định vị trí của ông không chỉ với tư cách là một nhà lãnh đạo chính trị xuất sắc mà còn là một nhà lý luận có nhiều đóng góp quan trọng đối với sự phát triển tư duy lý luận của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Đặc biệt, kể từ sau khi bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” được công bố năm 2021, đã xuất hiện một dòng nghiên cứu tương đối phong phú xoay quanh hệ thống tư tưởng lý luận của Nguyễn Phú Trọng. Các công trình đã tập trung làm rõ nhiều nội dung cốt lõi như: nhận thức về bản chất và đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam; phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phát triển văn hóa, con người; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; bảo đảm quốc phòng, an ninh; hội nhập quốc tế và đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ.

Nổi bật trong số đó là công trình *Nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua các tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng* của Vũ Trọng Lâm (2024). Đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và chuyên biệt về tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng trên lĩnh vực chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Công trình đã góp phần phác họa tương đối đầy đủ cấu trúc nội dung của hệ thống tư tưởng Nguyễn Phú Trọng, từ đó tạo nền tảng quan trọng để các nghiên cứu tiếp theo tiếp cận sâu hơn ở bình diện triết học và phương pháp luận.

Bên cạnh đó, nhiều bài viết trên Báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Tuyên giáo, Tạp chí Lý luận chính trị và các diễn đàn học thuật khác đã bước đầu tiếp cận tư tưởng Nguyễn Phú Trọng từ góc độ phong cách tư duy và phương pháp luận. Các tác giả đã chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng như tính hệ thống, tính biện chứng, sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa kiên định và đổi mới, giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, con người và công bằng xã hội. Dù chưa trực tiếp nghiên cứu dưới góc độ quan điểm toàn diện, nhưng các công trình này đã cung cấp nhiều luận cứ quan trọng để nhận diện những biểu hiện sinh động của tư duy toàn diện trong hệ thống quan điểm của Nguyễn Phú Trọng.

Thứ tư, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã góp phần khẳng định giá trị thực tiễn và sức ảnh hưởng của tư tưởng Nguyễn Phú Trọng đối với tiến trình đổi mới ở Việt Nam. Nhiều học giả quốc tế đánh giá cao những đóng góp lý luận của ông trong việc giải quyết mối quan hệ giữa kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa với đổi mới sáng tạo; giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; giữa độc lập dân tộc với hội nhập quốc tế; giữa xây dựng Đảng với phát triển đất nước. Điều này cho thấy tư tưởng Nguyễn Phú Trọng không chỉ có ý nghĩa trong phạm vi Việt Nam mà còn trở thành đối tượng nghiên cứu ngày càng được quan tâm trong giới khoa học quốc tế.

Tổng thể các công trình đã cung cấp nguồn tư liệu phong phú, những luận cứ khoa học quan trọng và nhiều gợi mở có giá trị cho việc nghiên cứu tư tưởng Nguyễn Phú Trọng. Đồng thời, các công trình cũng bước đầu cho thấy trong hệ thống tư tưởng của ông tồn tại một phương thức tư duy mang tính chỉnh thể, biện chứng và toàn diện, tạo tiền đề trực tiếp cho việc nghiên cứu chuyên sâu hơn dưới góc độ triết học.

1.3.2. Những nội dung luận án tập trung nghiên cứu

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, song qua khảo cứu có thể nhận thấy rằng nghiên cứu về tư tưởng Nguyễn Phú Trọng hiện nay vẫn tồn tại những khoảng trống đáng kể cả về lý luận lẫn phương pháp tiếp cận.

Trước hết, phần lớn các công trình hiện có chủ yếu tập trung nghiên cứu nội dung các quan điểm của Nguyễn Phú Trọng trên từng lĩnh vực cụ thể như kinh tế, chính trị, văn hóa, xây dựng Đảng, đối ngoại hoặc phòng, chống tham nhũng. Trong khi đó, còn rất ít nghiên cứu đi sâu làm rõ nền tảng triết học, phương pháp tư duy và logic nội tại chi phối toàn bộ hệ thống quan điểm ấy. Nói cách khác, các công trình chủ yếu trả lời câu hỏi Nguyễn Phú Trọng nói gì, nhưng chưa lý giải đầy đủ Nguyễn Phú Trọng tư duy như thế nào.

Thứ hai, mặc dù nhiều nghiên cứu đã đề cập đến tính biện chứng, tính hệ thống và tính toàn diện trong tư duy Nguyễn Phú Trọng, nhưng mới dừng lại ở những nhận xét mang tính khái quát. Cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên biệt, có hệ thống về sự vận dụng quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin trong tư tưởng Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Khoảng trống này đặc biệt đáng chú ý bởi quan điểm toàn diện chính là một trong những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản nhất của phép biện chứng duy vật.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu hiện nay chưa làm rõ được mối liên hệ giữa các nguyên lý triết học với tư duy chính trị và hành động lãnh đạo của Nguyễn Phú Trọng. Chưa có nghiên cứu nào phân tích một cách hệ thống cách thức ông vận dụng quan điểm toàn diện để nhận thức, xử lý và giải quyết các mối quan hệ lớn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như: đổi mới - ổn định - phát triển; kinh tế - chính trị; tăng trưởng kinh tế - tiến bộ và công bằng xã hội; độc lập, tự chủ - hội nhập quốc tế; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ.

Thứ tư, các nghiên cứu về Nguyễn Phú Trọng hiện nay chủ yếu thuộc các lĩnh vực chính trị học, xây dựng Đảng, khoa học lãnh đạo và quản lý hoặc lịch sử tư tưởng chính trị. Hầu như chưa có công trình nào tiếp cận trực tiếp từ góc độ triết học Mác - Lênin để phân tích chiều sâu phương pháp luận của các tác phẩm và hệ thống tư tưởng của ông. Vì vậy, những giá trị triết học ẩn chứa trong các tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng vẫn chưa được khai thác tương xứng với tầm vóc lý luận của chúng.

Đáng chú ý hơn, trong bối cảnh hiện nay, tuy đã có nhiều công trình nghiên cứu về Nguyễn Phú Trọng, nhưng các nghiên cứu chuyên sâu của học giả quốc tế còn tương đối hạn chế. Phần lớn các học giả nước ngoài mới dừng lại ở việc đánh giá, bình luận hoặc nhận định về vai trò lãnh đạo, đường lối đối nội, đối ngoại, công cuộc phòng, chống tham nhũng và những thành tựu phát triển của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các nghiên cứu tiếp cận trực tiếp hệ thống tư tưởng, phương pháp tư duy hay giá trị triết học trong các tác phẩm của Nguyễn Phú Trọng gần như chưa xuất hiện. Điều đó cho thấy đây vẫn là một lĩnh vực nghiên cứu mới, còn nhiều dư địa để khám phá và phát triển.

Xuất phát từ những khoảng trống nêu trên, luận án xác định tập trung nghiên cứu các nội dung chủ yếu sau:

Một là, xuất phát từ quan điểm toàn diện trong triết học Mác - Lênin, xác định nội hàm, cấu trúc và ý nghĩa phương pháp luận của quan điểm toàn diện đối với nhận thức và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó, phân tích cơ sở hình thành quan điểm toàn diện trong xây dựng lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam của Nguyễn Phú Trọng.

Hai là, làm rõ những nội dung vận dụng quan điểm toàn diện trong hệ thống tư tưởng của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cụ thể là trong nhận thức về bản chất và mục tiêu của CNXH, nhận thức về con đường đi lên CNXH, nhận thức về các chủ thể và động lực phát triển CNXH, nhận thức về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Ba là, đánh giá giá trị lý luận, giá trị phương pháp luận và ý nghĩa thực tiễn của việc vận dụng quan điểm toàn diện trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đồng thời đề xuất những yêu cầu tiếp tục vận dụng quan điểm toàn diện trong nghiên cứu lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới.

Tiểu kết Chương 1

Khảo cứu tình hình nghiên cứu cho thấy, tư tưởng Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã được tiếp cận từ nhiều góc độ và từng bước được làm rõ trên cả phương diện nội dung, thực tiễn và giá trị lý luận. Tuy nhiên, phần lớn các công trình hiện có mới tập trung giải thích những vấn đề Nguyễn Phú Trọng quan tâm và những quan điểm ông đề xuất, trong khi phương thức tư duy và cơ sở phương pháp luận chi phối sự hình thành, phát triển của hệ thống quan điểm đó vẫn chưa được nghiên cứu tương xứng. Đặc biệt, sự vận dụng quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin trong tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam vẫn còn là một khoảng trống cần tiếp tục được nhận diện và luận giải một cách hệ thống.

Từ khoảng trống đó, luận án tiếp cận tư tưởng Nguyễn Phú Trọng không chỉ ở những luận điểm được hình thành, mà sâu hơn ở cách thức những luận điểm ấy được hình thành, liên kết và phát triển trong một chỉnh thể tư duy biện chứng. Đây là điểm xuất phát để luận án làm rõ quan điểm toàn diện như một phương diện phương pháp luận nổi bật trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng, đồng thời nhận diện những cơ sở lý luận, thực tiễn, chính trị - xã hội và chủ thể tư tưởng đã góp phần hình thành phương diện tư duy đó.

Vì vậy, nếu Chương 1 xác lập khoảng trống nghiên cứu và vấn đề cần tiếp tục giải quyết, thì bước tiếp theo có ý nghĩa nền tảng là phải truy tìm những điều kiện và tiền đề làm nên quan điểm toàn diện trong tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng. Nói cách khác, để hiểu đầy đủ Nguyễn Phú Trọng đã vận dụng quan điểm toàn diện như thế nào, trước hết cần làm rõ quan điểm toàn diện ấy được hình thành từ những cơ sở nào. Đây chính là vấn đề được tập trung giải quyết trong Chương 2: Cơ sở hình thành quan điểm toàn diện trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Nguyễn Phú Trọng.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN TRONG XÂY DỰNG LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM CỦA NGUYỄN PHÚ TRỌNG

2.1. Quan điểm toàn diện và ý nghĩa phương pháp luận đối với nhận thức chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Nội dung cơ bản của quan điểm toàn diện trong triết học Mác - Lênin

Trong lịch sử tư tưởng triết học, vấn đề phương pháp luận luôn giữ vị trí trung tâm bởi nó quyết định không chỉ cách thức con người nhận thức hiện thực mà còn cách thức họ cải biến hiện thực đó. Phép biện chứng duy vật, với tư cách là hạt nhân lý luận của triết học Mác - Lênin, đã đưa ra cơ sở khoa học để khắc phục tính phiến diện, siêu hình trong nhận thức, đồng thời định hướng cho hoạt động thực tiễn cách mạng. Chính trên nền tảng đó, quan điểm toàn diện được hình thành như một nguyên tắc phương pháp luận có giá trị phổ quát, không chỉ trong lĩnh vực nghiên cứu triết học mà còn trong toàn bộ đời sống xã hội. Có thể khẳng định rằng, quan điểm toàn diện chỉ thực sự đạt tới tính khoa học khi nó được đặt trên cơ sở của phép biện chứng duy vật, mà hạt nhân là hai nguyên lý cơ bản: *nguyên lý về mối liên hệ phổ biến* và *nguyên lý về sự phát triển*, cùng với *hệ thống phương pháp luận duy vật biện chứng*.

Cơ sở hình thành nguyên tắc toàn diện:

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguyên tắc toàn diện được hình thành trên cơ sở phê phán triệt để phương pháp tư duy siêu hình, qua đó khẳng định bản chất liên hệ và vận động của thế giới. Như Ph. Ăngghen đã chỉ rõ: “Đối với nhà siêu hình học thì những sự vật và sự phản ánh của chúng trong tư duy, tức là những khái niệm, đều là những đối tượng nghiên cứu riêng biệt, cố định, cứng đờ, vĩnh viễn, phải được xem xét cái này sau cái kia, cái này độc lập với cái kia” [45, 36]. Nhận định này không chỉ dừng lại ở việc mô tả một

phương pháp nhận thức, mà còn vạch ra căn nguyên của mọi sai lầm nhận thức mang tính phiến diện: đó là sự tuyệt đối hóa tính độc lập, tách rời các sự vật khỏi hệ thống liên hệ vốn có của chúng. Khi sự vật bị “đóng băng” trong trạng thái cô lập, tư duy tất yếu rơi vào tình trạng nhìn nhận thế giới như một tập hợp rời rạc, thiếu sinh khí và không phản ánh được bản chất vận động của hiện thực.

Từ điểm xuất phát đó, Ph.Ăngghen tiếp tục làm rõ hạn chế của phương pháp siêu hình khi cho rằng nó “chỉ nhìn thấy những sự vật riêng biệt mà không nhìn thấy mối liên hệ qua lại giữa những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy sự tồn tại của những sự vật ấy mà không nhìn thấy sự phát sinh và sự tiêu vong của những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy trạng thái tĩnh của những sự vật ấy mà quên mất sự vận động của những sự vật ấy, chỉ nhìn thấy cây mà không thấy rừng [45, 38]. Ở đây, sự đối lập giữa “cây” và “rừng” mang ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc: nếu chỉ dừng lại ở cái riêng lẻ, nhận thức sẽ không thể vươn tới cái toàn thể, trong khi chính cái toàn thể mới quy định bản chất và vị trí của từng bộ phận. Do đó, hạn chế căn bản của tư duy siêu hình không chỉ là thiếu sót về mặt phạm vi, mà còn là sự sai lệch về chất trong cách tiếp cận hiện thực.

Trái ngược với cách tiếp cận đó, phép biện chứng được xác lập như một phương pháp nhận thức khoa học: “Trái lại, đối với phép biện chứng là phương pháp mà điều căn bản là nó xem xét những sự vật và phản ánh của chúng trong tư tưởng trong mối liên hệ qua lại lẫn nhau của chúng, trong sự ràng buộc, sự vận động, sự phát sinh và sự tiêu vong của chúng” [45, 38]. Điều này cho thấy, nguyên tắc toàn diện không phải là một yêu cầu mang tính hình thức, mà là sự tất yếu xuất phát từ chính bản chất của thế giới khách quan. Thế giới không tồn tại như những thực thể cô lập, mà như một chỉnh thể thống nhất trong đó mọi yếu tố đều tác động, quy định và chuyển hóa lẫn nhau. Vì vậy, nhận thức khoa học chỉ có thể đạt tới chân lý khi nó tái hiện được mạng lưới liên hệ đó trong tư duy.

Trên nền tảng ấy, Ph.Ăngghen khái quát bản chất của phép biện chứng là “khoa học về các mối liên hệ” [45, 38]. Luận điểm này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi nó chuyển trọng tâm của nhận thức từ việc mô tả các sự vật

riêng lẻ sang việc khám phá các quan hệ bản chất giữa chúng. Nhận thức không còn là sự liệt kê các thuộc tính, mà trở thành quá trình phát hiện cấu trúc, cơ chế và quy luật vận động của hệ thống.

Ph.Ăngghen đặt logic học biện chứng trong sự đối lập trực tiếp với “logic học cũ, hoàn toàn hình thức”: “Logic học biện chứng, ngược lại của logic học cũ, hoàn toàn hình thức, không bằng lòng với việc chỉ nêu ra những hình thức vận động của tư duy, tức là những hình thức khác nhau của phán đoán và suy lý, và với việc sắp xếp những hình thức ấy cái nọ bên cạnh cái kia không có sự liên hệ nào cả. Logic học biện chứng, trái lại, suy từ hình thức này ra từ hình thức khác; xác định mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng, chứ không phối hợp chúng với nhau; nó phát triển những hình thức cao từ những hình thức thấp” [45, 710]. Từ sự phê phán đó, Ph.Ăngghen làm nổi bật đặc trưng căn bản của logic học biện chứng khi khẳng định rằng nó “không phối hợp chúng với nhau” một cách cơ học, mà “xác định mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng”. Điểm khác biệt ở đây mang tính bản chất: nếu logic hình thức chỉ đặt các hình thức tư duy cạnh nhau, thì logic biện chứng đi xa hơn khi truy tìm mối quan hệ nội tại, tất yếu giữa chúng. Điều này có nghĩa là các hình thức tư duy không còn là những yếu tố rời rạc, mà trở thành những mắt khâu trong một quá trình vận động thống nhất của tư duy, trong đó mỗi hình thức vừa là kết quả của cái trước, vừa là tiền đề của cái sau. Theo đó, tư duy không phải là sự cộng gộp giản đơn các thao tác nhận thức, mà là một quá trình vận động đi từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ trừu tượng đến cụ thể. Điều mà Ph.Ăngghen nhấn mạnh không chỉ là sự khác biệt về phương pháp, mà là sự khác biệt về cách hiểu bản chất của tư duy. Nếu logic hình thức xem tư duy như một hệ thống các quy tắc bất biến, thì logic biện chứng nhìn nhận tư duy như một quá trình sống động, có lịch sử, có sự phát triển và tự vận động. Chính vì thế, logic biện chứng mới có khả năng phản ánh đúng hiện thực khách quan, một hiện thực cũng luôn vận động, biến đổi và liên hệ.

Trước hết, nguyên lý về mối liên hệ phổ biến đặt nền tảng cho việc nhận thức đối tượng như một chỉnh thể trong tính đa dạng và phức hợp của nó. Thế

giới hiện thực không phải là tập hợp rời rạc của những sự vật cô lập, mà là một hệ thống hữu cơ, nơi các sự vật và hiện tượng quy định, tác động và chuyển hóa lẫn nhau. Các mối liên hệ ấy vừa đa dạng, vừa phong phú, tồn tại trong những cấp độ khác nhau: từ liên hệ tất yếu - ngẫu nhiên, bản chất - hiện tượng, bên trong - bên ngoài, đến liên hệ trực tiếp - gián tiếp. Do đó, khi nhận thức một đối tượng, không thể dừng lại ở một số đặc tính riêng lẻ, mà phải nắm bắt toàn bộ mạng lưới quan hệ trong đó nó tồn tại. Nguyên tắc này được V.I.Lênin nâng lên một tầm cao mới khi ông nhấn mạnh: “nhưng tư tưởng cơ bản thì thiên tài: tư tưởng về mối liên hệ phổ biến, toàn diện, sống của tất cả với tất cả, và sự phản ánh của mối liên hệ ấy... trong những khái niệm của con người; những khái niệm này cũng phải được mài sắc, gọt dũa, mềm dẻo, năng động, tương đối, liên hệ với nhau, thống nhất trong những đối lập, để có thể bao quát vũ trụ” [139,155-156]. Điểm đặc sắc trong tư tưởng của V.I.Lênin là ở chỗ ông không chỉ khẳng định tính phổ biến của các mối liên hệ, mà còn nhấn mạnh tính “sống” của chúng, tức là tính vận động, biến đổi và không ngừng phát triển. Điều này đồng nghĩa với việc các khái niệm của con người cũng không thể bất biến, mà phải “mềm dẻo, năng động, tương đối... thống nhất trong những đối lập” để phản ánh đúng hiện thực. Như vậy, nguyên tắc toàn diện không chỉ là yêu cầu đối với đối tượng nhận thức, mà còn là yêu cầu đối với chính tư duy nhận thức.

Tiếp tục triển khai lập trường này, V.I.Lênin khẳng định: “Mỗi một khái niệm nằm trong một mối quan hệ nào đó, trong một mối liên hệ nào đó với tất cả các khái niệm khác” [141, 210]. Điều đó cho thấy nhận thức không phải là sự tập hợp rời rạc các tri thức, mà là một chỉnh thể logic, trong đó các yếu tố liên kết chặt chẽ với nhau. Tương ứng với điều đó, trong thế giới khách quan, “những quan hệ của mỗi sự vật (hiện tượng, v.v..) không những là muôn vẻ, mà còn là phổ biến, toàn diện. Mỗi sự vật (hiện tượng, quá trình, v.v..) đều liên hệ với mỗi sự vật khác” [141, 239]. Như vậy, tính toàn diện không phải là sự lựa chọn chủ quan của con người, mà là sự phản ánh tất yếu của cấu trúc khách quan của thế giới.

Tuy nhiên, nguyên tắc toàn diện không đồng nhất với việc ôm đồm tất cả một cách cơ học. V.I.Lênin đã cảnh báo về nguy cơ của chủ nghĩa chiết trung khi “lấy hai hoặc nhiều định nghĩa khác nhau... và xếp chúng lại với nhau một cách hoàn toàn ngẫu nhiên”. Cụ thể hơn, ông giải thích: “Phép biện chứng đòi hỏi người ta phải chú ý đến tất cả các mặt của những mối quan hệ trong sự phát triển cụ thể của những mối quan hệ đó, chứ không phải là lấy một mẫu ở chỗ này, một mẫu ở chỗ kia”; “Điều không thể tranh cãi được là cái cốc vừa là một hình trụ bằng thủy tinh, vừa là một dụng cụ dùng để uống. Nhưng cái cốc không phải chỉ có hai thuộc tính, hoặc hai tính chất, hoặc hai mặt đó; mà còn có vô số những thuộc tính khác, những tính chất khác, những mặt khác, cùng những quan hệ qua lại và “những quan hệ gián tiếp” với thế giới bên ngoài [149, 359- 364].

Đỉnh cao của yêu cầu này được V.I.Lênin diễn đạt một cách súc tích trong tác phẩm *Lại bàn về công đoàn, về tình hình trước mắt*: “Muốn thực sự hiểu được sự vật, cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, tất cả các mối liên hệ và “quan hệ gián tiếp” của sự vật đó. Chúng ta không thể làm được điều đó một cách hoàn toàn đầy đủ, nhưng sự cần thiết phải xét tất cả mọi mặt sẽ đề phòng cho chúng ta khỏi phạm sai lầm và sự cứng nhắc” [149, 364]. Tuy nhiên, ông cũng thừa nhận giới hạn của nhận thức con người khi cho rằng không thể đạt tới sự đầy đủ tuyệt đối. Chính vì vậy, nguyên tắc toàn diện mang ý nghĩa phương pháp luận như một định hướng: nó buộc con người phải luôn ý thức về tính không đầy đủ của tri thức, từ đó tránh rơi vào sai lầm và “sự cứng nhắc”.

Nếu nguyên lý về mối liên hệ phổ biến làm rõ chiều rộng của quan điểm toàn diện, thì *nguyên lý về sự phát triển* lại khẳng định chiều sâu lịch sử và động thái của nó. Phát triển, theo nghĩa biện chứng, không phải là sự lặp lại tuần hoàn hay sự tăng giảm thuần túy về lượng, mà là sự vận động tiến lên thông qua phủ định biện chứng, trong đó cái mới ra đời thay thế cái cũ, kế thừa những yếu tố tích cực và bổ sung nội dung mới. Ph. Ăngghen từng nhấn mạnh rằng phát triển là mối liên hệ nhân quả của sự vận động tiến lên từ thấp đến cao thông qua tất cả những sự vận động chữ chi và những bước thụt lùi tạm thời. Bản chất của phát triển chính là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

trong sự vật. Trên cơ sở đó, Lênin đã khẳng định quan điểm phát triển chính là chìa khóa của “sự tự vận động” của tất cả mọi cái đang tồn tại; chỉ có nó mới cho ta chìa khóa của những “bước nhảy vọt”, của “sự gián đoạn của tính tiệm tiến”, của “sự chuyển hóa thành mặt đối lập”, của sự tiêu diệt cái cũ và sự nảy sinh ra cái mới.

Từ đây có thể thấy, quan điểm toàn diện không chỉ đòi hỏi việc xem xét sự vật trong sự đa dạng quan hệ, mà còn trong tiến trình lịch sử của nó, trong sự vận động từ khởi sinh đến phát triển và diệt vong. Bên cạnh đó, cần nhận thức được rằng, phát triển là quá trình trải qua nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn có đặc điểm, tính chất, hình thức khác nhau nên cần tìm hình thức, phương pháp tác động phù hợp để thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển đó. Do đó, phải sớm phát hiện và ủng hộ đối tượng mới hợp quy luật, tạo điều kiện cho nó phát triển; chống lại quan điểm bảo thủ, trì trệ, định kiến, đồng thời kế thừa các yếu tố tích cực từ đối tượng cũ và phát triển sáng tạo chúng trong điều kiện mới. Muốn nắm được bản chất, khuynh hướng phát triển của đối tượng nghiên cứu cần phải xét sự vật trong sự phát triển, trong sự tự vận động, trong sự biến đổi của nó”. Nói như vậy không có nghĩa là chỉ dừng lại ở chỗ liệt kê những giai đoạn phát triển lịch sử mà khách thể nhận thức đã trải qua, mà đòi hỏi chủ thể nhận thức phải vạch ra được tính tất yếu và các quy luật chi phối sự thay thế lẫn nhau của các khách thể nhận thức, đặc biệt là phải tách ra được “cái cơ bản nhất trong chiều hướng phát triển, hay trong cái dây xích phát triển” [145, 252] của khách thể nhận thức. V.I. Lênin viết: “Trong mỗi thời kỳ đặc biệt, cần phải tìm cho ra cái mắt xích đặc biệt mà người ta phải đem toàn lực ra nắm lấy để giữ vững được toàn bộ cái xích và chuẩn bị để chuyển vững chắc sang mắt xích kế bên; hơn nữa trình tự nối tiếp, hình thức, mối liên hệ của (chúng) và những đặc điểm khác nhau của (chúng) trong... những biến cố lịch sử đều không đơn giản...” [145, 252]. Với nhận định này, V.I. Lênin đã nhắc nhở rằng, để nhận thức đầy đủ về một khách thể, đặc biệt là trong lĩnh vực xã hội, dù cho nhận thức đó đã là chân lý, cũng không phải cái gì cứng nhắc, luôn luôn đúng trong mọi biến cố của lịch sử.

Từ nội dung của nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, nguyên lý về sự phát triển, khái quát thành nguyên tắc toàn diện với những yêu cầu đối với chủ thể hoạt động nhận thức và thực tiễn như sau:

Thứ nhất, khi nghiên cứu, xem xét đối tượng cụ thể, cần đặt nó trong chỉnh thể thống nhất của tất cả các mặt, các bộ phận, các yếu tố, các thuộc tính, các mối liên hệ của chỉnh thể đó.

Thứ hai, chủ thể phải rút ra được các mặt, các mối liên hệ tất yếu của đối tượng đó và nhận thức chúng trong sự thống nhất hữu cơ nội tại, bởi chỉ có như vậy, nhận thức mới có thể phản ánh được đầy đủ sự tồn tại khách quan với nhiều thuộc tính, nhiều mối liên hệ, quan hệ và tác động qua lại của đối tượng.

Thứ ba, cần xem xét đối tượng này trong mối liên hệ với đối tượng khác và với môi trường xung quanh, kể cả các mặt của các mối liên hệ trung gian, gián tiếp; trong không gian, thời gian nhất định, tức là cần nghiên cứu cả những mối liên hệ của đối tượng trong quá khứ, hiện tại và phán đoán tương lai.

Thứ tư, quan điểm toàn diện đối lập với quan điểm phiến diện, một chiều, chỉ thấy mặt này mà không thấy mặt khác; hoặc chú ý đến nhiều mặt nhưng lại xem xét dàn trải, không thấy mặt bản chất của đối tượng nên dễ rơi và thuật nguy hiểm và chủ nghĩa chiết trung. [Xem 10, 175]

Mối liên hệ giữa nguyên tắc toàn diện và các nguyên tắc khác của phép biện chứng duy vật:

Nguyên tắc toàn diện không tồn tại biệt lập, mà luôn vận động trong mối liên hệ hữu cơ với các nguyên tắc khác của phép biện chứng duy vật. Trước hết, nó thống nhất chặt chẽ với quan điểm phát triển, bởi lẽ việc xem xét sự vật một cách toàn diện không thể tách rời việc đặt nó trong quá trình vận động, biến đổi và chuyển hóa. Một sự vật chỉ thực sự được nhận thức đầy đủ khi nó được đặt trong dòng chảy lịch sử của chính nó, từ nguồn gốc phát sinh đến xu hướng vận động tương lai. Đồng thời, quan điểm toàn diện gắn bó mật thiết với quan điểm lịch sử - cụ thể, theo đó mọi sự vật, hiện tượng chỉ có thể được hiểu đúng trong những điều kiện không gian, thời gian và hoàn cảnh lịch sử xác định. Việc tách rời sự vật khỏi bối cảnh lịch sử cụ thể sẽ tất yếu dẫn đến những

kết luận trừu tượng, phiến diện và sai lầm. Thực tiễn cách mạng, đặc biệt là trong lịch sử phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như ở Việt Nam, đã chứng minh rằng mọi sự vận dụng thành công chủ nghĩa Mác - Lênin đều gắn liền với việc quán triệt sâu sắc và sáng tạo nguyên tắc này.

Không dừng lại ở đó, quan điểm toàn diện còn được cụ thể hóa thông qua phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể - một trong những thành tựu phương pháp luận đặc sắc của C. Mác. Như ông đã chỉ rõ: “Cái cụ thể là cụ thể vì nó là sự tổng hợp của nhiều tính quy định, do đó là sự thống nhất của cái đa dạng...” [42, 877-878]. Luận điểm này hàm chứa một ý nghĩa sâu sắc: cái cụ thể trong nhận thức không phải là cái trực quan cảm tính ban đầu, mà là kết quả của một quá trình tư duy biện chứng, trong đó các yếu tố riêng lẻ được trừu tượng hóa, sau đó được tổng hợp lại trong một chỉnh thể thống nhất các mối quan hệ. Điều đó cho thấy, nguyên tắc toàn diện không chỉ đòi hỏi mở rộng phạm vi nhận thức, mà còn yêu cầu nâng cao trình độ khái quát và năng lực tổng hợp của tư duy lý luận.

Cùng với đó, nguyên tắc thống nhất giữa lịch sử và lôgic giữ vai trò bảo đảm cho nhận thức vừa bám sát sự vận động của hiện thực, vừa đạt tới trình độ khái quát lý luận. V.I.Lênin nhấn mạnh rằng cần “xem xét mỗi vấn đề theo quan điểm sau đây: một hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào...” [147, 78], trong khi C. Mác khẳng định: “Lịch sử bắt đầu từ đâu thì quá trình tư duy cũng phải bắt đầu từ đó...” [43, 614]. Điều này cho thấy, tư duy khoa học không thể tách rời tiến trình lịch sử khách quan, đồng thời phải tái hiện lại tiến trình đó dưới dạng lôgic, nhằm phát hiện ra những quy luật tất yếu chi phối sự vận động của hiện thực. Chính sự thống nhất này làm cho quan điểm toàn diện không rơi vào tình trạng dàn trải, mà đạt tới chiều sâu bản chất.

Từ sự thống nhất biện chứng của toàn bộ hệ thống phương pháp luận duy vật biện chứng, có thể khẳng định rằng quan điểm toàn diện chỉ thực sự đạt được tính khoa học khi nó được đặt trong mối liên hệ với các nguyên tắc phương pháp luận khác. Chính sự thống nhất này bảo đảm cho tư duy vừa phản ánh được hiện thực trong tính phong phú, đa dạng và cụ thể, vừa nắm bắt được

bản chất và quy luật vận động của nó. Nói cách khác, tính toàn diện không phải là sự cộng dồn giản đơn các yếu tố, mà là sự tổng hợp biện chứng dựa trên một nền tảng phương pháp luận khoa học.

2.1.2. Ý nghĩa phương pháp luận của quan điểm toàn diện đối với nhận thức chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Với tư cách là một nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật, quan điểm toàn diện giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình nhận thức, xây dựng và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội cũng như con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Việc vận dụng quan điểm toàn diện không chỉ giúp nhận thức đúng bản chất, cấu trúc và quy luật vận động của chủ nghĩa xã hội mà còn tạo cơ sở khoa học cho việc xác định mục tiêu, nội dung, bước đi, phương thức và các giải pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia. Cụ thể, những yêu cầu của phương pháp luận toàn diện là:

Thứ nhất, nhìn nhận chủ nghĩa xã hội như một chỉnh thể xã hội toàn diện, thống nhất và phát triển

Một trong những yêu cầu cơ bản của quan điểm toàn diện là xem xét sự vật trong tính chỉnh thể của nó, trong hệ thống các mối liên hệ đa dạng, phong phú và khách quan. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc nhận thức chủ nghĩa xã hội bởi chủ nghĩa xã hội không chỉ là một chế độ kinh tế hay một mô hình chính trị đơn thuần mà là một hình thái kinh tế - xã hội hoàn chỉnh, bao gồm nhiều lĩnh vực có mối liên hệ hữu cơ với nhau.

Thực chất, toàn bộ học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác là kết quả của việc vận dụng sâu sắc quan điểm toàn diện vào nghiên cứu đời sống xã hội. Theo đó, xã hội được xem như một chỉnh thể hữu cơ gồm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng kinh tế, kiến trúc thượng tầng chính trị - pháp luật cùng toàn bộ các hình thái ý thức xã hội. Chính từ cách tiếp cận đó, C.Mác khẳng định: “Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên” [47,21].

Từ lập trường đó, chủ nghĩa xã hội được nhận thức không phải như một lý tưởng đạo đức trừu tượng mà là kết quả tất yếu của sự phát triển lịch sử. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848), C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau” [41, 613].

Kế thừa và phát triển tư tưởng đó trong điều kiện mới, V.I.Lênin chỉ rõ rằng quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản là sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị. Do đó chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi trước hết trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa hoặc thậm chí chỉ trong một nước tư bản chủ nghĩa. Luận điểm này có ý nghĩa đặc biệt đối với các nước thuộc địa và phụ thuộc, trong đó có Việt Nam, bởi nó khẳng định khả năng quá độ lên chủ nghĩa xã hội không nhất thiết phải bắt đầu từ các nước tư bản phát triển nhất.

Nhận thức toàn diện về chủ nghĩa xã hội còn thể hiện ở việc xem đây là một chế độ nhằm giải phóng con người toàn diện. C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Thay cho xã hội tư sản cũ, với những giai cấp và đối kháng giai cấp của nó, sẽ xuất hiện một liên hợp, trong đó sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người.” [41, 628]. Đi xa hơn nữa, nguyên tắc của giai đoạn cộng sản chủ nghĩa phát triển cao là: “Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu.” [145, 56]. Đó chính là bản chất nhân văn sâu sắc của chủ nghĩa xã hội.

Ý nghĩa phương pháp luận của luận điểm này là mọi nhận thức về chủ nghĩa xã hội đều phải xuất phát từ hiện thực khách quan, từ những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội cụ thể. Đồng thời, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải được tiến hành đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tránh tuyệt đối hóa bất kỳ một yếu tố nào. Sự phát triển kinh tế phải gắn với phát triển chính trị, văn hóa, xã hội và con người; tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội; phát triển vật chất phải đồng thời phát triển đời sống tinh thần. Chỉ trong sự phát triển hài hòa của toàn bộ hệ thống đó mới có thể hiện thực hóa mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, xác định bản chất, quy luật và những mối liên hệ quyết định trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Quan điểm toàn diện không đồng nhất với việc xem xét dàn trải tất cả các mặt của sự vật, mà đòi hỏi phải phát hiện được những mối liên hệ bản chất, chủ yếu, giữ vai trò quyết định đối với sự vận động và phát triển của toàn bộ hệ thống.

Trong nghiên cứu chủ nghĩa xã hội, ý nghĩa phương pháp luận này thể hiện ở việc nhận diện đúng những quy luật khách quan chi phối quá trình phát triển xã hội. Chính nhờ vận dụng quan điểm toàn diện mà C.Mác đã phát hiện được mối quan hệ mang tính quyết định giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, từ đó giải thích được quy luật vận động của các hình thái kinh tế - xã hội cũng như tính tất yếu lịch sử của sự ra đời chủ nghĩa xã hội. Theo C.Mác, giai cấp công nhân sau khi giành chính quyền phải “tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất” [41, 626].

Kế thừa tư tưởng đó, V.I.Lênin nhấn mạnh vai trò quyết định của năng suất lao động: “Xét đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, chủ yếu nhất cho thắng lợi của chế độ xã hội mới” [147, 25]. Ông còn chỉ rõ khâu trung tâm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga là hiện đại hóa nền kinh tế: “Chủ nghĩa cộng sản là Chính quyền Xô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc” [149, 36]. Đồng thời, ông nhấn mạnh rằng trong mỗi giai đoạn phát triển cần xác định đúng khâu then chốt, mắt xích trung tâm để tác động: “Trong mỗi thời kỳ đặc biệt, cần phải tìm cho ra cái mắt xích đặc biệt mà người ta phải đem toàn lực ra nắm lấy để giữ vững được toàn bộ cái xích và chuẩn bị để chuyển vững chắc sang mắt xích kế bên” [145, 252]. Điều đó cho thấy nhận thức toàn diện không chỉ nhận diện đầy đủ các yếu tố của chủ nghĩa xã hội mà còn phải xác định đúng mối liên hệ chủ yếu và khâu đột phá quyết định sự phát triển, tránh tình trạng dàn trải, bình quân hoặc chủ quan duy ý chí.

Thứ ba, kết hợp mục tiêu phát triển với điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia

Quan điểm toàn diện luôn gắn liền với quan điểm lịch sử - cụ thể. Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, mặc dù chủ nghĩa xã hội là mục tiêu chung của nhân loại tiến bộ nhưng con đường đi tới mục tiêu đó không hoàn toàn giống nhau ở mọi quốc gia. C.Mác khẳng định: “Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị, và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản” [44, 47].

Từ thực tiễn cách mạng Nga, V.I.Lênin phát triển lý luận thời kỳ quá độ và nhấn mạnh rằng mỗi dân tộc sẽ có những đặc điểm riêng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội: “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội... nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau” [142, 160]. Quy luật phát triển chung của lịch sử nhân loại không loại trừ những hình thức phát triển đặc thù của từng quốc gia. Ông khẳng định: “Tính quy luật chung của sự phát triển trong lịch sử toàn thế giới đã không loại trừ mà trái lại, còn bao hàm một số giai đoạn phát triển mang những đặc điểm hoặc về hình thức, hoặc về trình tự của sự phát triển đó” [152, 431]. Luận điểm này có ý nghĩa phương pháp luận đặc biệt sâu sắc. Nó khẳng định rằng không tồn tại một mô hình quá độ lên chủ nghĩa xã hội duy nhất áp dụng cho mọi quốc gia. Mỗi dân tộc phải lựa chọn con đường, bước đi, hình thức và phương thức xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của mình. V.I. Lênin chỉ rõ: “Chúng ta không kỳ vọng rằng Mác hay những người theo chủ nghĩa Mác đều hiểu biết mọi mặt cụ thể của con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như thế sẽ là phi lý. Chúng ta chỉ biết phương hướng của con đường đó và những lực lượng giai cấp nào dẫn đến con đường đó và những lực lượng giai cấp nào dẫn đến con đường đó; còn như về cụ thể và trên thực tế con đường đó ra sao, thì *kinh nghiệm của hàng triệu con người* sẽ chỉ rõ, khi họ bắt tay vào hành động” [144, 152-153]. Do đó, các Đảng Cộng sản cần tránh việc nhận thức giản đơn về CNXH, tránh sự rập khuôn, máy móc, tránh sự đề cao

điểm tương đồng, coi nhẹ nét riêng, đặc thù và ngược lại: “Ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga” [137, 232].

Đặc biệt, V.I.Lênin cho rằng trong điều kiện một nước còn lạc hậu có thể sử dụng những hình thức trung gian để phát triển lực lượng sản xuất: “Chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội” [150, 276].

Những luận điểm này là cơ sở phương pháp luận quan trọng để Việt Nam lựa chọn con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của một nước đi lên từ nền sản xuất nhỏ, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Thứ tư, kết hợp đồng bộ các giải pháp trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ

Thời kỳ quá độ là thời kỳ tồn tại đan xen giữa cái cũ và cái mới, giữa các yếu tố tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa, giữa các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các giá trị văn hóa và các xu hướng tư tưởng khác nhau. Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, thời kỳ quá độ từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội cộng sản chủ nghĩa chính là thời kỳ “những cơn đau đẻ kéo dài” [44, 36]. V.I.Lênin phát triển thêm: “Có vô số những mảnh vụn của trật tự cũ đôi khi chất đồng lại một cách nhanh chóng hơn những mầm mống không phải bao giờ cũng thấy rõ ngay được của trật tự mới.” [145, 252]. Do đó, xây dựng chủ nghĩa xã hội là quá trình lâu dài, phức tạp, trải qua nhiều bước đi phù hợp và áp dụng các biện pháp trung gian, không thể chỉ tập trung vào một lĩnh vực riêng biệt mà phải đồng thời, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực: Về kinh tế, chủ nghĩa xã hội phải xây dựng lực lượng sản xuất hiện đại và nâng cao năng suất lao động; Về chính trị, phải xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, vì: “Dân chủ là tự do, là bình đẳng, là quyết định của đa số” [146, 414]. Đồng thời, toàn bộ việc quản lý nhà nước từ dưới lên phải do bản thân quần chúng tổ chức; Về xã hội, cần xây dựng khối liên minh công- nông - trí thức. V.I.Lênin chỉ rõ: “Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản với đông đảo những tầng lớp lao động không phải vô sản” [146, 452]. Ông còn nhấn mạnh vai trò của đội ngũ trí thức: “Trước sự liên minh của các đại

biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được” [148, 218]; Về đối ngoại, chủ nghĩa xã hội gắn liền với đoàn kết quốc tế. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen nêu khẩu hiệu: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!” [41, 646]. V.I.Lênin tiếp tục phát triển quan điểm này: “Chủ nghĩa xã hội có mục đích không những xóa bỏ tình trạng nhân loại bị chia thành những quốc gia nhỏ và xóa bỏ mọi trạng thái biệt lập giữa các dân tộc, không những làm cho các dân tộc gần gũi nhau, mà cũng còn nhằm thực hiện việc hợp nhất các dân tộc lại.” [140, 328].

Bên cạnh đó, quan điểm toàn diện đòi hỏi phải giải quyết hài hòa các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội; giữa phát triển vật chất và phát triển văn hóa; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; giữa độc lập dân tộc và hội nhập quốc tế; giữa lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội. Chỉ trên cơ sở giải quyết đồng bộ các mối quan hệ đó mới có thể bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững của xã hội trong thời kỳ quá độ.

Thứ năm, khắc phục tư duy giáo điều, duy ý chí và phiến diện trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Một trong những giá trị phương pháp luận nổi bật của quan điểm toàn diện là khả năng chống lại các khuynh hướng nhận thức sai lầm thường gặp trong nghiên cứu và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

V.I.Lênin khẳng định lý luận của C.Mác không phải là hệ thống giáo điều bất biến: “Chúng tôi không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm” [137, 232]. Ông cảnh báo: “Đối với một người cách mạng chân chính thì mối nguy hiểm lớn nhất là phóng đại tinh thần cách mạng, là quên mất những giới hạn và những điều kiện của một sự vận dụng có kết quả những phương pháp cách mạng” [151, 276]. Đồng thời: “Tất cả những đảng cách mạng đã bị tiêu vong cho tới nay đều bị tiêu vong vì tự cao tự đại, vì không biết nhìn rõ cái gì tạo nên sức mạnh của mình” [152, 141]. Những luận điểm đó cho thấy việc nhận thức chủ nghĩa xã hội phải luôn xuất

phát từ thực tiễn khách quan, tôn trọng quy luật phát triển và không ngừng bổ sung, phát triển lý luận phù hợp với điều kiện mới.

Do đó, yêu cầu của quan điểm toàn diện là xem xét sự vật trong tổng thể các mối liên hệ khách quan của nó, qua đó giúp khắc phục khuynh hướng phiến diện chỉ nhìn thấy một mặt của vấn đề. Đồng thời, nó cũng chống lại tư duy giáo điều khi tuyệt đối hóa những mô hình có sẵn, phủ nhận tính đa dạng của thực tiễn lịch sử; chống lại chủ nghĩa duy ý chí khi coi ý muốn chủ quan có thể thay thế các quy luật khách quan. Đặc biệt, đối với nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, quan điểm toàn diện khẳng định rằng mỗi quốc gia phải xuất phát từ điều kiện lịch sử cụ thể của mình, đồng thời biết kế thừa những thành tựu chung của văn minh nhân loại để lựa chọn con đường phát triển phù hợp. Đây chính là cơ sở phương pháp luận để vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện thực tiễn của mỗi dân tộc.

Tóm lại, việc vận dụng quan điểm toàn diện trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc. Nó giúp nhận thức đúng bản chất của chủ nghĩa xã hội như một chỉnh thể xã hội toàn diện; phát hiện các quy luật và mối liên hệ bản chất chi phối quá trình phát triển; xác định đúng con đường, bước đi và phương thức quá độ phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể; đồng thời định hướng việc kết hợp đồng bộ các giải pháp trong thực tiễn và khắc phục những sai lầm của tư duy giáo điều, duy ý chí, phiến diện. Đây chính là nền tảng phương pháp luận quan trọng để nghiên cứu sự vận dụng của Nguyễn Phú Trọng trong quá trình xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2.2. Sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trước Nguyễn Phú Trọng

2.2.1. Sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh

Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin cung cấp nền tảng thế giới quan và phương pháp luận khoa học thì tư tưởng Hồ Chí Minh chính là sự hiện thực hóa sinh động, sáng tạo những nguyên lý đó trong điều kiện lịch sử cụ thể của một

nước thuộc địa, nửa phong kiến tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội

Sinh ra trong cảnh nước mất, nhà tan, Hồ Chí Minh sớm thấu hiểu sâu sắc nỗi đau và thân phận của một dân tộc mất nước, từ đó hình thành khát vọng mãnh liệt về độc lập, tự do cho dân tộc và hạnh phúc cho Nhân dân. Khát vọng ấy thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước, nhưng hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh không phải là sự tìm kiếm một lời giải đơn tuyến cho vấn đề dân tộc. Trái lại, Người đã tiếp cận vấn đề giải phóng dân tộc trong mối liên hệ với những biến đổi của thời đại, với các khuynh hướng tư tưởng và các phong trào cách mạng trên thế giới, đồng thời đặt độc lập dân tộc trong mối quan hệ với tự do, hạnh phúc của Nhân dân và sự phát triển của đất nước. Ba mươi năm hoạt động ở nước ngoài đã đem lại cho Người vốn sống, tầm nhìn thời đại và những trải nghiệm thực tiễn phong phú. Trên cơ sở khảo nghiệm, chọn lọc những giá trị tiến bộ của văn hóa và tư tưởng nhân loại, tổng kết những thành công và hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản, Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào công nhân và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh từng bước nhận thức được mối liên hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, giữa giải phóng dân tộc với giải phóng xã hội và giải phóng con người. Chính cách tiếp cận rộng mở, trong nhiều chiều cạnh và các mối liên hệ đó đã giúp Người tìm ra con đường cách mạng vô sản, xác lập sự gắn bó hữu cơ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Theo đó, độc lập không chỉ là giành và giữ vững chủ quyền quốc gia, mà còn phải gắn với xây dựng một xã hội trong đó Nhân dân được sống tự do, ấm no, hạnh phúc; xây dựng đất nước độc lập, tự cường đồng thời phải hướng tới mục tiêu phát triển con người.

Xuất phát từ lập trường duy vật biện chứng, Hồ Chí Minh luôn xem xét các vấn đề trong tính toàn diện và hệ thống. Trước hết, đối với bản chất, mục tiêu và giá trị của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh không phải là một mô hình kinh tế đơn thuần mà là một chỉnh thể xã hội toàn diện bao gồm các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và con người.

Người chỉ rõ rằng trong công cuộc kiến thiết đất nước phải đồng thời quan tâm đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, có “bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi là quan trọng ngang nhau là chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa”. Đây không chỉ là một chỉ dẫn thực tiễn mà còn phản ánh rõ nét phương pháp tư duy biện chứng toàn diện của Người. Chủ nghĩa xã hội vì vậy được nhận thức như một chỉnh thể thống nhất giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa xây dựng thể chế chính trị với phát triển văn hóa và con người.

Tư duy toàn diện của Hồ Chí Minh còn thể hiện ở việc Người luôn xem xét chủ nghĩa xã hội từ góc độ lịch sử - cụ thể. Không tiếp cận chủ nghĩa xã hội như một mô hình có sẵn và bất biến, Người đặt vấn đề chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ với điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội và văn hóa của từng dân tộc. Ngay từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã đặt câu hỏi: “Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không?” [48, 45]. Đây không đơn thuần là một câu hỏi lý luận mà phản ánh tư duy biện chứng sâu sắc của Người khi xem xét sự vận động của xã hội trong tính đa dạng của các điều kiện lịch sử cụ thể. Cách đặt vấn đề đó cho thấy Hồ Chí Minh không tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin theo lối kinh viện, giáo điều mà luôn tìm kiếm khả năng hiện thực hóa lý luận trong điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Từ lập trường ấy, Hồ Chí Minh xây dựng quan điểm về chủ nghĩa xã hội mang đậm tính nhân văn. Nếu các nhà kinh điển Mác - Lênin chủ yếu tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ góc độ hình thái kinh tế - xã hội thì Hồ Chí Minh phát triển nội hàm của khái niệm này theo hướng gắn chặt với đời sống con người. Ham muốn lớn nhất của Người là: “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [50, 187-188]. Điều mong muốn cuối cùng của Người là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội trước hết phải được đánh giá bằng khả năng đáp ứng những nhu cầu thiết thực của nhân dân. Người khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội trước tiên là làm cho mọi người dân sung sướng, ấm no” [57,

480], “là không ngừng nâng cao mức sống của nhân dân”, “là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, dân rét, dân dốt, dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi...” [54, 518]. Đồng thời, Người còn cụ thể hóa bằng những tiêu chí giản dị nhưng sâu sắc: “Chủ nghĩa xã hội là mọi người dân được áo ấm, cơm no, nhà ở tử tế, được học hành, ốm đau có thuốc”; “Chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc”; “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh”[55, 390].

Quan điểm toàn diện còn được thể hiện ở việc đặt con người vào vị trí trung tâm của toàn bộ quá trình phát triển xã hội. Người khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân” [52, 434]; “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi” [54, 518]; “Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ” [51, 75]. Điều đó cho thấy chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là một hình thái kinh tế - xã hội mà còn là một chế độ chính trị, đạo đức và văn hóa vì con người.

Không dừng lại ở việc cải tạo các quan hệ kinh tế - xã hội, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh vai trò của việc cải tạo con người. Người cho rằng: “Muốn có con người xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa thì phải xây dựng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa. Mà muốn có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa thì phải gột sạch chủ nghĩa cá nhân, gột sạch tư tưởng tư sản” [57, 69-70]. Đây là biểu hiện sâu sắc của quan điểm toàn diện khi xem xét chủ nghĩa xã hội không chỉ ở phương diện vật chất mà còn ở phương diện tinh thần, đạo đức và nhân cách.

Trong lĩnh vực phân phối, Hồ Chí Minh tiếp tục thể hiện tư duy toàn diện và biện chứng khi giải quyết mối quan hệ giữa hiệu quả và công bằng xã hội. Người khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội là ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn...” [55, 390]. Tuy nhiên, nguyên tắc phân phối

theo lao động luôn gắn liền với trách nhiệm chăm lo cho những người yếu thế trong xã hội. Điều này phản ánh sự thống nhất biện chứng giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa công bằng và nhân đạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội.

Từ góc độ phương pháp luận, giá trị nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội không chỉ nằm ở việc xác định mục tiêu phát triển của xã hội mới, mà còn ở cách tiếp cận chủ nghĩa xã hội như một chỉnh thể hữu cơ của nhiều mối quan hệ. Trong chỉnh thể đó, phát triển kinh tế là cơ sở vật chất, dân chủ là điều kiện chính trị, văn hóa là nền tảng tinh thần, còn con người vừa là trung tâm vừa là mục đích cuối cùng của mọi sự phát triển. Chính cách tiếp cận này phản ánh sâu sắc nguyên tắc toàn diện của phép biện chứng duy vật, đồng thời khắc phục những khuynh hướng phiến diện chỉ nhấn mạnh một mặt kinh tế hoặc chính trị trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội.

Sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Hồ Chí Minh là một nhà lý luận - thực tiễn. Dưới ánh sáng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh không áp dụng một cách máy móc mà luôn xuất phát từ thực tiễn lịch sử cụ thể của dân tộc Việt Nam. Người chỉ rõ: “Nói chung thì loài người phát triển theo quy luật nhất định như vậy. Nhưng tùy hoàn cảnh, mà các dân tộc phát triển theo con đường khác nhau”[53, 293]. Từ đó, Người khẳng định: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... Ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội” [55, 391].

Trên cơ sở nhận thức toàn diện về điều kiện lịch sử Việt Nam, Hồ Chí Minh đi đến kết luận có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đặc biệt quan trọng rằng Việt Nam có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Người khẳng định: “Những thắng lợi bước đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội cho phép chúng tôi tin tưởng chắc chắn ở sự cần thiết và khả năng của một nước như nước Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách thắng lợi không phải qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa” [58, 378-379]. Đồng

thời, Người nhấn mạnh: “Đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” [58, 411]. Do vậy, chúng ta không được chủ quan, nóng vội, duy ý chí; không giáo điều, bảo thủ; không rập khuôn, máy móc. Phải làm dần từng bước, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Đồng thời, phải tự lực cánh sinh kết hợp với học hỏi, sáng tạo kinh nghiệm các nước, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước bạn.

Sự vận dụng quan điểm toàn diện của Hồ Chí Minh được thể hiện sâu sắc trong nhận thức về thời kỳ quá độ. Thời kỳ quá độ ở Việt Nam là “thời kỳ dân chủ mới”, trong đó việc xây dựng chế độ dân chủ mới vừa là mục tiêu vừa là phương thức để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh, xây dựng dân chủ mới bao hàm toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội: phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, xây dựng nền văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng và thực hiện các chính sách xã hội vì con người. Điều đó cho thấy Người không nhìn nhận thời kỳ quá độ như một quá trình thuần túy kinh tế mà là một quá trình cải biến toàn diện xã hội.

Sự vận dụng quan điểm toàn diện còn được thể hiện trong cách Hồ Chí Minh xác định tính chất và bước đi của thời kỳ quá độ. Xuất phát điểm của chúng ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, do đó, quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lâu dài, phức tạp, không thể nóng vội. Người khẳng định đây là quá trình “không thể một sớm một chiều” [53, 228] mà phải tiến hành từng bước, từ thấp đến cao, phải chống tư tưởng chủ quan, duy ý chí và đốt cháy giai đoạn. Tuy nhiên, song song với đó là yêu cầu phải tiến nhanh, tiến mạnh và tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội: “Đi bước nào phải thật vững chắc bước ấy” [58, 102]. Điều đó thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa tính tuần tự của quy luật khách quan với tính tích cực, chủ động của con người trong hoạt động thực tiễn.

Sự vận dụng quan điểm toàn diện của Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở việc xác định hệ thống động lực của thời kỳ quá độ. Người không quy động lực phát triển vào một yếu tố duy nhất mà xem đó là tổng hợp của nhiều nhân tố

kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội và con người: *Về kinh tế*, phải xây dựng nền tảng vật chất kỹ thuật của CNXH... có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại; nhân mạnh tăng năng suất lao động trên cơ sở công nghiệp hóa XHCN; *Về chính trị*, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, trước hết phải giữ vững, phát huy và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; *Về văn hóa - xã hội*, phải triệt để xóa bỏ nền văn hóa nô dịch, lạc hậu, xây dựng nền văn hóa mới XHCN, xây dựng lối sống mới và con người mới XHCN. Tuy nhiên, theo Hồ Chí Minh, xét đến cùng, nhân tố quyết định thắng lợi công cuộc xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ ở nước ta chính là con người, mà động lực thúc đẩy hoạt động của họ là những lợi ích vật chất và tinh thần. Nhận thức đúng và giải quyết hài hòa các lợi ích vật chất và tinh thần, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, sẽ tạo động lực tích cực cho sự phát triển xã hội.

Đồng thời, Hồ Chí Minh luôn đề cao sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Người khẳng định: “thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” [56, 95]. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), Người khẳng định: “Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ” [51, 274]. Do đó, phải “đi tận nơi, xem tận chỗ” [51, 327], “suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân” [55, 377]. Những chỉ dẫn trên không chỉ thể hiện yêu cầu thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, mà còn hàm chứa sâu sắc yêu cầu vận dụng nguyên tắc toàn diện trong quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn. Bởi lẽ, muốn nhận thức đúng bản chất của một sự vật, hiện tượng thì không thể chỉ dựa vào một nguồn thông tin, một biểu hiện riêng lẻ hay một kinh nghiệm đơn nhất, mà phải đặt nó trong những điều kiện, hoàn cảnh và các mối liên hệ cụ thể của nó. Việc “đi tận nơi, xem tận chỗ”, “mắt thấy, tai nghe” chính là biểu hiện của phương pháp tiếp cận thực tiễn trực tiếp, toàn diện, qua đó hạn chế tình trạng nhận thức chủ quan, phiến diện và giáo điều. Đồng thời, yêu cầu

không ngừng “học và hành” cho thấy nhận thức phải luôn được mở rộng, bổ sung và điều chỉnh trước sự vận động không ngừng của hiện thực.

Từ đó, có thể thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng nguyên tắc toàn diện luôn gắn liền với yêu cầu xem xét sự vật trong tính chỉnh thể, trong mối quan hệ giữa các yếu tố và trong quá trình vận động, phát triển của chúng; đồng thời phải kết hợp chặt chẽ giữa tổng kết kinh nghiệm thực tiễn với khái quát lý luận, giữa nhận thức hiện thực với dự báo xu hướng vận động của hiện thực. Đây là cơ sở quan trọng để tránh hai khuynh hướng đối lập: một mặt, tuyệt đối hóa kinh nghiệm thực tiễn mà xem nhẹ lý luận; mặt khác, tách lý luận khỏi thực tiễn và biến lý luận thành những nguyên tắc bất biến, xa rời điều kiện lịch sử cụ thể.

Đặc biệt, tư tưởng Hồ Chí Minh còn cho thấy vận dụng nguyên tắc toàn diện không đồng nghĩa với xem xét mọi yếu tố một cách dàn đều, ngang bằng, mà phải biết xác định đúng những mối liên hệ cơ bản, những yếu tố chủ yếu và những điều kiện có ý nghĩa quyết định trong từng hoàn cảnh cụ thể. Đây là yêu cầu có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc đối với quá trình xây dựng đường lối cách mạng: vừa nhìn nhận đầy đủ các mặt của đời sống xã hội, vừa biết tập trung vào những khâu then chốt, những vấn đề căn bản để giải quyết đúng trọng tâm và tạo ra sự chuyển biến của toàn bộ hệ thống. Đây không chỉ là sự kế thừa và vận dụng sáng tạo phép biện chứng duy vật vào điều kiện Việt Nam, mà còn tạo nên một phương pháp tư duy đặc trưng, tạo tiền đề quan trọng để các thế hệ lãnh đạo của Đảng tiếp tục kế thừa, vận dụng và phát triển trong quá trình nhận thức chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó có Nguyễn Phú Trọng.

2.2.2. Sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội trong lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới

Sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội

Trước hết, sự vận dụng quan điểm toàn diện được thể hiện ở việc Đảng từng bước khắc phục tư duy giáo điều trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội.

Trước thời kỳ đổi mới, do chịu ảnh hưởng của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu, nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở nước ta có lúc thiên về việc tuyệt đối hóa một số mặt riêng lẻ như chế độ công hữu, cơ chế kế hoạch hóa tập trung hoặc cải tạo quan hệ sản xuất, trong khi chưa nhận thức đầy đủ mối quan hệ biện chứng giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội. Chính thực tiễn đã đặt ra yêu cầu phải đổi mới nhận thức lý luận. Đại hội VI của Đảng đã thẳng thắn chỉ ra rằng: “Nhiều năm nay, trong nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông, v.v.. Đó là một nguyên nhân chậm phát triển” [15, 459]. Nhận định này không chỉ là sự tổng kết thực tiễn mà còn là sự tự phê phán về phương pháp tư duy, đánh dấu bước chuyển từ cách nhìn phiến diện sang cách nhìn biện chứng và toàn diện đối với chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, Đảng xác định yêu cầu đổi mới tư duy lý luận và nhấn mạnh nhiệm vụ: “Đảng ta cần xúc tiến xây dựng một cương lĩnh hoàn chỉnh cho toàn bộ cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ” [15, 374-375].

Sự phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội của Đảng sau đổi mới thể hiện rõ việc quán triệt quan điểm toàn diện khi không xem chủ nghĩa xã hội chỉ là một chế độ kinh tế hay một hình thức sở hữu nhất định, mà là một hình thái xã hội toàn diện, trong đó các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và con người gắn bó hữu cơ với nhau. Thành tựu lý luận quan trọng đầu tiên của sự phát triển đó được thể hiện trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991. Lần đầu tiên, mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được xác định bằng một hệ thống các đặc trưng tương đối hoàn chỉnh: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Do nhân dân lao động làm chủ; Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc

trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới” [16, 134].

Xét từ góc độ phương pháp luận, hệ thống đặc trưng này phản ánh bước phát triển quan trọng của sự vận dụng quan điểm toàn diện. Chủ nghĩa xã hội không còn được nhận thức từ một yếu tố đơn nhất mà được nhìn nhận như một chỉnh thể gồm nhiều mặt có quan hệ hữu cơ với nhau. Trong đó, phát triển kinh tế là nền tảng vật chất; quyền làm chủ của nhân dân là bản chất chính trị; văn hóa là nền tảng tinh thần; con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển; đoàn kết dân tộc là điều kiện bảo đảm ổn định xã hội; còn quan hệ quốc tế thể hiện tính mở và tính thời đại của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Điều đó cho thấy Đảng đã vận dụng đúng đắn nguyên tắc toàn diện khi xem xét chủ nghĩa xã hội trong tính thống nhất của các mối quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và đối ngoại.

Cùng với sự phát triển của thực tiễn đổi mới, nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội tiếp tục được bổ sung theo hướng ngày càng đầy đủ hơn. Nếu Cương lĩnh năm 1991 chủ yếu xác lập những đặc trưng nền tảng của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa, thì Đại hội X và đặc biệt là Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã phát triển nhận thức đó lên một trình độ mới. Đảng khẳng định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới” [18, 70]. Những bổ sung này phản ánh sự vận dụng ngày càng sâu sắc quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu trước đây chủ nghĩa xã hội chủ yếu được nhận thức từ góc độ sở hữu và phát triển lực lượng sản xuất thì nay nhận thức được mở rộng sang các phương

diện dân chủ, công bằng, nhà nước pháp quyền, quyền con người và hội nhập quốc tế. Đặc biệt, việc bổ sung đặc trưng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cho thấy Đảng không chỉ quan tâm đến mục tiêu phát triển mà còn chú trọng đến cơ chế bảo đảm thực hiện mục tiêu đó. Đây là sự kết hợp biện chứng giữa mục tiêu và phương tiện, giữa bản chất và hình thức tổ chức xã hội.

Sự vận dụng quan điểm toàn diện còn được thể hiện trong việc Đảng từng bước cụ thể hóa nội hàm của từng đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu phát triển không chỉ dừng lại ở “dân giàu, nước mạnh” mà được phát triển thành “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; không chỉ nhấn mạnh giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột mà còn hướng tới phát triển toàn diện con người; không chỉ chú trọng tăng trưởng kinh tế mà còn gắn tăng trưởng với tiến bộ và công bằng xã hội. Trong lĩnh vực văn hóa, nhận thức của Đảng tiếp tục phát triển khi xác định văn hóa là “sức mạnh nội sinh, hồn cốt dân tộc”, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu xây dựng “hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người” [21, 143]. Điều đó cho thấy chủ nghĩa xã hội ngày càng được nhận thức không chỉ như một mô hình phát triển kinh tế mà còn là một mô hình phát triển con người và phát triển văn minh.

Từ góc độ cấu trúc hệ thống, có thể thấy nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được xây dựng trên ba trụ cột cơ bản. *Thứ nhất* là trụ cột kinh tế với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ. *Thứ hai* là trụ cột chính trị với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. *Thứ ba* là trụ cột văn hóa - tinh thần với mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và phát triển con người toàn diện. Ba trụ cột này không tồn tại biệt lập mà gắn bó hữu cơ trong một chỉnh thể thống nhất, trong đó hạt nhân là sự lãnh đạo của Đảng và vai trò chủ thể của nhân dân. Nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là chủ thể sáng tạo của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, toàn bộ quá trình phát triển lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội từ Đại hội VI đến Đại hội XIII cho thấy sự vận dụng ngày càng sâu sắc

quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được nhận thức như một chỉnh thể phát triển toàn diện, trong đó kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, con người, nhà nước và quan hệ quốc tế thống nhất hữu cơ với nhau. Đây không chỉ là sự kế thừa và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn đổi mới, góp phần hình thành mô hình chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Việt Nam trong thời đại mới.

Sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Trước hết, sự vận dụng quan điểm toàn diện được thể hiện ở việc Đảng nhận thức ngày càng đầy đủ hơn về bản chất của con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Ngay từ khi thành lập, Đảng đã xác định rõ phương hướng phát triển của cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [14, 2]. Đây không chỉ là sự lựa chọn mục tiêu chiến lược mà còn là sự nhận thức biện chứng về mối liên hệ giữa giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội, giữa cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ đổi mới, từ yêu cầu tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, Đảng đã có bước tiến quan trọng trong nhận thức về bản chất của việc bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Nếu trước đây thường được hiểu chủ yếu là bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, thì Đảng ngày càng nhận thức rõ hơn nội hàm khoa học của vấn đề. Đảng khẳng định: “Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ (hình thái kinh tế - xã hội) tư bản chủ nghĩa, bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu của tiến bộ kinh tế - xã hội mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản, đặc biệt là những thành tựu về kinh tế và khoa học công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại” [17, 84].

Nhận thức này phản ánh sâu sắc quan điểm toàn diện và lịch sử - cụ thể của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đảng không nhìn nhận chủ nghĩa tư bản một cách phiến diện như một hiện tượng hoàn toàn đối lập cần phủ định sạch trơn, mà xem xét nó trong tính hai mặt biện chứng. Một mặt, phải phủ định vai trò thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa; mặt khác, phải kế thừa những thành tựu văn minh mà nhân loại đạt được trong quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây chính là sự vận dụng sáng tạo quy luật phủ định biện chứng vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, quan điểm toàn diện còn được thể hiện trong nhận thức ngày càng sâu sắc của Đảng về tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp của thời kỳ quá độ. Từ thực tiễn đất nước xuất phát từ một nền sản xuất nhỏ, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, Đảng nhận thức rằng quá độ lên chủ nghĩa xã hội không phải là quá trình tuyến tính đơn giản mà là sự cải biến cách mạng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Đại hội VI khẳng định: “Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng” [15, 374].

Quan điểm này tiếp tục được phát triển trong Cương lĩnh năm 1991 khi Đảng xác định: “Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp” [16, 133]. Đến Đại hội XI, nhận thức đó được khái quát đầy đủ hơn: “là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen” [18, 70].

Có thể thấy, sự phát triển trong nhận thức của Đảng không chỉ phản ánh yêu cầu khách quan của thực tiễn mà còn thể hiện sự vận dụng ngày càng sâu sắc nguyên tắc toàn diện. Thời kỳ quá độ được nhìn nhận như một chỉnh thể

bao gồm nhiều lĩnh vực, nhiều giai đoạn, nhiều hình thức tổ chức kinh tế - xã hội cùng tồn tại và tác động lẫn nhau, chứ không đơn thuần là sự chuyển đổi về chế độ sở hữu hay cơ cấu kinh tế.

Trên cơ sở nhận thức đó, Đảng từng bước xác định rõ hơn mục tiêu và lộ trình phát triển của thời kỳ quá độ. Cương lĩnh năm 1991 nêu rõ: “Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh” [16, 136]. Đến Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, mục tiêu này được hoàn thiện thành: “Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc” [18, 70].

Đặc biệt, Đại hội XIII đã cụ thể hóa mục tiêu đó thành các mốc phát triển chiến lược: “Đến năm 2025... Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Đến năm 2030... Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045... Trở thành nước phát triển, thu nhập cao” [21, 112].

Việc xác định các mục tiêu phát triển theo từng giai đoạn cho thấy Đảng đã vận dụng quan điểm toàn diện trong sự thống nhất với quan điểm lịch sử - cụ thể. Mỗi mục tiêu đều gắn với điều kiện thực tiễn, trình độ phát triển lực lượng sản xuất và khả năng huy động nguồn lực của từng thời kỳ.

Một biểu hiện nổi bật khác của quan điểm toàn diện là việc Đảng nhận thức ngày càng sâu sắc về cơ cấu kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ. Thay vì đồng nhất chủ nghĩa xã hội với một hình thức sở hữu duy nhất như trước đây, Đảng khẳng định trong thời kỳ quá độ tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội cùng phát triển, mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là hình thức tổ chức kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ. Đây là kết quả trực tiếp của tư duy toàn diện khi nhận

thức đúng mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa quy luật thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa hiệu quả kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội.

Quan điểm toàn diện còn được thể hiện tập trung trong đường lối đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng từ Đại hội VI. Đổi mới không chỉ giới hạn ở kinh tế mà bao gồm đổi mới tư duy, đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Tuy nhiên, Đảng xác định trọng tâm và thứ tự ưu tiên của các lĩnh vực. Đó là thực hiện phương châm lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần, bảo đảm quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên và mở rộng đối ngoại, hội nhập quốc tế là điều kiện quan trọng để phát triển đất nước. Chính cách tiếp cận này phản ánh tư duy biện chứng trong việc nhận diện cái toàn bộ nhưng vẫn xác định được khâu đột phá và trọng điểm của từng giai đoạn.

Đỉnh cao của sự vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được thể hiện trong lý luận về các mối quan hệ lớn của thời kỳ đổi mới. Từ tám mối quan hệ được nêu trong Cương lĩnh năm 2011 đến mười một quan hệ được bổ sung, hoàn thiện tại Đại hội XIII, Đảng đã từng bước hệ thống hóa những vấn đề mang tính quy luật của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là các mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Những mối quan hệ này thực chất là sự khái quát hóa các mối liên hệ cơ bản nhất của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Việc nhận thức và xử lý đúng đắn các mối quan hệ đó chính là biểu hiện tập trung nhất của việc

vận dụng quan điểm toàn diện trong tư duy lý luận của Đảng. Nhờ vậy, “lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa” [21, 103].

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là kết quả của quá trình vận dụng sáng tạo và phát triển quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nếu như giai đoạn đầu, tư duy về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn chịu ảnh hưởng của cách tiếp cận giản đơn và giáo điều, thì qua quá trình đổi mới, Đảng đã từng bước hình thành một hệ thống nhận thức toàn diện, biện chứng và thực tiễn hơn. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được nhìn nhận như một quá trình cải biến toàn diện tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó phát triển kinh tế gắn với đổi mới chính trị, phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng đối ngoại và xử lý hài hòa các mối quan hệ lớn của thời kỳ quá độ. Chính sự vận dụng nhất quán quan điểm toàn diện đã tạo nên cơ sở phương pháp luận quan trọng cho việc hoạch định đường lối đổi mới và bảo đảm sự phát triển bền vững của Việt Nam trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

2.3. Những nhân tố tác động đến việc vận dụng quan điểm toàn diện trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Nguyễn Phú Trọng

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự hình thành và phát triển tư tưởng của mỗi cá nhân luôn gắn liền với những điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. Ý thức xã hội nói chung và tư duy lý luận của các nhà chính trị, nhà tư tưởng nói riêng không phải là sản phẩm thuần túy của ý chí chủ quan, mà là kết quả của quá trình phản ánh, tiếp thu, xử lý và khái quát hiện thực khách quan thông qua lăng kính của chủ thể nhận thức. Vì vậy, việc nghiên cứu quá trình hình thành quan điểm của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đòi hỏi phải

đặt trong tổng thể những điều kiện khách quan của thời đại, của đất nước, đồng thời xem xét vai trò của các nhân tố chủ quan gắn với cuộc đời hoạt động cách mạng, trình độ lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và năng lực tư duy của bản thân ông.

Thực tế cho thấy, tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng được hình thành và phát triển trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt của dân tộc và thế giới. Đây là thời kỳ diễn ra những biến đổi sâu sắc chưa từng có kể từ nửa sau thế kỷ XX đến nay, bao gồm sự khủng hoảng và tan rã của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu, sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản trong điều kiện toàn cầu hóa, những thành tựu và thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng như những thành công và những vấn đề mới nảy sinh trong gần bốn thập niên đổi mới ở Việt Nam. Chính những biến động đó đã tạo nên môi trường lịch sử - xã hội trực tiếp tác động đến quá trình nhận thức, tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2.3.1. Bối cảnh quốc tế và những biến đổi của thời đại

Trước hết, bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại là một trong những nhân tố khách quan quan trọng tác động đến sự hình thành tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng. Bước sang những thập niên cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, toàn cầu hóa trở thành xu thế vận động nổi bật của thế giới. Sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và mạng lưới kết nối toàn cầu đã làm thay đổi sâu sắc các phương thức sản xuất, trao đổi, quản trị và tổ chức đời sống xã hội.

Trong bối cảnh đó, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng gia tăng. Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, tỷ trọng thương mại toàn cầu trong GDP thế giới đã tăng từ khoảng 39% năm 1990 lên trên 60% trong giai đoạn trước đại dịch COVID-19. Sự phát triển của nền kinh tế tri thức và kinh tế số không chỉ làm thay đổi cơ cấu kinh tế của nhiều quốc gia mà còn tạo ra những vấn đề mới về phân phối nguồn lực, quản trị xã hội và bảo đảm công

bằng xã hội. Những biến đổi này đặt ra yêu cầu phải nhận thức lại nhiều vấn đề lý luận cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất hiện đại với quan hệ sản xuất, giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, giữa tăng trưởng và phát triển bền vững.

Đối với Việt Nam, toàn cầu hóa gắn liền với tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Từ khi gia nhập ASEAN năm 1995, APEC năm 1998, WTO năm 2007 cho đến việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA hay RCEP, nền kinh tế Việt Nam đã từng bước gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế thế giới. Nếu năm 1986 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam chỉ đạt khoảng 2,9 tỷ USD thì đến năm 2023 con số này đã đạt khoảng 683 tỷ USD theo số liệu của Tổng cục Thống kê. Quá trình đó vừa mở ra những cơ hội phát triển to lớn, vừa đặt đất nước trước những sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt và những thách thức mới đối với việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chính trong bối cảnh đó, những vấn đề như kết hợp giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế, giữa phát triển kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội đã trở thành những nội dung trọng tâm trong tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng. Có thể nói, những biến đổi của thời đại đã cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để ông từng bước phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới, vượt ra khỏi những khuôn mẫu tư duy cứng nhắc của thời kỳ trước.

2.3.2. Sự khủng hoảng của mô hình xã hội chủ nghĩa hiện thực và những biến đổi của chủ nghĩa tư bản hiện đại

Nếu như toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ tạo nên bối cảnh phát triển mới của nhân loại thì sự khủng hoảng của mô hình xã hội chủ nghĩa hiện thực và những biến đổi của chủ nghĩa tư bản hiện đại lại là nhân tố tác động trực tiếp đến quá trình nhận thức lại nhiều vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội.

Sự kiện Liên Xô tan rã năm 1991 cùng với sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đã tạo nên biến động mang tính bước ngoặt trong đời

sống chính trị thế giới. Không ít học giả phương Tây cho rằng chủ nghĩa xã hội đã thất bại về mặt lịch sử và chủ nghĩa tư bản trở thành mô hình phát triển duy nhất của nhân loại. Đối với Việt Nam, đây là thời điểm xuất hiện nhiều hoài nghi và tranh luận liên quan đến tính đúng đắn của con đường xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, sự phát triển của thế giới trong những thập niên tiếp theo cho thấy chủ nghĩa tư bản hiện đại không phải là một mô hình hoàn thiện tuyệt đối. Mặc dù chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học - công nghệ, tuy nhiên, vẫn chưa thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Các cuộc khủng hoảng vẫn tiếp tục diễn ra.: năm 2008 - 2009 là cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế bắt đầu từ nước Mỹ, nhanh chóng lan rộng ra các trung tâm tư bản chủ nghĩa khác và tác động đến hầu hết các nước trên thế giới; tiếp đó là cuộc khủng hoảng nhiều mặt, cả về y tế, xã hội lẫn chính trị, kinh tế diễn ra dưới tác động của đại dịch Covid-19 và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.... Kinh tế suy thoái đã làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa: đời sống của đa số dân cư lao động bị giảm sút nghiêm trọng, thất nghiệp gia tăng; khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc. Những tình huống "phát triển xấu", những nghịch lý "phản phát triển", từ địa hạt kinh tế - tài chính đã tràn sang lĩnh vực xã hội, làm bùng nổ các xung đột xã hội, và ở không ít nơi từ tình huống kinh tế đã trở thành tình huống chính trị với các làn sóng biểu tình, bãi công, làm rung chuyển cả thể chế.

Sự thật cho thấy, bản thân thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản không thể giúp giải quyết được những khó khăn, và trong nhiều trường hợp còn gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho các nước nghèo; làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa lao động và tư bản toàn cầu. Sự thật đó cũng làm phá sản những lý thuyết kinh tế hay mô hình phát triển vốn xưa nay được coi là thời thượng, được không ít các chính khách tư sản ca ngợi, được các chuyên gia của họ coi là tối ưu, hợp lý.

Cùng với khủng hoảng kinh tế - tài chính là khủng hoảng năng lượng, lương thực, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự suy thoái của môi trường sinh thái,... đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Đó là hậu quả của một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội. Đó cũng chính là những đặc trưng cốt yếu của phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa. Các cuộc khủng hoảng diễn ra là minh chứng cho sự không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái của chủ nghĩa tư bản. Thực tiễn đó góp phần khẳng định rằng các mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản không mất đi mà chỉ biểu hiện dưới những hình thức mới.

Trong bối cảnh ấy, việc nghiên cứu những thành tựu cũng như những hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện đại trở thành cơ sở quan trọng để Nguyễn Phú Trọng tiếp tục suy ngẫm về bản chất, giá trị và triển vọng của chủ nghĩa xã hội. Điều này lý giải vì sao trong nhiều công trình nghiên cứu và bài viết lý luận của mình, đặc biệt là bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” năm 2021, ông luôn đặt vấn đề chủ nghĩa xã hội trong sự so sánh, đối chiếu với thực tiễn vận động của chủ nghĩa tư bản đương đại nhằm làm rõ tính ưu việt và ý nghĩa nhân văn của mô hình xã hội chủ nghĩa.

2.3.3. Thực tiễn đổi mới và phát triển đất nước

Bên cạnh tác động của môi trường quốc tế và kinh nghiệm từ các mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực, thực tiễn đổi mới ở Việt Nam là cơ sở trực tiếp, đặc biệt quan trọng đối với quá trình hình thành và phát triển quan điểm của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Từ khi được khởi xướng tại Đại hội VI (1986), đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quá trình tìm tòi phương thức thực hiện mục tiêu phù hợp với điều kiện Việt Nam. Qua đó, nhận thức về kinh tế thị trường, kinh tế nhiều thành phần, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, dân chủ, tiến

bộ và công bằng xã hội, độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế từng bước được bổ sung, hoàn thiện.

Sau gần bốn thập niên đổi mới, Việt Nam đạt nhiều thành tựu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Quy mô nền kinh tế, thu nhập và đời sống nhân dân được cải thiện; tỷ lệ nghèo giảm mạnh; hệ thống chính trị và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện; dân chủ, an sinh xã hội và hội nhập quốc tế được mở rộng. Những kết quả đó góp phần khẳng định hiệu quả của đường lối đổi mới, đồng thời làm rõ hơn nội hàm của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, phát triển kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển con người.

Tuy nhiên, đổi mới cũng đặt ra nhiều vấn đề mới như phân hóa giàu nghèo, tham nhũng, lợi ích nhóm, chênh lệch phát triển, tác động của kinh tế thị trường, thách thức từ hội nhập quốc tế, khoa học - công nghệ và chuyển đổi số. Điều đó đòi hỏi lý luận phải thường xuyên được bổ sung và phát triển từ thực tiễn. Đồng thời, thực tiễn cho thấy cần giải quyết đồng bộ các mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội; phát triển lực lượng sản xuất với hoàn thiện quan hệ sản xuất; độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế; phát triển kinh tế với văn hóa, con người và bảo vệ môi trường; xây dựng Đảng với xây dựng hệ thống chính trị.

Các dấu mốc như gia nhập WTO năm 2007, ứng phó khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, tổng kết 30 năm đổi mới và kinh nghiệm từ đại dịch COVID-19 đã cung cấp thêm cơ sở thực tiễn cho quá trình tổng kết, phát triển lý luận. Trên cơ sở đó, Nguyễn Phú Trọng tiếp cận chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, giữa kiên định mục tiêu và đổi mới phương thức. Theo ông, thành tựu của đổi mới củng cố niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa, trong khi những hạn chế, bất cập là cơ sở để tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện.

Từ thực tiễn đổi mới, Nguyễn Phú Trọng góp phần làm rõ các vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: phát triển kinh tế thị trường gắn với định hướng xã hội chủ nghĩa; kết hợp phát triển kinh tế với văn hóa, con người, tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa gắn với vai trò lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, độc lập tự chủ với hội nhập quốc tế.

Có thể thấy, thực tiễn đổi mới là “phòng thí nghiệm” quan trọng của quá trình phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thành tựu và hạn chế của đổi mới vừa củng cố niềm tin, vừa đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện nhận thức. Vì vậy, thực tiễn này góp phần hình thành cách tiếp cận của Nguyễn Phú Trọng theo hướng vừa kiên định mục tiêu, vừa linh hoạt về phương thức; vừa dựa trên những nguyên lý nền tảng, vừa xuất phát từ điều kiện cụ thể của Việt Nam; đồng thời thể hiện rõ việc vận dụng quan điểm toàn diện, hệ thống và biện chứng trong nhận thức và chỉ đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

2.3.4. Những thách thức đối với nhận thức lý luận và yêu cầu phát triển lý luận trong thời kỳ mới

Cùng với những biến đổi sâu sắc của thực tiễn, sự hình thành và phát triển quan điểm lý luận của Nguyễn Phú Trọng còn diễn ra trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội hiện thực thế giới trải qua những biến động lớn, đặt ra nhiều thách thức đối với nhận thức lý luận. Sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu cuối thế kỷ XX không chỉ tác động mạnh mẽ đến phong trào cộng sản và công nhân quốc tế mà còn làm xuất hiện nhiều quan điểm hoài nghi, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và tính tất yếu của con đường xã hội chủ nghĩa. Đối với các đảng cộng sản đang lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, đây là thách thức trực tiếp đối với cả phương diện lý luận, thực tiễn và niềm tin chính trị, đòi hỏi phải nhìn nhận một cách khách quan, biện chứng những thành công, hạn chế và nguyên nhân của các mô hình xã hội chủ nghĩa hiện thực.

Kinh nghiệm lịch sử của các mô hình chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XX, đặc biệt là mô hình Liên Xô, cho thấy chủ nghĩa xã hội hiện thực đã đạt được những thành tựu to lớn về công nghiệp hóa, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật, thực hiện tiến bộ và bảo đảm an sinh xã hội. Tuy nhiên, mô hình kế hoạch hóa tập trung cao độ, cơ chế quản lý hành chính - mệnh lệnh kéo dài, cùng những hạn chế trong giải quyết các mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, giữa dân chủ và kỷ luật, giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân... đã từng bước làm suy giảm động lực phát triển, dẫn đến trì trệ và khủng hoảng. Đặc biệt, những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng, trong thực hành dân chủ, phòng, chống quan liêu, tham nhũng và trong phát triển lý luận đã làm cho những khuyết điểm tích tụ, trở thành những yếu tố góp phần dẫn đến khủng hoảng và sự sụp đổ của mô hình này.

Những bài học từ Liên Xô và Đông Âu vì thế đặt ra một yêu cầu phương pháp luận quan trọng: không thể đồng nhất một mô hình cụ thể với bản thân chủ nghĩa xã hội, cũng không thể phủ nhận mục tiêu và những giá trị của chủ nghĩa xã hội chỉ từ sự thất bại của một mô hình lịch sử. Nhận thức đúng đắn phải phân biệt giữa mục tiêu, bản chất của chủ nghĩa xã hội với những phương thức, cơ chế và mô hình tổ chức cụ thể trong từng điều kiện lịch sử. Đồng thời, cần xem xét các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng và tổ chức trong mối liên hệ với nhau, tránh cách nhìn giản đơn, phiến diện về nguyên nhân thành công hay thất bại của một mô hình. Đây chính là một trong những cơ sở thực tiễn quan trọng làm nổi bật yêu cầu vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội.

Kinh nghiệm cải cách, mở cửa của Trung Quốc từ cuối những năm 1970 cũng cung cấp một phương diện tham khảo quan trọng. Từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước cải cách, Trung Quốc nhận thấy những hạn chế của tư duy giáo điều, chủ quan, duy ý chí; đồng thời từng bước hình thành quan điểm kết hợp những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác với điều kiện cụ thể của đất nước. Việc đề cao giải phóng tư tưởng, lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn kiểm

nghiệm chân lý, vừa kiên trì mục tiêu xã hội chủ nghĩa vừa không ngừng đổi mới phương thức và chính sách phát triển đã tạo cơ sở cho sự hình thành lý luận về chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Qua các giai đoạn phát triển, tư duy này tiếp tục được bổ sung, trong đó nhấn mạnh việc vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để giải quyết những vấn đề mới của thực tiễn, đồng thời tránh biến chủ nghĩa Mác thành những kết luận giáo điều, cứng nhắc.

Từ kinh nghiệm của các mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực có thể thấy, phát triển lý luận không thể tách rời tổng kết thực tiễn và không thể được thực hiện bằng việc sao chép một mô hình có sẵn. Mỗi quốc gia xây dựng chủ nghĩa xã hội đều phải xuất phát từ điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội cụ thể của mình, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới. Kiên định mục tiêu và nguyên tắc nền tảng phải đi liền với đổi mới tư duy, điều chỉnh phương thức và hoàn thiện mô hình phát triển. Đây là yêu cầu có ý nghĩa phương pháp luận đối với Việt Nam trong quá trình tìm tòi, từng bước nhận thức rõ hơn mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước.

Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm xuất hiện nhiều vấn đề chưa từng có hoặc chưa được lý giải đầy đủ trong các mô hình xã hội chủ nghĩa trước đây. Chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, biến đổi cơ cấu lao động, quản trị quốc gia hiện đại, những biến đổi trong quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, cũng như những vấn đề mới về văn hóa, con người và an sinh xã hội đang đặt ra yêu cầu phải tiếp tục phát triển lý luận. Điều đó đòi hỏi tư duy lý luận phải có khả năng nhận diện đồng thời nhiều chiều cạnh của một vấn đề, đặt chúng trong mối quan hệ và sự vận động lẫn nhau, qua đó tránh cả tư duy bảo thủ, giáo điều lẫn tư duy giản đơn, cực đoan.

Trong bối cảnh đó, một thách thức quan trọng đối với nhận thức lý luận là phải vượt qua đồng thời hai khuynh hướng đối lập. Một mặt, không được giáo điều, bảo thủ, tuyệt đối hóa những mô hình và kinh nghiệm lịch sử đã qua,

coi chúng như những khuôn mẫu bất biến cho mọi điều kiện. Mặt khác, cũng không được dao động, phủ nhận những nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hoặc xem những thất bại của một mô hình cụ thể là sự phủ định đối với mục tiêu và lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Giữa hai khuynh hướng đó, yêu cầu đặt ra là phải giữ vững bản chất, mục tiêu và những nguyên tắc có tính nền tảng, đồng thời không ngừng đổi mới tư duy, tổng kết thực tiễn, tiếp thu thành tựu lý luận và kinh nghiệm quốc tế để phát triển nhận thức phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

Chính trong môi trường tư tưởng, lý luận và thực tiễn phức tạp đó, tư duy của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được hình thành và phát triển trên cơ sở kết hợp giữa kiên định và đổi mới, giữa lý luận và thực tiễn, giữa những giá trị phổ quát và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Những kinh nghiệm thành công cũng như hạn chế của các mô hình xã hội chủ nghĩa hiện thực cho thấy không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội theo một khuôn mẫu duy nhất; trái lại, cần không ngừng nhận thức, bổ sung và hoàn thiện mô hình phù hợp với đặc điểm dân tộc và yêu cầu của từng thời kỳ. Đây cũng là cơ sở để Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh yêu cầu kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa nhưng phải có tư duy đổi mới, sáng tạo; kiên định nền tảng tư tưởng nhưng không giáo điều; tổng kết thực tiễn Việt Nam đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế.

Từ góc độ đó, yêu cầu phát triển lý luận trong thời kỳ mới không chỉ là giải đáp những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà còn phải chủ động nhận diện những biến đổi của thời đại, những thành công và thất bại của các mô hình xã hội chủ nghĩa hiện thực, cũng như những vấn đề mới của phát triển. Đây là cơ sở quan trọng để hình thành cách tiếp cận toàn diện, hệ thống và biện chứng trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - một đặc điểm nổi bật trong tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng.

2.3.5. Cuộc đời hoạt động cách mạng, phẩm chất chính trị và năng lực tư duy của Nguyễn Phú Trọng

Nếu các nhân tố khách quan tạo nên môi trường lịch sử - xã hội của quá trình nhận thức thì bản thân Nguyễn Phú Trọng với tư cách chủ thể nhận thức lại là nhân tố giữ vai trò quyết định trong việc tiếp nhận, xử lý và khái quát các tác động đó thành những quan điểm lý luận.

Ở Nguyễn Phú Trọng, cơ sở nhận thức trước hết được hình thành từ nền tảng giáo dục và học vấn ban đầu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Việc được đào tạo bài bản tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội không chỉ cung cấp tri thức chuyên môn, mà còn góp phần hình thành một kiểu tư duy đặc thù: tư duy ngôn ngữ - logic - cấu trúc. Trong khoa học xã hội, đặc biệt là lý luận chính trị, ngôn ngữ không chỉ là phương tiện biểu đạt mà còn là công cụ tổ chức tư duy. Khả năng diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ và khái niệm hóa vấn đề một cách rõ ràng chính là tiền đề để xây dựng các hệ thống lý luận có tính thuyết phục. Đây là điểm khác biệt quan trọng, giúp tư duy của Nguyễn Phú Trọng không rơi vào tình trạng trừu tượng mơ hồ, mà luôn giữ được tính hệ thống và tính định hướng.

Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở nền tảng học vấn, tư duy lý luận của ông khó có thể đạt đến độ chín muồi. Nhìn từ toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng, có thể thấy quá trình hình thành tư duy lý luận của ông gắn chặt với những chặng đường phát triển quan trọng của cách mạng Việt Nam. Từ khi công tác tại Tạp chí Cộng sản năm 1967 cho đến khi đảm nhiệm cương vị Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch Quốc hội và Chủ tịch nước, ông luôn hoạt động ở những lĩnh vực có quan hệ trực tiếp với công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và hoạch định đường lối phát triển đất nước. Quá trình hình thành tư duy lý luận và phương pháp tiếp cận toàn diện của Nguyễn Phú Trọng gắn liền với quá trình học tập, nghiên cứu và hoạt động thực tiễn lâu dài trên nhiều cương vị khác nhau:

Năm 1967, sau khi tốt nghiệp Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, ông về công tác tại Tạp chí Cộng sản. Trong gần 30 năm làm việc tại

đây (1967–1996), từ cán bộ biên tập đến Tổng Biên tập, ông có điều kiện nghiên cứu chuyên sâu về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng và công tác xây dựng Đảng. Những công việc biên tập, xử lý tư liệu và tổng kết lý luận đã giúp ông hình thành phương pháp tư duy khoa học, thói quen xem xét sự vật trong tính chỉnh thể, trong mối liên hệ giữa lý luận và thực tiễn. Đây là giai đoạn đặt nền móng cho thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và phong cách nghiên cứu lý luận của ông.

Năm 1973, Nguyễn Phú Trọng được cử học nghiên cứu sinh tại Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc (nay là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), tập trung nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin, đặc biệt là bộ Tư bản của C. Mác. Năm 1981, ông tiếp tục được cử sang Liên Xô học tập và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ tại Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Liên Xô trước thời hạn. Quá trình học tập tại Liên Xô giúp ông có điều kiện tiếp cận trực tiếp thực tiễn của mô hình xã hội chủ nghĩa hiện thực, đồng thời quan sát cả những thành tựu và hạn chế của mô hình này. Chính trong bối cảnh những biến động và khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, tư duy phản biện và năng lực phản tư của ông ngày càng được củng cố. Ông không chỉ tiếp thu lý luận một cách thụ động mà từng bước đặt lý luận vào thực tiễn để kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển. Đây là bước chuyển quan trọng từ nhận thức giáo điều sang nhận thức biện chứng, tạo cơ sở cho sự hình thành tư duy toàn diện.

Sau khi trở về nước năm 1983, Nguyễn Phú Trọng tiếp tục công tác tại Tạp chí Cộng sản, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Trưởng ban Xây dựng Đảng, Phó Tổng Biên tập và Tổng Biên tập. Trong thời gian này, ông đã tham gia biên tập và viết hàng trăm bài nghiên cứu lý luận, góp phần đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Tạp chí. Năm 1992, ông được phong hàm Phó Giáo sư và năm 2002 được phong hàm Giáo sư. Hoạt động nghiên cứu lý luận trong thời kỳ Đổi mới đã giúp ông hình thành khả năng tổng hợp, khái quát hóa các vấn đề thực tiễn và từng bước tham gia xây dựng những luận điểm mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tiểu kết Chương 2

Những vấn đề được trình bày trong chương 2 cho thấy quan điểm toàn diện trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Nguyễn Phú Trọng không phải là kết quả của sự suy luận thuần túy, mà được hình thành trên cơ sở tác động tổng hợp của nhiều yếu tố. Đó là sự kế thừa phương pháp luận biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin, sự tiếp nối tư duy toàn diện trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong quá trình phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam; đồng thời là kết quả của quá trình tổng kết những biến đổi sâu sắc của thời đại và thực tiễn đổi mới đất nước.

Trong bối cảnh thế giới và trong nước vận động nhanh chóng với nhiều vấn đề mới chưa từng có tiền lệ, nhận thức về chủ nghĩa xã hội không thể dừng lại ở những khuôn mẫu có sẵn mà đòi hỏi phải được tiếp cận trong tính chỉnh thể, trong mối liên hệ đa chiều giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; giữa quy luật phổ biến và điều kiện lịch sử cụ thể; giữa mục tiêu lâu dài và những yêu cầu thực tiễn của từng giai đoạn phát triển. Chính yêu cầu khách quan đó đã làm nổi bật giá trị phương pháp luận của quan điểm toàn diện, đồng thời tạo nên cơ sở để Nguyễn Phú Trọng từng bước hình thành cách tiếp cận có tính hệ thống đối với các vấn đề của chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Mặt khác, những biến động của tình hình thế giới, những thành tựu và hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện đại, cùng thực tiễn gần bốn thập niên đổi mới của Việt Nam đã cung cấp nguồn chất liệu thực tiễn phong phú cho quá trình suy ngẫm, tổng kết và khái quát lý luận. Trên nền tảng đó, bản lĩnh chính trị vững vàng, sự kiên định về mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa, vốn tri thức lý luận sâu rộng và kinh nghiệm thực tiễn phong phú được tích lũy qua nhiều cương vị lãnh đạo đã tạo điều kiện để Nguyễn Phú Trọng tiếp nhận, xử lý và khái quát các vấn đề của thực tiễn bằng tư duy biện chứng, khoa học và toàn diện.

Vì vậy, quan điểm toàn diện không chỉ là một nguyên tắc phương pháp luận được Nguyễn Phú Trọng tiếp thu từ chủ nghĩa Mác - Lênin, mà đã trở thành phương thức tư duy xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây chính là cơ sở quan trọng để lý giải những đóng góp lý luận của ông trong việc nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ nền tảng đó, chương tiếp theo sẽ tập trung làm rõ những nội dung cụ thể của việc vận dụng quan điểm toàn diện trong hệ thống quan điểm lý luận của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

CHƯƠNG 3

NỘI DUNG VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN TRONG MỘT SỐ TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN PHÚ TRỌNG

3.1. Vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Một trong những đóng góp nổi bật của Nguyễn Phú Trọng đối với sự phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là việc nhận thức chủ nghĩa xã hội từ góc nhìn toàn diện, hệ thống và biện chứng. Nếu quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác yêu cầu xem xét sự vật trong tính chỉnh thể của các mối liên hệ khách quan, tránh mọi cách tiếp cận phiến diện, cô lập hay tuyệt đối hóa một mặt nào đó của hiện thực, thì tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội chính là sự thể hiện sinh động phương pháp luận đó trong điều kiện Việt Nam đương đại.

3.1.1. Chủ nghĩa xã hội là một chỉnh thể phát triển toàn diện

Trước hết, sự vận dụng quan điểm toàn diện được thể hiện ở việc Nguyễn Phú Trọng không đồng nhất chủ nghĩa xã hội với một mô hình kinh tế hay một trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế, đã từng tồn tại những cách hiểu giản đơn coi chủ nghĩa xã hội chủ yếu là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất hoặc là một hình thái kinh tế đối lập với chủ nghĩa tư bản. Hệ quả của cách tiếp cận đó là chủ nghĩa xã hội bị thu hẹp vào phạm vi kinh tế học, trong khi những chiều cạnh chính trị, văn hóa, xã hội và con người chưa được nhận thức đầy đủ. Trên cơ sở tổng kết sâu sắc thực tiễn đổi mới và nghiên cứu lý luận nhiều thập niên, ông khẳng định: “Chủ nghĩa xã hội mà chúng ta chủ trương xây dựng không phải là thứ chủ nghĩa xã hội theo nhận thức giản đơn, giáo điều, ấu trĩ trước đây, mà là chủ nghĩa xã hội đã được nhận thức lại theo đúng nghĩa của nó, phù hợp với quy luật phát triển và thực tế Việt Nam” [Xem 79]. Nhận định này hàm chứa ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc. Nó cho thấy chủ nghĩa xã hội phải được nhận thức trong tính lịch sử cụ thể, trong mối liên hệ với những điều kiện phát triển mới của đất nước và

thế giới, đồng thời phải được xem xét bằng tư duy biện chứng chứ không phải bằng những khuôn mẫu giáo điều, bất biến.

Xác định 8 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trên cơ sở kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nguyễn Phú Trọng đã góp phần chủ yếu làm sáng tỏ các định tính (tính chất, đặc trưng) của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được nêu trong *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) gồm: (1) Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; (2) do nhân dân làm chủ; (3) có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; (4) có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (5) con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; (6) các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; (7) có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; (8) có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Xác định 8 mối quan hệ lớn trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội

Từ xác định 8 đặc trưng mang tính chất định tính, đề tiên hành định hướng xã hội chủ nghĩa cần giải quyết các mối quan hệ lớn. Năm 2011, ngay sau Đại hội XI, nhằm làm rõ hơn các vấn đề lý luận và thực tiễn xoay quanh các mối quan hệ này, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã chủ biên cuốn sách *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta* [99] trong đó không chỉ hệ thống hóa các quan điểm cốt lõi, mà còn chỉ ra phương hướng và giải pháp nhằm vận dụng hiệu quả vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý và phát triển đất nước. Chính trong công trình này, các mối quan hệ lớn được nâng từ bình diện nhận thức kinh nghiệm lên thành những phạm trù mang tính phương pháp luận, phản ánh trực tiếp cách thức vận dụng nguyên tắc toàn diện của phép biện chứng duy vật vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Cuốn sách xác định 8 mối quan hệ lớn bao gồm: (1) quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; (2) quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới

chính trị; (3) quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; (5) quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (6) quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; (7) quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (8) quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đây cũng chính là những nội dung mà Đảng ta tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết và cụ thể hóa trong những văn kiện sau này. Đại hội XIII khẳng định: “Đó là những mối quan hệ lớn, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng,... đòi hỏi chúng ta phải nhận thức đúng và đầy đủ, quán triệt sâu sắc và thực hiện thật tốt, có hiệu quả” [21, 39].

Tiếp tục phát triển nhận thức về bản chất của chủ nghĩa xã hội theo hướng ngày càng toàn diện hơn, 10 năm sau, trong bài viết *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, ông không bắt đầu bằng những chỉ tiêu kinh tế hay những mô hình tổ chức sản xuất, mà bắt đầu từ câu hỏi căn bản: Xã hội mà nhân dân Việt Nam hướng tới là xã hội như thế nào? Từ đó, ông xác định: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới” [126, 24]. Điều đáng chú ý là trong hệ thống các đặc trưng này, yếu tố kinh tế chỉ là một bộ phận của toàn bộ cấu trúc xã hội. Cùng với kinh tế còn có dân chủ, công bằng, văn hóa, con người, nhà nước pháp

quyền, quan hệ quốc tế và nhiều giá trị xã hội khác. Điều đó phản ánh rõ nét cách tiếp cận toàn diện của ông đối với chủ nghĩa xã hội.

Cùng với việc làm rõ 8 đặc trưng, 8 mối quan hệ lớn của xã hội XHCN Việt Nam, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phân tích, khái quát và khẳng định giá trị cốt lõi của mô hình CNXH Việt Nam. Những giá trị cốt lõi này được tổng kết và nêu lên từ bài nói tại Trường đảng Nicô Lôpét Cu Ba năm 2012 và tiếp tục được nhấn mạnh, làm rõ hơn trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. 5 giá trị đó là: (1) Mục đích tối thượng của phát triển trong xã hội XHCN Việt Nam là vì con người, vì hạnh phúc của nhân dân; (2) Trong xã hội XHCN Việt Nam, phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội; (3) Xã hội XHCN Việt Nam là xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn; (4) Xã hội XHCN Việt Nam là xã hội phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai; (5) Toàn bộ quyền lực chính trị trong xã hội XHCN Việt Nam thuộc về Nhân dân, do Nhân dân và phục vụ lợi ích của Nhân dân [Xem 126, 21-22.].

5 giá trị cốt lõi trên chính là sự biểu hiện tập trung nhất của tính ưu việt, của mục đích nhân văn cao cả của xã hội XHCN mà Nhân dân ta xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, đó cũng chính là những khát vọng ngàn đời của con người nói chung, cũng như của Nhân dân ta, dân tộc ta nói riêng.

Từ tất cả những phân tích trên, có thể thấy rằng:

Trước hết, bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội nhân văn. Trong nhiều bài viết và phát biểu, Nguyễn Phú Trọng nhiều lần nhấn mạnh rằng phát triển kinh tế chỉ thực sự có ý nghĩa khi phục vụ con người và tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện. Nếu như chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định mục tiêu giải phóng con người khỏi mọi hình thức áp bức, bóc lột, và Hồ Chí Minh cụ thể hóa mục tiêu đó bằng yêu cầu không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thì Nguyễn Phú Trọng đã phát triển tư duy này

theo hướng toàn diện và hiện đại hơn. Ông nhấn mạnh bản chất nhân văn của xã hội mà chúng ta đang hướng tới: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống lành mạnh cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải cho một thiểu số giàu có” [126, 21-22]; “xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, *dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm*” [126, 28]. Quan điểm này cho thấy sự mở rộng phạm vi nhận thức về CNXH.

Hai là, chủ nghĩa xã hội là một chỉnh thể xã hội thống nhất được cấu thành bởi nhiều yếu tố và lĩnh vực có quan hệ hữu cơ với nhau

Về kinh tế, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là “nền kinh tế có sự quản lý, hướng dẫn, điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” nhằm “bảo đảm cho kinh tế thị trường phát triển đúng hướng, chăm lo lợi ích của nhân dân, vì con người, do con người, thực hiện công bằng xã hội; đồng thời tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, kiểm soát chặt chẽ và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật” [91]. Đồng thời, “muốn có thực lực kinh tế đủ mạnh thì nhất thiết phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội” [92]. Như vậy,

lĩnh vực kinh tế được đặt trong mối liên hệ trực tiếp với các mục tiêu chính trị, xã hội và con người của chủ nghĩa xã hội.

Về chính trị, “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa” [126, 29]. Đồng thời, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu khách quan của quá trình xây dựng CNXH: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo, là yêu cầu tất yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta” [126, 80]. Bên cạnh đó, ông nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trọng tâm là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa liêm chính, hành động, phục vụ nhân dân” [106, 291].

Về văn hóa, Nguyễn Phú Trọng khẳng định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội phải bao hàm nhiệm vụ “xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội” [126, 24]. Trong tác phẩm *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* (2024), ông tiếp tục nhấn mạnh văn hóa là “sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”. Điểm đáng chú ý là Nguyễn Phú Trọng đặt văn hóa trong mối quan hệ chặt chẽ với quá trình chuyển đổi số và phát triển bền vững, do vậy cần “xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số”, đồng thời phải “làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [126, 46]. Theo đó, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực, vừa là yếu tố điều chỉnh quá trình phát triển của toàn xã hội.

Về quốc phòng và an ninh, “Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc là của toàn dân, là sự nghiệp chính nghĩa, phải phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Quan điểm này thể hiện cách tiếp cận toàn diện về quốc phòng, an ninh, trong đó sức mạnh bảo vệ đất nước được hình thành từ sự kết hợp giữa tiềm lực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. Nguyễn

Phú Trọng nhấn mạnh yêu cầu hiện đại hóa lực lượng vũ trang với mục tiêu: “Đến năm 2025, cơ bản xây dựng Quân đội, Công an tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc, phấn đấu đến năm 2030, xây dựng lực lượng này cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại” [126, 61]. Trong bối cảnh thế giới nhiều biến động, ông yêu cầu phải quán triệt tư tưởng “giữ nước từ khi nước chưa nguy”, chủ động nhận diện và xử lý kịp thời các nguy cơ phát sinh đối với sự phát triển đất nước.

Về đối ngoại, được xác định không chỉ nhằm mở rộng quan hệ quốc tế mà còn góp phần tạo lập môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, nâng cao vị thế quốc gia và bảo vệ lợi ích dân tộc. Quan điểm đó được kết tinh trong hình tượng ngoại giao “cây tre Việt Nam”: “Ngoại giao Việt Nam phải mang hình ảnh của cây tre Việt Nam: gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển, thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc”. Hình tượng này phản ánh sự thống nhất giữa nguyên tắc và linh hoạt, giữa kiên định mục tiêu chiến lược và thích ứng với những biến đổi của môi trường quốc tế. Bên cạnh đó, hoạt động đối ngoại cũng được đặt trong mối liên hệ với các điều kiện phát triển mới của đất nước: “Việt Nam là một quốc gia đang phát triển mạnh mẽ, có vị trí địa chiến lược quan trọng trong những chuyên dịch hiện nay của thời đại. Trong thế giới biến động và khó lường, thách thức luôn luôn đan xen với cơ hội, rủi ro luôn đi kèm với thời cơ” [Xem 129].

Từ những luận điểm trên có thể thấy rằng, trong tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng, chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được nhận thức như một hệ thống các lĩnh vực cơ bản có quan hệ biện chứng với nhau. Kinh tế tạo cơ sở vật chất cho phát triển; chính trị bảo đảm định hướng và tổ chức xã hội; văn hóa tạo nền tảng tinh thần và hệ giá trị; quốc phòng, an ninh giữ vững môi trường ổn định; đối ngoại mở rộng không gian phát triển và bảo vệ lợi ích quốc gia. Chính sự gắn kết hữu cơ giữa các lĩnh vực đó đã tạo nên tính chỉnh thể của mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, thể hiện rõ yêu cầu của quan điểm toàn diện trong nhận thức và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Ba là, con người được đặt ở vị trí trung tâm trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng CNXH: Quan điểm này phản ánh sự kế thừa trực tiếp tư tưởng của Mác về mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người và tạo điều kiện cho sự phát triển tự do của mỗi cá nhân như điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. Dưới góc độ phương pháp luận, đây là sự vượt qua cách tiếp cận phiến diện vốn chỉ xem con người như nguồn lực phục vụ tăng trưởng kinh tế. Trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng, con người đồng thời là mục tiêu, động lực và chủ thể của sự phát triển. Con người không chỉ là nguồn lực kinh tế, mà còn là chủ thể chính trị, chủ thể văn hóa và là thước đo của tiến bộ xã hội. Do đó, không thể nhìn nhận con người một cách phiến diện, mà phải đặt họ trong tổng thể các mối quan hệ xã hội đa chiều. Ông luận giải, con người không chỉ cần có cuộc sống ấm no về vật chất mà còn phải được bảo đảm các điều kiện phát triển tự do, toàn diện về trí tuệ, đạo đức, văn hóa và nhân cách. Chính vì vậy, mọi chính sách kinh tế, chính trị, văn hóa hay xã hội đều phải được đánh giá thông qua khả năng phục vụ lợi ích của nhân dân, nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo đảm hạnh phúc của con người. Đây chính là sự kế thừa và phát triển tư tưởng giải phóng con người của C. Mác cũng như tư tưởng “lấy dân làm gốc” của Hồ Chí Minh trên nền tảng phương pháp luận của quan điểm toàn diện, đồng thời cũng giải thích lý do vì sao khái niệm “hạnh phúc” ngày càng xuất hiện với tần suất lớn trong các văn kiện Đảng và trong các bài viết của Nguyễn Phú Trọng.

Bốn là, chủ nghĩa xã hội được nhận thức như một quá trình phát triển bền vững, hài hòa giữa con người và tự nhiên. Đây cũng là một điểm nhấn rất quan trọng cho thấy sự nhận thức về chủ nghĩa xã hội đã vượt ra ngoài những nội dung truyền thống của thế kỷ XX để tiếp cận những vấn đề toàn cầu của thế kỷ XXI như biến đổi khí hậu, an ninh môi trường và phát triển xanh. Chúng ta tập trung vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế song không được hy sinh môi trường, không được “vay mượn” những gì cần phải lưu giữ cho thế hệ sau.

Thực tiễn đổi mới ở Việt Nam càng làm nổi bật ý nghĩa của cách tiếp cận này. Trong khi GDP bình quân đầu người tăng từ khoảng 98 USD năm 1990 lên trên 4.700 USD năm 2024, Việt Nam đồng thời duy trì được những thành

tự quan trọng về giảm nghèo, giáo dục, y tế và bảo đảm an sinh xã hội. Chính những thành tựu đó trở thành cơ sở thực tiễn để Nguyễn Phú Trọng khẳng định rằng mục tiêu của chủ nghĩa xã hội không phải là tăng trưởng bằng mọi giá mà là phát triển hài hòa giữa kinh tế với công bằng xã hội.

Như vậy, trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng, chủ nghĩa xã hội không phải là một mô hình kinh tế đơn thuần mà là một chỉnh thể giá trị và một dự án phát triển toàn diện của xã hội. Các mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; phát triển kinh tế; xây dựng Nhà nước pháp quyền; phát triển văn hóa; bảo đảm công bằng xã hội; xây dựng con người; bảo vệ môi trường; mở rộng quan hệ quốc tế không tồn tại tách biệt mà liên kết với nhau trong một hệ thống thống nhất. Chính cách nhìn nhận đó phản ánh sự vận dụng sâu sắc quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác vào việc nhận thức bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Thông qua việc đặt các lĩnh vực của đời sống xã hội trong mối liên hệ hữu cơ, tác động qua lại và quy định lẫn nhau, Nguyễn Phú Trọng đã góp phần khắc phục những cách tiếp cận phiến diện, giản đơn, đồng thời phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

3.1.2. Sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội trong mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

Nếu như trong tư duy phát triển phiến diện, tăng trưởng kinh tế thường được xem là mục tiêu trung tâm, thậm chí là tiêu chí chủ yếu để đánh giá sự phát triển của một quốc gia, thì theo Nguyễn Phú Trọng, trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tăng trưởng kinh tế chỉ thực sự có ý nghĩa khi được đặt trong mối liên hệ hữu cơ với các mục tiêu xã hội, văn hóa, môi trường và sự phát triển con người. Đây chính là sự thể hiện yêu cầu phương pháp luận của quan điểm toàn diện trong việc xem xét chủ nghĩa xã hội như một chỉnh thể thống nhất gồm nhiều lĩnh vực có mối quan hệ biện chứng với nhau.

Từ thực tiễn đổi mới đất nước, Nguyễn Phú Trọng nhiều lần nhấn mạnh rằng thành tựu phát triển của Việt Nam không thể được đánh giá chỉ thông qua các chỉ số kinh tế. Tại Hội nghị trực tuyến giữa Chính phủ với các địa phương

về triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018, ngày 28/12/2017, ông khẳng định mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng đất nước đã phát triển nhanh và khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Bên cạnh việc ghi nhận những thành tựu nổi bật về kinh tế như “lần đầu tiên sau nhiều năm, nước ta hoàn thành và hoàn thành vượt mức 13/13 chỉ tiêu kế hoạch đề ra; tăng trưởng kinh tế đạt 6,81% vượt kế hoạch”, ông đồng thời nhấn mạnh những kết quả trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiện toàn hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực. Cách đánh giá này cho thấy trong nhận thức của Nguyễn Phú Trọng, sự phát triển không phải là sự gia tăng đơn thuần về quy mô kinh tế mà là sự phát triển đồng bộ của các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa.

Sự vận dụng quan điểm toàn diện còn thể hiện ở cách Nguyễn Phú Trọng lý giải các nguyên nhân tạo nên thành tựu phát triển. Ông không quy kết những kết quả đạt được chỉ cho tác động của các yếu tố kinh tế hay cơ chế thị trường, mà đặt chúng trong tổng thể các điều kiện chính trị, xã hội và thể chế. Theo ông, một trong những nguyên nhân quan trọng là sự đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu, chung sức, chung lòng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ; đồng thời là việc phát huy đầy đủ, đúng đắn vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân; giải quyết kịp thời, đúng đắn, sát thực có hiệu quả các vấn đề mà cuộc sống đặt ra. Điều đó cho thấy tăng trưởng kinh tế được nhìn nhận trong sự phụ thuộc và tác động qua lại với các yếu tố chính trị, xã hội và thể chế, chứ không phải là một quá trình vận động biệt lập.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn phát triển đất nước, Nguyễn Phú Trọng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với các mục tiêu xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ông yêu cầu tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời nhấn mạnh rằng trong quá trình xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách cần nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các

quy luật khách quan của kinh tế thị trường; đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong thời đại mới. Quan điểm này phản ánh cách tiếp cận biện chứng và toàn diện đối với mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất với mục tiêu bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội.

Đặc biệt, Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh yêu cầu phải gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Hiệu quả của tăng trưởng không chỉ được đo bằng tốc độ gia tăng GDP hay quy mô nền kinh tế, mà còn phải được đánh giá thông qua khả năng nâng cao đời sống nhân dân, mở rộng cơ hội phát triển, thực hiện công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường và bảo đảm các điều kiện cho sự phát triển bền vững của đất nước. Đây cũng chính là điểm khác biệt căn bản giữa quan niệm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với những cách tiếp cận thuần túy kinh tế.

Nguyễn Phú Trọng còn vận dụng quan điểm toàn diện trong cách nhìn nhận về động lực và chủ thể của quá trình tăng trưởng. Ông yêu cầu phải “huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo cơ chế thị trường; phát huy tài năng, trí sáng tạo của con người và mọi tiềm năng, lợi thế của các ngành, lĩnh vực, các địa phương và cả nước; tạo cơ hội cho người dân tham gia và cùng hưởng lợi để tăng trưởng” [Xem 193]. Như vậy, tăng trưởng kinh tế không chỉ được hiểu là quá trình tạo ra của cải vật chất mà còn là quá trình phát huy năng lực sáng tạo của con người, mở rộng sự tham gia của các chủ thể xã hội vào phát triển và bảo đảm sự phân phối hợp lý các thành quả tăng trưởng. Đây là biểu hiện sinh động của việc gắn kết giữa mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội trong nhận thức về CNXH.

Mặt khác, Nguyễn Phú Trọng không chỉ quan tâm đến tốc độ tăng trưởng mà còn chú trọng đến chất lượng và tính bền vững của tăng trưởng. Ông yêu cầu phải “chú trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô”, kết hợp hợp lý giữa tăng trưởng theo chiều rộng và chiều sâu, trong đó

“lấy tăng trưởng theo chiều sâu là hướng chủ đạo” [Xem 193]. Điều này cho thấy ông không xem tăng trưởng như một hiện tượng kinh tế đơn lẻ mà đặt nó trong mối liên hệ với yêu cầu phát triển bền vững, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sử dụng nguồn lực và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đây cũng là một biểu hiện quan trọng của quan điểm toàn diện trong nhận thức về phát triển.

Không dừng lại ở lĩnh vực kinh tế, Nguyễn Phú Trọng còn đặt vấn đề tăng trưởng trong mối liên hệ với giáo dục, khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao đời sống nhân dân. Ông nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tăng cường tiềm lực và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đồng thời quan tâm hơn nữa phát triển có hiệu quả văn hóa - xã hội, chăm lo cải thiện đời sống nhân dân. Qua đó có thể thấy, trong nhận thức của ông, mục tiêu cuối cùng của tăng trưởng kinh tế là tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện con người và xã hội; còn con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển.

Như vậy, sự vận dụng quan điểm toàn diện của Nguyễn Phú Trọng trong nhận thức về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội được thể hiện ở việc xem xét tăng trưởng kinh tế trong chính thể các mối quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường và phát triển con người. Trên cơ sở đó, ông không tuyệt đối hóa vai trò của tăng trưởng kinh tế, mà nhấn mạnh yêu cầu kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, coi đây là một đặc trưng quan trọng của mô hình chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam đang xây dựng. Điều đó phản ánh rõ nét tư duy biện chứng và toàn diện trong quá trình phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.1.3. Vai trò của văn hóa, con người và hạnh phúc trong mục tiêu phát triển đất nước

Trước hết, Nguyễn Phú Trọng vận dụng quan điểm toàn diện trong việc khẳng định vị trí đặc biệt của văn hóa trong quá trình phát triển đất nước. Ông không xem văn hóa chỉ là một lĩnh vực thuộc đời sống tinh thần hay là kết quả

phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, mà đặt văn hóa trong mối quan hệ hữu cơ với kinh tế, chính trị, xã hội và sự phát triển con người. Trên cơ sở kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa, ông nhiều lần nhấn mạnh rằng: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc”, “Văn hóa còn thì dân tộc còn”. Luận điểm này thể hiện nhận thức sâu sắc về vai trò của văn hóa như yếu tố làm nên bản sắc, sức sống và khả năng phát triển bền vững của dân tộc.

Đặc biệt, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021 triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng toàn diện, đầy đủ và sâu sắc hơn. Đảng ta xác định: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” [Xem 196]. Với cách tiếp cận này, văn hóa không bị tách rời khỏi kinh tế hay chính trị mà được đặt trong chỉnh thể các yếu tố cấu thành sự phát triển xã hội. Đồng thời, văn hóa vừa là kết quả của quá trình phát triển, vừa là nguồn lực nội sinh thúc đẩy sự phát triển. Điều đó phản ánh sự vượt qua cách nhìn phiến diện vốn chỉ coi tăng trưởng kinh tế là động lực chủ yếu của tiến bộ xã hội.

Quan điểm toàn diện còn được thể hiện ở việc Nguyễn Phú Trọng luôn gắn văn hóa với nhiệm vụ xây dựng con người, văn hóa và con người là hai mặt không thể tách rời của quá trình phát triển xã hội. Nếu văn hóa là hệ giá trị tinh thần được kết tinh trong lịch sử dân tộc thì con người vừa là chủ thể sáng tạo văn hóa, vừa là chủ thể tiếp nhận và hiện thực hóa các giá trị văn hóa trong đời sống xã hội. Tư duy này được Nguyễn Phú Trọng phát triển sâu sắc hơn khi đặt vấn đề xây dựng con người trong mối quan hệ với việc xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị gia đình Việt Nam. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, trong số các nhiệm vụ trọng tâm về phát triển văn hóa, ông đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu: “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt Nam, hệ giá trị văn hóa, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp

nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: *Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo*. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hóa gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: *Ám no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh*; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: *Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học*; trên nền tảng của hệ giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: *Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc*”[Xem 196].

Quan điểm trên cho thấy con người được nhìn nhận trong tổng thể các mối quan hệ giữa cá nhân, gia đình, cộng đồng, dân tộc và thời đại - quán triệt đúng quan điểm toàn diện về bản chất con người trong triết học Mác: Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Không chỉ chú trọng đến tri thức, kỹ năng hay năng lực lao động, Nguyễn Phú Trọng còn đặc biệt nhấn mạnh đến việc xây dựng nhân cách, đạo đức, lối sống và hệ giá trị văn hóa của con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Theo đó, sự phát triển của con người phải được đặt trong sự thống nhất giữa các giá trị truyền thống và hiện đại, giữa lợi ích cá nhân với lợi ích cộng đồng, giữa bản sắc dân tộc và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, việc đề cao hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị gia đình cho thấy sự phát triển nhận thức mới về vai trò của văn hóa trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Các hệ giá trị này không chỉ là những chuẩn mực định hướng hành vi cá nhân và cộng đồng mà còn là nền tảng tinh thần của xã hội, góp phần củng cố bản lĩnh dân tộc, tăng cường sự đồng thuận xã hội và tạo động lực nội sinh cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Bên cạnh việc nhấn mạnh vai trò của văn hóa và con người, Nguyễn Phú Trọng còn vận dụng quan điểm toàn diện trong việc xác định hạnh phúc của nhân dân là thước đo cuối cùng của sự phát triển xã hội. Theo ông, hạnh phúc không thể chỉ được đo bằng mức sống vật chất hay sự gia tăng của cải vật chất. Hạnh phúc là một giá trị tổng hợp phản ánh sự phát triển hài hòa giữa các điều kiện vật chất và tinh thần của con người: “Hạnh phúc của con người không phải chỉ ở chỗ nhiều tiền, lắm của, ăn ngon, mặc đẹp, mà còn ở sự phong phú về tâm

hồn, được sống giữa tình thương và lòng nhân ái, lẽ phải và công bằng” [Xem 196]. Nguyễn Phú Trọng xem hạnh phúc là kết quả của sự phát triển toàn diện, trong đó các giá trị tinh thần, đạo đức, công bằng xã hội, môi trường sống nhân văn và các quan hệ xã hội lành mạnh có ý nghĩa không kém các điều kiện vật chất. Quan niệm này phản ánh rõ tư duy biện chứng và toàn diện trong nhận thức về mục tiêu phát triển xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm toàn diện còn được vận dụng ở việc ông luôn đặt khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong mối quan hệ với việc phát huy sức mạnh văn hóa và con người Việt Nam. Ông nhấn mạnh: “Khơi dậy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của toàn dân tộc; phát huy cao độ những giá trị văn hóa, sức mạnh và tinh thần cống hiến của mọi người Việt Nam, tạo nguồn lực nội sinh và động lực đột phá để thực hiện thành công mục tiêu phát triển đất nước.” [135, 44-45] Ở đây, động lực phát triển không chỉ được tìm kiếm từ vốn, công nghệ hay các nguồn lực vật chất mà còn từ văn hóa, khát vọng, ý chí và sức mạnh tinh thần của con người. Tư duy này được hệ thống hóa tương đối đầy đủ trong cuốn sách *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, tập hợp các bài viết, bài phát biểu và các công trình nghiên cứu của Nguyễn Phú Trọng về văn hóa trong nhiều thập niên. Đặc điểm nổi bật tạo nên phong cách Nguyễn Phú Trọng trong tư duy, lý luận về văn hóa là vận dụng nhuần nhuyễn, triệt để và khoa học phép biện chứng mácxít. Những cặp phạm trù, những mối quan hệ biện chứng luôn được ông sử dụng để lý giải, định hướng khi chỉ đạo xây dựng văn hóa. Cùng với việc làm sáng tỏ hơn nội hàm của luận điểm “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” của nền văn hóa Việt Nam, Cố Tổng Bí thư nhấn mạnh 4 cặp phạm trù tạo nên “đặc trưng bản chất” của nền văn hóa, đó là: Truyền thống - Hiện đại, Kế thừa - Phát triển, Dân tộc - Quốc tế, Nhân văn - Dân chủ - Khoa học.

Bên cạnh đó, hai nội dung mới mà Nguyễn Phú Trọng chỉ ra là: (1) Vai trò của văn hóa trong thời kỳ quá độ lâu dài, phức tạp ở nước ta đòi hỏi văn hóa phải thấu hiểu, tham gia vào cuộc “đấu tranh với nhau giữa cái mới và cái cũ,

cái tốt và cái xấu, cái đúng và cái sai, cái giá trị truyền thống và cái mới du nhập, cái triển vọng và cái quá khứ” khi mà cuộc đấu tranh đó “nhiều khi chưa phân thắng bại. Trận tuyên lại không rõ ràng” [135, 64]; (2) Trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, xây dựng văn hóa là “một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cách mạng Việt Nam” [135, 5].

Với những quan điểm sắc bén, lập luận thuyết phục và tầm nhìn sâu rộng, cố Tổng Bí thư đã định hướng một cách toàn diện và bền vững cho sự phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đây là nguồn cảm hứng để toàn Đảng, toàn dân cùng chung tay vun đắp, phát huy giá trị văn hóa dân tộc, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ, bền vững trong tương lai.

Từ góc độ phương pháp luận, có thể thấy Nguyễn Phú Trọng đã vận dụng quan điểm toàn diện để khắc phục khuynh hướng “duy kinh tế” trong nhận thức về phát triển. Ông nhiều lần yêu cầu phải “quán triệt nghiêm túc quan điểm văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”, đồng thời nhấn mạnh cần khắc phục tư tưởng chỉ tập trung cho kinh tế mà xem nhẹ văn hóa. Điều đó cho thấy ông không xem văn hóa là lĩnh vực thứ yếu mà là một bộ phận cấu thành bản chất của sự phát triển xã hội chủ nghĩa.

3.2. Vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.2.1. Lý luận về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

Trước hết, quan điểm toàn diện được thể hiện ở việc Nguyễn Phú Trọng lý giải tính tất yếu của con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa từ tổng hòa các nhân tố lịch sử, dân tộc và thời đại. Trên cơ sở kế thừa tư tưởng của V.I. Lênin về khả năng quá độ “gián tiếp” lên chủ nghĩa xã hội ở những nước có trình độ phát triển kinh tế thấp, ông khẳng định sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa của Việt Nam không phải là sự áp đặt chủ quan hay quyết định mang tính ý chí, mà là kết quả của quá trình nhận thức và tổng kết thực tiễn lịch sử dân tộc.

Theo Nguyễn Phú Trọng, con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được hình thành từ chính thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Sau khi các khuynh hướng cứu nước theo hệ tư tưởng phong kiến và tư sản đều thất bại, chỉ có con đường cách mạng vô sản mới giải quyết đồng thời yêu cầu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Vì vậy, lựa chọn chủ nghĩa xã hội là kết quả của sự kết hợp giữa khát vọng độc lập dân tộc với xu thế phát triển khách quan của thời đại sau Cách mạng Tháng Mười Nga. Ông khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử” [126, 23].

Điểm nổi bật trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng là ông không tuyệt đối hóa bất kỳ nhân tố nào khi luận giải về tính tất yếu của con đường xã hội chủ nghĩa. Một mặt, ông thừa nhận những thành tựu to lớn mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được trong việc phát triển lực lượng sản xuất, khoa học và công nghệ; mặt khác, ông đồng thời chỉ ra những giới hạn lịch sử và các mâu thuẫn nội tại chưa thể khắc phục của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Theo ông, bản chất của chủ nghĩa tư bản vẫn là sự chi phối của quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với những lực lượng sản xuất ngày càng mang tính xã hội hóa cao, từ đó dẫn tới các hiện tượng bất bình đẳng xã hội, khủng hoảng kinh tế, xung đột lợi ích và những thách thức toàn cầu về môi trường, an sinh và phát triển bền vững. Chính cách nhìn nhận đồng thời cả mặt tích cực lẫn những giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản đã phản ánh rõ nét tư duy toàn diện và biện chứng trong nghiên cứu con đường phát triển của Việt Nam.

Khi giải thích nội hàm của khái niệm “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”, Nguyễn Phú Trọng khắc phục cả hai khuynh hướng cực đoan: hoặc phủ nhận sạch trơn những thành tựu của chủ nghĩa tư bản, hoặc đồng nhất phát triển với việc phải trải qua đầy đủ mô hình phát triển tư bản chủ nghĩa cổ điển. Theo ông: “Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả

những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển” [126, 25].

Luận điểm này thể hiện rõ tư duy biện chứng về mối quan hệ giữa phủ định và kế thừa. Trong nhận thức của Nguyễn Phú Trọng, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải là sự đoạn tuyệt tuyệt đối với toàn bộ lịch sử phát triển của nhân loại, mà là quá trình tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh của nhân loại, đồng thời vượt qua những giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Đây chính là biểu hiện của quan điểm toàn diện khi xem xét sự phát triển trong tính liên tục của lịch sử và trong mạng lưới các mối liên hệ giữa cái phổ biến và cái đặc thù, giữa giá trị nhân loại và điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Bên cạnh đó, Nguyễn Phú Trọng còn vận dụng quan điểm toàn diện trong việc nhận thức bản chất của thời kỳ quá độ như một quá trình lịch sử lâu dài, phức tạp và nhiều chiều cạnh. Ông cho rằng thời kỳ quá độ không đơn thuần là sự chuyển đổi về kinh tế mà là sự biến đổi căn bản trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Theo đó: “Quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội” [126, 25].

Một biểu hiện khác của tư duy toàn diện là việc Nguyễn Phú Trọng nhìn nhận thời kỳ quá độ như một quá trình đan xen giữa các yếu tố xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa. Ông chỉ rõ: “Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa...” [126, 35]. Cách tiếp cận này phản ánh nhận thức biện chứng về sự tồn tại của những mặt đối lập trong cùng một quá trình phát triển. Thay vì nhìn nhận xã hội trong thời kỳ quá độ như một thực thể thuần nhất, ông xem đây là một chỉnh thể động, trong đó cái mới và cái cũ cùng tồn tại, tác động và đấu tranh với nhau. Chính vì vậy, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể được hiểu như một quá trình giản đơn, mà là quá trình từng bước củng cố, phát triển các nhân tố xã hội chủ nghĩa để chúng ngày càng giữ vai trò chi phối trong đời sống xã hội.

Từ lập trường đó, Nguyễn Phú Trọng đồng thời phê phán những nhận thức mơ hồ, phiến diện từng tồn tại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây. Ông cho rằng qua tổng kết thực tiễn đổi mới, Đảng đã từng bước khắc phục những quan niệm như: “đồng nhất mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt; nhấn mạnh một chiều quan hệ sản xuất, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ; không thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản; đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản...” [126, 23-24]. Những điều chỉnh trong nhận thức lý luận này cho thấy sự vận dụng sâu sắc quan điểm toàn diện vào việc nghiên cứu thời kỳ quá độ. Theo đó, chủ nghĩa xã hội không được tiếp cận bằng những mô hình giáo điều hay những tiêu chí đơn nhất, mà phải được nhận thức trong sự vận động của các mối quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và trong tính lịch sử cụ thể của từng giai đoạn phát triển.

3.2.2. Lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Những đóng góp của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đối với lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành từ quá trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn lâu dài. Với nhiều năm công tác tại Tạp chí Cộng sản, được đào tạo chuyên sâu về chủ nghĩa Mác - Lênin trong nước và tại Liên Xô, ông có điều kiện tiếp cận một cách hệ thống các vấn đề về kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển của Việt Nam. Sự kết hợp giữa nền tảng lý luận vững chắc và thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc đổi mới đã tạo cơ sở để Nguyễn Phú Trọng đưa ra những luận giải có tính hệ thống về mô hình phát triển kinh tế của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

** Về sự hình thành và phát triển của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Một biểu hiện nổi bật của quan điểm toàn diện trong tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng là xem xét sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong mối

liên hệ giữa quy luật khách quan của kinh tế thị trường với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ông khẳng định việc “Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới” [126, 25], xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Quan niệm này phản ánh quá trình vận động biện chứng của nhận thức lý luận kinh tế ở Việt Nam, từ chỗ chưa thừa nhận đầy đủ vai trò của kinh tế thị trường và kinh tế tư nhân trong thời kỳ kế hoạch hóa tập trung, Đảng đã từng bước chuyển sang thừa nhận nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Nguyễn Phú Trọng nhiều lần nhấn mạnh rằng kinh tế tư nhân không phải là yếu tố đối lập với định hướng xã hội chủ nghĩa, mà là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, là một động lực quan trọng của tăng trưởng và phát triển. Đây không chỉ là sự điều chỉnh về chính sách mà còn là bước phát triển về nhận thức lý luận, phản ánh sự thống nhất giữa quy luật khách quan của phát triển kinh tế với điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam.

Bước sang thời kỳ hội nhập quốc tế sâu rộng, đặc biệt sau khi Việt Nam gia nhập WTO năm 2007, thực tiễn đặt ra yêu cầu phải giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế quốc tế và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Phú Trọng đã góp phần quan trọng trong việc phát triển và hoàn thiện lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN như một mô hình kinh tế đặc thù của Việt Nam. Đây là sự kết hợp biện chứng giữa cái phổ biến và cái đặc thù: giữa những quy luật chung của kinh tế thị trường với mục tiêu, bản chất và các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

Quá trình phát triển nhận thức này được thể chế hóa trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Hiến pháp năm 2013 và tiếp tục được khẳng định tại Đại hội XIII của Đảng khi xác định kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhìn từ góc độ triết học, đây là quá trình vận động nhận thức mang tính biện

chúng: từ thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, đến sáng tạo khái niệm lý luận về kinh tế thị trường định hướng XHCN, rồi tiếp tục hoàn thiện mô hình phát triển trên cơ sở tổng kết thực tiễn đổi mới và hội nhập quốc tế.

** Về bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

Vận dụng quan điểm toàn diện, Nguyễn Phú Trọng không xem kinh tế thị trường đơn thuần là một cơ chế kinh tế mà đặt nó trong tổng thể các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo đó, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Khái niệm này thể hiện rõ tư duy toàn diện ở chỗ kết hợp nhiều chiều cạnh của sự phát triển. Một mặt, nền kinh tế phải vận hành theo các quy luật khách quan của thị trường như quy luật giá trị, quy luật cung - cầu, quy luật cạnh tranh. Mặt khác, sự vận hành đó phải được định hướng bởi các mục tiêu xã hội chủ nghĩa thông qua vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Đặc biệt, Nguyễn Phú Trọng đã phát triển lý luận khi khẳng định: “Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ).” [126, 25-26]. Đây là một đóng góp lý luận quan trọng, bởi thay vì đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản như một số quan niệm trước đây, ông đã làm rõ tính trung tính của kinh tế thị trường với tư cách là thành tựu chung của văn minh nhân loại, đồng thời khẳng định khả năng vận dụng công cụ này để xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện Việt Nam.

** Về cơ cấu sở hữu, thành phần kinh tế và cơ chế phân phối*

Quan điểm toàn diện được thể hiện rõ trong cách tiếp cận của Nguyễn Phú Trọng đối với các hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế. Theo ông, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN phải thừa nhận sự tồn tại khách quan của nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển; Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược phát triển đất nước. Điều này cho thấy tư duy toàn diện của Nguyễn Phú Trọng trong việc xử lý mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế. Ông không tuyệt đối hóa bất kỳ thành phần nào mà nhìn nhận chúng trong mối liên hệ bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau nhằm huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển.

Tương tự, trong lĩnh vực phân phối, ông nhấn mạnh sự kết hợp nhiều hình thức phân phối khác nhau: theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp vốn và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Cách tiếp cận này phản ánh sự thống nhất giữa yêu cầu hiệu quả kinh tế và mục tiêu công bằng xã hội, giữa tăng trưởng và phát triển bền vững.

** Về mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội*

Sáng tạo nổi bật của Nguyễn Phú Trọng là phát triển nhận thức về cơ chế vận hành của kinh tế thị trường định hướng XHCN theo hướng giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội.

Nếu trước đây nhận thức phổ biến thường nhấn mạnh sự kết hợp giữa “bàn tay Nhà nước” và “bàn tay thị trường”, thì Nguyễn Phú Trọng đã nâng tầm nhận thức khi đặt thêm yếu tố xã hội vào cấu trúc vận hành của nền kinh tế. Theo đó: Nhà nước đóng vai trò kiến tạo phát triển, định hướng và điều tiết vĩ mô; Thị trường giữ vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực; Xã hội tham gia giám sát, phản biện và tạo động lực phát triển bền vững. Quan điểm này phản ánh tư duy toàn diện khi nhìn nhận nền kinh tế như

một hệ thống mở, trong đó các chủ thể không tồn tại biệt lập mà tác động qua lại lẫn nhau. Đây cũng là sự phát triển lý luận quan trọng so với những quan niệm truyền thống về quản lý kinh tế.

Thực tiễn 40 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN. Việt Nam từ một quốc gia nghèo nàn, lạc hậu đã trở thành nước có thu nhập trung bình; tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức cao trong nhiều năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh; đời sống nhân dân được cải thiện; vị thế quốc tế của đất nước không ngừng được nâng cao. Điều này góp phần khẳng định thành công của việc vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức và giải quyết các vấn đề kinh tế ở Việt Nam, cũng là cơ sở quan trọng để chúng ta tiếp tục nghiên cứu và phát triển lý luận trong giai đoạn sau này.

3.2.3. Nhận thức và xử lý các mối quan hệ lớn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Nguyên tắc toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin yêu cầu khi xem xét mọi sự vật và hiện tượng đều phải xét đến các mối liên hệ đa dạng. Tuy nhiên, không phải mọi mối liên hệ đều có vị trí như nhau. Trong số đó luôn tồn tại những mối liên hệ bản chất, tất yếu, giữ vai trò chi phối sự vận động và phát triển của sự vật. Vì vậy, việc cần làm không chỉ là nhận diện càng nhiều mối liên hệ càng tốt, mà quan trọng hơn là xác định đúng những mối liên hệ chủ yếu, có ý nghĩa quyết định để từ đó đề ra phương thức tác động phù hợp. Chính trên cơ sở nhận thức này, Nguyễn Phú Trọng đã tiếp cận quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như một chỉnh thể phát triển hết sức phức tạp, trong đó kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại không tồn tại tách biệt mà tác động qua lại, quy định lẫn nhau.

Trong cuốn sách *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, điểm đặc sắc trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng là ông không xem các mối quan hệ lớn như những cặp yếu tố tồn tại độc lập, mà luôn tiếp cận chúng bằng tư duy biện chứng. Theo đó, mỗi mối quan hệ đều phản ánh sự thống nhất giữa các mặt khác nhau của

đòi sống xã hội, vừa tác động hỗ trợ, vừa chế ước lẫn nhau. Chẳng hạn, giữa đổi mới và ổn định tồn tại sự thống nhất trong mâu thuẫn. Đổi mới là động lực phát triển nhưng nếu thiếu ổn định sẽ dẫn tới rối loạn; ngược lại, ổn định là điều kiện của phát triển nhưng nếu tuyệt đối hóa sẽ dẫn tới trì trệ. Do đó, không thể lựa chọn một trong hai mà phải xử lý chúng trong mối quan hệ biện chứng nhằm hướng tới phát triển bền vững. Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển phải thực hiện theo phương châm: dân tộc tối thượng, dân chủ đích thực và tự do cá nhân có kỷ cương, kỷ luật, cũng như phải quán triệt tư tưởng quyết tâm sáng tạo không ngừng... Vì thế, nhất thiết phải phát triển con người và phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của con người. Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo sự nghiệp đổi mới để phát triển đất nước, con người và dân tộc Việt Nam theo lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” [99, 46-47]. “Thực tiễn cho thấy, có lúc có nơi người ta sợ mất ổn định mà không dám tiến hành đổi mới, vin vào lý do để đảm bảo ổn định mà trì hoãn đổi mới. Vì thế phải hết sức cảnh giác với tư tưởng muốn níu kéo ổn định để cản trở đổi mới và cũng tức là cản trở phát triển. Mặt khác, phải phòng chống khuynh hướng cực đoan, phiêu lưu, mạo hiểm trong đổi mới, thái độ nôn nóng, chủ quan, thoát ly thực tiễn khi tiến hành đổi mới, dẫn đến mất ổn định” [99, 19]. *“Như vậy, đổi mới, ổn định và phát triển không tồn tại biệt lập, không đối lập nhau mà nương tựa vào nhau cùng tạo ra sự phát triển chung của quốc gia. Đổi mới, ổn định và phát triển đều do con người và vì con người. Con người vừa là mục đích, vừa là chủ nhân, là động lực của đổi mới, ổn định và phát triển”* [99, 24] Điều này cho thấy cách tiếp cận toàn diện của Nguyễn Phú Trọng không phải là dung hòa một cách cơ học các yếu tố đối lập mà là tìm kiếm sự thống nhất động giữa chúng trong từng điều kiện cụ thể.

Tương tự, trong nhận thức về mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa, Nguyễn Phú Trọng đã vận dụng sâu sắc quan điểm toàn diện để vượt qua những khuynh hướng cực đoan: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một hình thức đặc thù của kinh tế thị trường. Định

hướng xã hội chủ nghĩa không phải là “cái đuôi” được gắn ghép chủ quan vào nền kinh tế thị trường mà là tính chất của nền kinh tế thị trường này. Tính chất này được quyết định bởi chính tính chất của những bộ phận cấu thành, nằm trong kết cấu bên trong của nền kinh tế, xác định bản chất và xu thế vận động của nền kinh tế thị trường, quyết định nền kinh tế vừa chịu tác động của các quy luật kinh tế thị trường, vừa chịu tác động bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội” [99, 90-91]. Đây chính là cách thức xử lý mối quan hệ giữa cái phổ biến và cái đặc thù, giữa quy luật chung của kinh tế thị trường với mục tiêu đặc thù của con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Quan điểm toàn diện còn thể hiện rõ trong cách Nguyễn Phú Trọng xử lý mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị. Ông cho rằng kinh tế và chính trị là hai lĩnh vực có quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau. Đổi mới kinh tế tạo ra cơ sở vật chất cho đổi mới chính trị, nhưng đổi mới chính trị lại giữ vai trò định hướng và tạo môi trường thể chế cho phát triển kinh tế. Từ thực tiễn sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, ông chỉ ra rằng việc xử lý không đúng mối quan hệ này có thể dẫn tới khủng hoảng toàn diện của chế độ. “Như thực tế đã chứng minh, không phải ở đâu có đa nguyên kinh tế là tất yếu có đa nguyên chính trị; không phải ở đâu có tự do kinh tế là tự nhiên sẽ có nền chính trị dân chủ” [Xem 99, 53-55]. Giải quyết mối quan hệ này trong thực tiễn, Nguyễn Phú Trọng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới, cần: “*dân chủ hóa và minh bạch hóa hơn nữa quá trình ra các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội*. Kiên quyết phòng chống nguy cơ một số nhóm lợi ích chi phối quá trình hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách; kiên quyết phòng chống các biểu hiện mất dân chủ, dân chủ hình thức, chuyên quyền, độc đoán cũng như các biểu hiện dân chủ cực đoan, vô tổ chức, vô kỷ luật trong nội bộ Đảng, từ Trung ương đến cơ sở. Đẩy mạnh phòng chống suy thoái; tự diễn biến, tự chuyển hóa trong một bộ phận cán bộ, đảng viên” [99, 79]. Như vậy, đổi mới ở Việt Nam phải được tiến hành đồng bộ, hài hòa, nhưng có trọng tâm, trọng điểm; trong đó đổi mới kinh tế là trung tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị phù hợp với yêu cầu phát triển và giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Một nội dung quan trọng khác phản ánh rõ tư duy toàn diện của Nguyễn Phú Trọng là nhận thức về mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Theo ông, đây không phải là hai nhiệm vụ tách rời mà là hai mặt thống nhất của một quá trình phát triển. Xây dựng chủ nghĩa xã hội tạo ra cơ sở vật chất, chính trị và tinh thần cho bảo vệ Tổ quốc; ngược lại, bảo vệ Tổ quốc là điều kiện để giữ vững môi trường hòa bình cho công cuộc xây dựng đất nước: “Muốn bảo vệ đất nước an toàn, ổn định, không đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa thì phải xây dựng sao cho các yếu tố của chủ nghĩa xã hội nước ta ngày càng chiếm địa vị thống trị trong đời sống xã hội, luôn thể hiện rõ tính chất ưu việt, vượt trội” [99, 188]. Cụ thể hơn, “mỗi bước phát triển kinh tế - xã hội phải là một bước tạo điều kiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân cả về tiềm lực và thế trận” [99, 221]; “phát triển một nền công nghiệp quốc phòng mang tính “luỡng dụng” vừa đáp ứng nhu cầu quốc phòng, vừa đáp ứng nhu cầu dân sinh, phục vụ cho sự phát triển kinh tế đất nước” [99, 213]; bên cạnh đó, “phải giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho mọi người dân Việt Nam trong khi chủ nghĩa xã hội thế giới còn trong tình trạng thoái trào; củng cố và nâng cao tư tưởng, niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ khi mà tình trạng suy thoái, tham nhũng còn diễn ra trầm trọng; xây dựng và tạo dựng sự gắn bó giữa lòng yêu nước và yêu chế độ... trong khi hiện thực xây dựng chủ nghĩa xã hội còn nhiều “bê bộn”...” [99, 215] Điều này cho thấy cái nhìn toàn diện của Nguyễn Phú Trọng trong từng mối quan hệ, từ nhận thức bản chất, nắm bắt tình hình đến đề xuất chủ trương, biện pháp giải quyết mối quan hệ trong thực tiễn vận động và phát triển của xã hội XHCN. Cái nhìn này thấm đẫm tư tưởng triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin, thể hiện sâu sắc nguyên lý về mối liên hệ phổ biến, quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập, quan điểm phát triển, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, cũng như phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Không chỉ dừng lại ở việc nhận diện từng mối quan hệ riêng lẻ, Nguyễn Phú Trọng còn nhìn nhận toàn bộ hệ thống các mối quan hệ lớn như một chỉnh thể thống nhất. Thực chất, các mối quan hệ này không tồn tại biệt lập mà đan

xen, tác động lẫn nhau. Chẳng hạn, việc xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa có liên hệ trực tiếp với việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội; giữa phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Chẳng hạn như khi nói đến phương cách chủ yếu để giữ vững và tăng cường độc lập, tự chủ, Nguyễn Phú Trọng cho rằng đó chính là nâng cao sức mạnh tổng hợp của quốc gia, bao gồm 4 phần: vị trí, vai trò và sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng; các giá trị Việt Nam, đặc biệt là truyền thống yêu nước và sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc; tiềm lực kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh, khoa học công nghệ...; vị thế quốc tế, nghĩa là trên tất cả các lĩnh vực. Để có tiềm lực kinh tế mạnh phải giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội, đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất phù hợp. Để có vị thế quốc tế cũng phải giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Như vậy, vận dụng quan điểm toàn diện để nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn nghĩa là không chỉ xem xét ở cấp độ từng mối quan hệ mà còn ở cấp độ hệ thống, tức là xem xét toàn bộ các mối quan hệ trong sự ràng buộc và tác động lẫn nhau.

Hệ thống các mối quan hệ lớn mà Nguyễn Phú Trọng phát triển có ý nghĩa như một “khung tư duy biện chứng” để nhận thức và lãnh đạo quá trình đổi mới. Thay vì tiếp cận từng vấn đề một cách đơn tuyến hoặc cục bộ, hệ thống này giúp nhận diện đầy đủ các yếu tố tác động đến sự phát triển, đồng thời chỉ ra yêu cầu phải xử lý hài hòa giữa các mục tiêu, lợi ích và nhiệm vụ khác nhau. Đây chính là cơ sở để khắc phục những khuynh hướng phiến diện, duy kinh tế, duy chính trị hoặc duy ý chí trong hoạch định đường lối phát triển đất nước.

3.2.4. Những định hướng trọng tâm trong hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Từ việc xác định tám mối liên hệ cơ bản đã hình thành tám định hướng trọng tâm trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây không phải là những nội dung rời rạc, mà tạo thành một hệ thống logic, gắn với những vấn

đề cấp bách của thực tiễn, đồng thời thể hiện tầm nhìn chiến lược đối với sự phát triển lâu dài của đất nước.

Trước hết, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh được xác định là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ tiến trình hiện thực hóa chủ nghĩa xã hội. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính nguyên tắc của lý luận Mác - Lênin về vai trò của chính đảng cách mạng, mà còn là đòi hỏi cấp bách của thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ngày càng trở nên nghiêm trọng, đặc biệt từ sau Hội nghị Trung ương 4 khóa XI (2012) và khóa XII (2016). Trong bối cảnh đó, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã được đẩy mạnh với quyết tâm chính trị rất cao, được nhân dân gọi bằng hình ảnh “lò nóng”, thể hiện rõ quan điểm nhất quán của Nguyễn Phú Trọng: “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, bất kể người đó là ai, không chịu sức ép của bất kỳ cá nhân nào” [126, 393]. Điều này không chỉ nhằm xử lý các sai phạm cụ thể, mà sâu xa hơn là củng cố niềm tin xã hội, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trên nền tảng đạo đức và tính chính danh. Định hướng này còn được đặt trong tầm nhìn lâu dài, khi Đảng phải “thực sự là đạo đức, là văn minh” [59, 612], trở thành lực lượng lãnh đạo đủ uy tín và năng lực để dẫn dắt toàn xã hội. So với kinh nghiệm quốc tế, có thể thấy Việt Nam vừa kiên quyết, vừa thận trọng, nhấn mạnh sự kết hợp giữa “xây” và “chống”, giữa phòng ngừa và xử lý, thể hiện một cách tiếp cận toàn diện và nhân văn.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một định hướng trọng tâm, phản ánh trực tiếp việc xử lý mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng trong phát triển kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, song cũng bộc lộ không ít hạn chế như méo mó về thể chế, tình trạng độc quyền, lợi ích nhóm. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vừa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa” [21, 108]. Điều này đặt ra

yêu cầu cấp bách là phải hoàn thiện hệ thống pháp luật minh bạch, bảo vệ quyền tài sản, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh; đồng thời, về lâu dài, phải xây dựng một thể chế hiện đại, hiệu quả, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Đáng chú ý, cách tiếp cận của Việt Nam có sự khác biệt rõ nét so với một số quốc gia xã hội chủ nghĩa khác, khi không tuyệt đối hóa cơ chế thị trường, mà luôn đặt nó trong khuôn khổ định hướng xã hội chủ nghĩa, với vai trò kiến tạo, điều tiết của Nhà nước.

Thứ ba, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với chuyển đổi số và tăng trưởng xanh thể hiện sự nhạy bén trong việc nắm bắt xu thế phát triển của thời đại. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nguyễn Phú Trọng đã nhiều lần cảnh báo nguy cơ tụt hậu nếu không đổi mới sáng tạo, không làm chủ công nghệ, nhấn mạnh rằng: “Nếu không đổi mới sáng tạo, không nắm bắt công nghệ, chúng ta sẽ tụt hậu, bỏ lỡ cơ hội phát triển” [Xem 120]. Điều này cho thấy tầm nhìn chiến lược khi đặt vấn đề chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số và năng lượng tái tạo. Đây không chỉ là giải pháp trước mắt nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, mà còn là định hướng lâu dài để Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt.

Thứ tư, phát triển hài hòa, cân đối giữa các vùng, giữa đô thị và nông thôn là một yêu cầu mang tính chiến lược nhằm bảo đảm sự phát triển toàn diện và ổn định xã hội. Thực tiễn cho thấy sự chênh lệch vùng miền, sự phát triển không đồng đều về kết cấu hạ tầng và mức sống vẫn là một thách thức lớn đối với Việt Nam. Trong các chuyến công tác địa phương, Nguyễn Phú Trọng nhiều lần nhấn mạnh: “Không để địa phương nào bị bỏ lại phía sau” [Xem 125]. Đây không chỉ là một khẩu hiệu mang tính chính trị, mà phản ánh quan điểm phát triển bao trùm, lấy con người làm trung tâm. Việc tăng cường liên kết vùng, phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương, đồng thời thu hẹp khoảng cách phát triển chính là điều kiện để bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Thứ năm, phát triển con người toàn diện, bảo đảm an sinh xã hội bền vững được xác định là mục tiêu và động lực của sự phát triển. Văn kiện Đại hội XIII khẳng định: “Con người là trung tâm, là mục tiêu và là động lực phát triển” [21, 141]. Quan điểm này đã được kiểm chứng rõ nét trong thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch COVID-19, khi phương châm “Không để ai bị bỏ lại phía sau” [115] trở thành nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt. Điều này không chỉ đáp ứng yêu cầu cấp bách của xã hội, mà còn thể hiện rõ bản chất nhân văn của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Về lâu dài, định hướng này đòi hỏi phải nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, xây dựng hệ thống an sinh xã hội công bằng, hiệu quả, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển toàn diện trong một cộng đồng hài hòa.

Thứ sáu, xây dựng nền văn hóa và môi trường xã hội lành mạnh là một trong những định hướng mang tính nền tảng, phản ánh sự nhận thức sâu sắc về vai trò của văn hóa trong phát triển. Cố Tổng Bí thư nhấn mạnh: “Văn hóa phải thực sự là ngọn đèn soi đường cho dân tộc ta” [133]. Đây là sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời thể hiện cách tiếp cận toàn diện khi đặt văn hóa trong mối quan hệ biện chứng với kinh tế, chính trị và xã hội. Trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, việc giữ gìn bản sắc văn hóa, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân là yêu cầu cấp thiết. Định hướng này không chỉ nhằm khắc phục những biểu hiện suy thoái đạo đức, thương mại hóa các giá trị văn hóa, mà còn hướng tới xây dựng văn hóa như một nguồn lực nội sinh, một “sức mạnh mềm” của quốc gia.

Thứ bảy, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh cải cách hành chính là điều kiện quan trọng để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội. Hội nghị toàn quốc về xây dựng Nhà nước pháp quyền (2022) nhấn mạnh: “Mọi quyền lực đều phải được kiểm soát bằng cơ chế, pháp luật” [127]. Điều này phản ánh bước phát triển trong nhận thức về quyền lực nhà nước, khi không chỉ nhấn mạnh vai trò lãnh đạo, mà còn đề cao yêu cầu kiểm soát quyền lực, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Trước mắt, cần khắc phục tình trạng thủ tục hành chính rườm rà, tham nhũng vặt; về lâu dài, phải xây dựng một bộ

máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, thực sự phục vụ nhân dân, qua đó củng cố niềm tin xã hội và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia.

Thứ tám, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thể hiện tư duy toàn diện trong việc kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Báo cáo chính trị Đại hội XIII khẳng định chiến lược “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” [21, 153], đồng thời nhấn mạnh đoàn kết toàn dân là “nguồn sức mạnh vô địch” [119]. Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp, cạnh tranh chiến lược gia tăng, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống đan xen, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân trở thành yếu tố quyết định. Đây là cách tiếp cận khác biệt khi không chỉ dựa vào sức mạnh quân sự hay kinh tế, mà nhấn mạnh đến yếu tố con người và khối đại đoàn kết toàn dân tộc như nền tảng của sức mạnh quốc gia.

Tổng thể tám định hướng trên cho thấy sự kết hợp chặt chẽ giữa yêu cầu trước mắt và tầm nhìn lâu dài, giữa giải quyết các vấn đề cấp bách của thực tiễn với việc định hình chiến lược phát triển bền vững. Từ phòng, chống tham nhũng, hoàn thiện thể chế, thúc đẩy chuyển đổi số, đến bảo đảm an sinh xã hội và phát triển văn hóa, tất cả đều phản ánh sự vận dụng sáng tạo nguyên tắc toàn diện của phép biện chứng duy vật vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Chính điều này đã góp phần định hình một mô hình phát triển mang bản sắc riêng, đồng thời khẳng định vai trò sáng tạo và dấu ấn tư duy của Nguyễn Phú Trọng trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

3.3. Vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về các chủ thể và động lực phát triển chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

3.3.1. Nhân dân là chủ thể trung tâm của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

Một trong những nội dung cốt lõi và xuyên suốt trong tư tưởng của Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của nhân dân. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo lịch sử, Hồ Chí

Minh phát triển thành tư tưởng “lấy dân làm gốc”, thì Nguyễn Phú Trọng đã kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo những nguyên lý đó trong điều kiện mới của công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Có thể nói, trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của ông, nhân dân vừa là điểm xuất phát, vừa là trung tâm quy chiếu, vừa là mục tiêu cuối cùng của mọi đường lối, chủ trương phát triển đất nước.

Điều đáng chú ý là Nguyễn Phú Trọng không đề cập đến nhân dân như một khái niệm chính trị chung chung, mà đặt vấn đề nhân dân trong một hệ thống các mối quan hệ đa chiều và thống nhất. Nội dung về nhân dân được ông lý giải trên tất cả các phương diện: từ vai trò, vị trí của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; từ sức mạnh của nhân dân với tư cách là nguồn lực, động lực quan trọng nhất của phát triển; đến hạnh phúc của nhân dân với ý nghĩa là mục tiêu tối thượng của sự phát triển; cũng như các giải pháp nhằm phát huy dân chủ, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc và khơi dậy sức mạnh sáng tạo của nhân dân.

Chính cách tiếp cận đó phản ánh rõ nét quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin. Theo quan điểm toàn diện, muốn nhận thức đúng bản chất của sự vật phải xem xét nó trong tổng thể các mối liên hệ khách quan và trong sự tác động qua lại giữa các yếu tố cấu thành. Vận dụng nguyên lý này, Nguyễn Phú Trọng không nhìn nhận nhân dân chỉ với tư cách là đối tượng phục vụ của Nhà nước hay lực lượng thực hiện các chủ trương của Đảng, mà xem nhân dân trong toàn bộ các mối quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xem nhân dân vừa là chủ thể quyền lực, vừa là động lực phát triển, vừa là người thụ hưởng thành quả phát triển. Đây chính là chiều sâu triết học trong tư tưởng của ông về nhân dân.

Một là, kế thừa và phát triển quan điểm “dân là gốc”

Đây không chỉ là một khẩu hiệu chính trị mà là một quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận đối với toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước. Quan điểm này bắt nguồn từ học thuyết Mác - Lênin về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử, đồng thời kế thừa truyền thống chính trị lâu đời của dân tộc và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân.

Cố Tổng Bí thư đã khẳng định một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng nhất của công cuộc đổi mới là trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, luôn xác định “Dân là gốc”, thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; kiên trì thực hiện đúng nguyên tắc “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” [21, 173]. Theo ông, mọi chủ trương, chính sách đều phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, bởi Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới. Trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, ông nhấn mạnh: “Cần khẳng định, ta làm hợp lòng dân thì dân tin và chế độ ta còn, Đảng ta còn. Ngược lại, nếu làm cái gì trái lòng dân, để mất niềm tin là mất tất cả.” [110, 80] Đây không đơn thuần là một lời nhắc nhở về công tác dân vận, mà là sự khái quát một quy luật chính trị - xã hội có tính lịch sử. Sức mạnh của Đảng không nằm ngoài nhân dân; tính chính danh của chế độ bắt nguồn từ sự ủng hộ và niềm tin của nhân dân. Quan điểm này gợi nhớ sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh: “Ý dân là ý trời. Làm đúng ý nguyện của dân thì ắt thành. Làm trái ý nguyện của dân thì ắt bại.” Qua đó cho thấy sự kế thừa và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nhân dân trong điều kiện mới.

Dưới góc độ triết học, đây là sự vận dụng quan điểm toàn diện khi xem xét nhân dân không chỉ với tư cách một lực lượng xã hội, mà là nền tảng quyết định sự ổn định, phát triển và sức sống của toàn bộ hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo xã hội nhưng đồng thời phải dựa vào nhân dân, gắn bó với nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Mọi quan hệ giữa Đảng và nhân dân được Nguyễn Phú Trọng nhìn nhận như một chỉnh thể thống nhất, không thể tách rời.

Hai là, nhân dân vừa là chủ thể vừa là người thụ hưởng thành quả phát triển

Đây là cách tiếp cận phản ánh sâu sắc quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin khi xem xét con người trong sự thống nhất giữa vai trò động lực và mục tiêu của sự phát triển xã hội: “Nhân dân (thông qua Mặt trận, các tổ chức quần chúng thành viên của Mặt trận) làm chủ, là chủ thể thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước và được thụ hưởng các

thành quả do mình làm ra” [126, 85]. Do đó, mọi đường lối phát triển phải hướng tới nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Trong bài viết về cô Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, đồng chí Tô Lâm đã nhận xét, xuyên suốt trong tư tưởng của đồng chí Nguyễn Phú Trọng là Nhân dân, là con người, là hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân, xây dựng con người, lấy Nhân dân là chủ thể, trung tâm của công cuộc đổi mới. Nhận định này phản ánh chính xác chiều sâu nhân văn trong tư tưởng của Nguyễn Phú Trọng. Chủ nghĩa xã hội mà ông hướng tới không chỉ là sự phát triển của lực lượng sản xuất hay tăng trưởng kinh tế, mà là sự phát triển toàn diện con người, vì hạnh phúc của nhân dân.

Ba là, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân

Nếu “dân là gốc” thể hiện nhận thức về vị trí của nhân dân và “nhân dân là trung tâm” thể hiện mục tiêu của sự phát triển, thì việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân chính là con đường hiện thực hóa những nhận thức đó. Nguyễn Phú Trọng đặc biệt nhấn mạnh việc thực hiện dân chủ thực chất. Theo ông, muốn phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thì trước hết phải bảo đảm dân chủ thực sự. Nhân dân tham gia vào tất cả các khâu của quá trình phát triển: từ biết chủ trương, tham gia thảo luận, trực tiếp thực hiện, kiểm tra, giám sát cho đến thụ hưởng thành quả. Như vậy, nhân dân không chỉ là đối tượng tác động của chính sách mà còn là chủ thể tham gia hoạch định, thực hiện và đánh giá chính sách. Quyền làm chủ của nhân dân không chỉ giới hạn trong lĩnh vực chính trị mà phải được bảo đảm trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đồng thời, Nguyễn Phú Trọng luôn nhấn mạnh sự thống nhất giữa dân chủ và kỷ cương, giữa quyền và trách nhiệm, giữa phát huy quyền làm chủ với tăng cường pháp luật và kỷ luật xã hội. Ông cũng đặc biệt quan tâm đến trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong việc phục vụ nhân dân. Theo ông, mỗi cán bộ phải thực sự gần dân, trọng dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, xa dân - những nguy cơ làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ.

Tư tưởng của Nguyễn Phú Trọng về nhân dân là một trong những biểu hiện sâu sắc nhất của việc vận dụng sáng tạo quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Nhân dân được nhìn nhận trong tính chính thể và trong toàn bộ các mối quan hệ của đời sống xã hội: là gốc của chế độ, là nguồn gốc sức mạnh của Đảng và Nhà nước, là chủ thể sáng tạo lịch sử, là động lực phát triển, là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời là mục tiêu cao nhất của mọi hoạt động lãnh đạo và quản lý xã hội. Chính vì vậy, xây dựng chủ nghĩa xã hội thực chất là quá trình phát huy vai trò chủ thể của nhân dân, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân và không ngừng nâng cao đời sống, hạnh phúc của nhân dân. Đây vừa là yêu cầu có tính nguyên tắc của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là quy luật bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững của Đảng, Nhà nước và đất nước Việt Nam.

3.3.2. Đại đoàn kết toàn dân tộc là động lực chiến lược của phát triển

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và vận dụng sáng tạo quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nguyễn Phú Trọng nhìn nhận đại đoàn kết trong tính chính thể của toàn bộ đời sống xã hội, coi đây là kết quả của việc giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa dân chủ và kỷ cương, giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Đoàn kết không chỉ là vấn đề chính trị mà đồng thời là vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội, dân tộc, tôn giáo và đối ngoại; không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực; không chỉ là kết quả của phát triển mà còn là điều kiện để phát triển. Chính cách tiếp cận đó làm cho tư tưởng đại đoàn kết của ông mang đậm dấu ấn triết học Mác - Lênin.

Trước hết, đoàn kết là nguồn sức mạnh của cách mạng Việt Nam

Lý giải sức mạnh đoàn kết trên cơ sở tổng kết toàn bộ lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, trong cuốn sách *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng văn minh, hạnh phúc*, ông viết: “Lịch sử dân tộc ta đã chứng minh, trước những bước ngoặt lớn của lịch sử với mục tiêu lớn lao của đất nước, nếu biết khơi dậy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự

tôn dân tộc, phát huy sức mạnh vĩ đại của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, thì con thuyền cách mạng Việt Nam sẽ vượt qua mọi thác ghềnh, phong ba bão táp, đề cập bến bờ vinh quang” [130, 17]. Ngược lại: “Khi đất nước phân tranh, lòng dân ly tán, oán hận, thì vận nước suy tàn” [130, 18].

Đằng sau những nhận định này là tư duy biện chứng sâu sắc. Theo quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin, sự phát triển của xã hội là kết quả tác động tổng hợp của nhiều nhân tố, trong đó quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo lịch sử. Bởi vậy, sức mạnh dân tộc chỉ có thể được phát huy khi các lực lượng xã hội được tập hợp thành một chỉnh thể thống nhất. Nguyễn Phú Trọng không xem đại đoàn kết chỉ là nhiệm vụ trong thời chiến mà là yêu cầu thường xuyên của mọi giai đoạn phát triển. Từ đấu tranh giải phóng dân tộc đến xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ kháng chiến đến đổi mới và hội nhập quốc tế, đoàn kết luôn là “sợi chỉ đỏ” xuyên suốt toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam. Có Tổng Bí thư từng nhấn mạnh: Không một quốc gia nào có thể bảo vệ vững chắc nền độc lập của mình nếu thiếu đi sự đồng lòng, đoàn kết của nhân dân. Sức mạnh của nhân dân chính là bức tường thành kiên cố nhất trước mọi âm mưu xâm lược và lật đổ ở mọi thời đại.

Đặc biệt, ông nhìn nhận đại đoàn kết không chỉ trong phạm vi quốc gia mà còn trong mối liên hệ với môi trường quốc tế. Đây chính là sự vận dụng nguyên lý về tính phổ biến của các mối liên hệ khi luôn gắn: “sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc” với “sức mạnh thời đại”. Qua đó cho thấy tư duy toàn diện của Nguyễn Phú Trọng không khép kín trong phạm vi dân tộc mà mở rộng ra các nguồn lực quốc tế phục vụ sự phát triển đất nước.

Hai là, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, lợi ích là cơ sở khách quan của mọi quan hệ xã hội. Muốn xây dựng sự thống nhất xã hội phải giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích. Nguyễn Phú Trọng đã vận dụng nguyên lý này khi khẳng định rằng đại đoàn kết dân tộc chỉ có thể bền vững nếu dựa trên nền tảng lợi ích thống nhất giữa cá nhân, tập thể và quốc gia. Khi bàn về cơ sở quy tụ sức mạnh dân tộc trong

thời kỳ mới, ông nhấn mạnh: “Đó là việc lấy con người làm trung tâm, là chủ thể, nguồn lực và mục tiêu của mọi chiến lược phát triển, tôn trọng quyền con người, quyền công dân... Đó là việc giải quyết đúng đắn, hài hòa các mối quan hệ xã hội... Đó là việc xóa bỏ mặc cảm, gác lại quá khứ, hướng tới tương lai; chấp nhận và tôn trọng những điểm khác biệt không trái với lợi ích quốc gia - dân tộc; đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, trước hết” [130, 35- 37]. Đây là một tư duy mang tính biện chứng sâu sắc, không phủ nhận sự đa dạng về lợi ích trong xã hội mà thừa nhận sự tồn tại khách quan của các khác biệt. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải tìm được “điểm tương đồng” để liên kết các lợi ích riêng biệt thành lợi ích chung của quốc gia - dân tộc. Do vậy, Nguyễn Phú Trọng chủ trương phát huy vai trò của tất cả các giai tầng xã hội, huy động đồng thời mọi nguồn lực và mọi chủ thể xã hội, không tuyệt đối hóa bất kỳ lực lượng nào.

Ba là, củng cố đồng thuận xã hội trong thời kỳ đổi mới

Sự đoàn kết không thể được xây dựng bằng mệnh lệnh hành chính hay áp đặt ý chí chủ quan mà phải dựa trên nền tảng dân chủ, đối thoại và niềm tin xã hội. Điều này thể hiện sự vận dụng sâu sắc nguyên lý về sự thống nhất giữa các mặt đối lập trong phép biện chứng duy vật. Ông nhiều lần nhấn mạnh: “Muốn đoàn kết thực sự thì phải có dân chủ thực sự”. Dân chủ và đoàn kết không đối lập mà bổ sung cho nhau. Dân chủ tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân tham gia vào đời sống chính trị - xã hội; còn đoàn kết là kết quả của quá trình phát huy dân chủ đúng hướng.

Đặc biệt, Nguyễn Phú Trọng nhìn nhận phòng, chống tham nhũng như một nhiệm vụ trực tiếp nhằm củng cố đồng thuận xã hội và tăng cường đại đoàn kết dân tộc. Ông cho rằng tham nhũng làm xói mòn niềm tin của nhân dân, phá vỡ mối liên hệ giữa Đảng với dân, từ đó làm suy yếu nền tảng đoàn kết xã hội. Vì vậy, đấu tranh phòng, chống tham nhũng không chỉ là nhiệm vụ xây dựng Đảng mà còn là giải pháp chiến lược để củng cố “thế trận lòng dân”.

3.3.3. Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là những động lực phát triển mới

Trong tư duy phát triển của Nguyễn Phú Trọng, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là công cụ sắc bén nhất để nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh quốc gia. Đây không chỉ là yếu tố hỗ trợ phát triển mà còn là nền tảng trực tiếp tạo ra những bước nhảy vọt về kinh tế - xã hội. Trên cơ sở kế thừa và phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của lực lượng sản xuất, tri thức khoa học và con người trong tiến trình phát triển xã hội, Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định vị trí trung tâm của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong chuyến thăm và làm việc với Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 12/9/2012, Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh rằng mục tiêu cao nhất của Đảng và Nhà nước là xây dựng đất nước ngày càng hùng cường, thịnh vượng, nhân dân ngày càng hạnh phúc, ấm no; do đó, khoa học và công nghệ phải phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Cách tiếp cận này phản ánh rõ quan điểm toàn diện khi đặt sự phát triển khoa học - công nghệ trong mối quan hệ với mục tiêu xã hội và con người. Giá trị của các thành tựu khoa học không được đánh giá đơn thuần bằng số lượng công trình nghiên cứu hay trình độ kỹ thuật đạt được, mà còn bằng khả năng cải thiện chất lượng cuộc sống, nâng cao năng suất lao động và tạo ra những điều kiện phát triển mới cho xã hội.

Cố Tổng Bí thư thường xuyên nhấn mạnh vai trò của đội ngũ trí thức như lực lượng nòng cốt trong tiến trình đổi mới sáng tạo. Phát biểu khai mạc Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII, ông khẳng định: “Bối cảnh tình hình mới đòi hỏi chúng ta phải quan tâm xây dựng, phát triển và phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò, vị trí và sự đóng góp của đội ngũ trí thức nước nhà - nguyên khí của quốc gia, đáp ứng yêu cầu chủ động, tích cực tham gia Cuộc cách mạng

công nghiệp lần thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.”

Tại Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp mặt đội ngũ trí thức và 40 năm Ngày thành lập Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam năm 2023, ông tiếp tục khẳng định: “Tầng lớp trí thức là hiền tài, nguyên khí của quốc gia, những người làm hưng thịnh cho đất nước; làm rạng rỡ cho dân tộc và vẻ vang cho giống nòi.” Đồng thời nhấn mạnh: “Trách nhiệm của trí thức Việt Nam là lực lượng chính đưa khoa học và công nghệ, trí thức sáng tạo vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.”

Quan điểm này cho thấy Nguyễn Phú Trọng không chỉ coi trọng trí thức với tư cách nguồn lực phát triển mà còn nhìn nhận đội ngũ trí thức trong mối quan hệ với vận mệnh dân tộc, sự nghiệp đổi mới và khát vọng phát triển đất nước. Vì vậy, ông nhiều lần yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng môi trường nghiên cứu dân chủ, khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và tạo điều kiện để các nhà khoa học phát huy tối đa năng lực cống hiến.

Trong chuyến thăm Khu Công nghệ cao Hòa Lạc ngày 22/2/2015, ông nhắc lại quan điểm nhất quán của Đảng: “Để đi lên chủ nghĩa xã hội, phải tiến hành 3 cuộc cách mạng, đó là cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - công nghệ và cách mạng tư tưởng văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - công nghệ là then chốt.” Ông đồng thời nhấn mạnh: “Đảng, Nhà nước đặc biệt coi trọng phát triển khoa học - công nghệ, coi đây là quốc sách hàng đầu, là yếu tố quyết định trí tuệ và sức mạnh của một dân tộc, là một trong những động lực để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đầu tư cho khoa học - công nghệ cũng như giáo dục đào tạo là đầu tư cho phát triển.” [Xem 197].

Điểm đáng chú ý là Nguyễn Phú Trọng luôn đặt khoa học - công nghệ trong hệ thống các yếu tố cấu thành sức mạnh quốc gia. Khoa học không chỉ phục vụ kinh tế mà còn gắn với giáo dục, đào tạo, quốc phòng, an ninh, văn hóa, môi trường và hội nhập quốc tế. Dưới sự tham mưu, định hướng của ông, Văn kiện Đại hội XIII xác định khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là công cụ then chốt để

thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và giải quyết các thách thức của thời đại mới. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, khoa học - công nghệ còn được xem là nền tảng để xây dựng nền kinh tế số, xã hội số và chính phủ số. Tiếp cận nhanh và kịp thời với sự phát triển chuyển đổi số các lĩnh vực của đời sống đương đại, cố Tổng Bí thư chỉ ra yêu cầu “xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số”, đồng thời không đặt văn hóa trong thế bị động, “làm cho văn hóa thích nghi, điều tiết sự phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [135, 46].

Không dừng lại ở việc khẳng định vai trò của khoa học - công nghệ, Nguyễn Phú Trọng còn yêu cầu đổi mới toàn diện từ nhận thức, cơ chế chính sách, tổ chức bộ máy, phương thức quản lý đến cách thức huy động và phân bổ nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa nhận thức, tư duy về khoa học và công nghệ trong điều kiện mới” và “đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế chính sách để phát triển khoa học và công nghệ.” [198].

Dưới sự lãnh đạo của ông, Đại hội XII và Đại hội XIII đều khẳng định khoa học - công nghệ là “quốc sách hàng đầu”, đồng thời nhấn mạnh đây là “động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.” Điều đáng chú ý là Nguyễn Phú Trọng không xem phát triển lực lượng sản xuất chỉ là việc đầu tư máy móc hay công nghệ mới. Ông tiếp cận vấn đề trong tính chỉnh thể, bao gồm phát triển nguồn nhân lực, đổi mới thể chế, nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng đội ngũ trí thức, hoàn thiện cơ chế quản lý và tạo lập môi trường thuận lợi cho sáng tạo khoa học. Nói cách khác, phát triển lực lượng sản xuất hiện đại phải được tiến hành đồng thời trên cả ba phương diện: con người, khoa học - công nghệ và thể chế phát triển. Chính sự kết hợp giữa phát triển lực lượng sản xuất hiện đại với phát huy nhân tố con người, giữa đổi mới sáng tạo với tiến bộ và công bằng xã hội đã tạo nên chiều sâu lý luận và giá trị thực tiễn trong tư tưởng của Nguyễn Phú Trọng về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thời kỳ mới.

3.4. Vận dụng quan điểm toàn diện trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

3.4.1. Xây dựng Đảng gắn với nhiệm vụ phát triển đất nước

Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa” [126, 29]. Quan điểm này cho thấy sự vận dụng nhất quán phương pháp toàn diện khi đồng chí không giới hạn công tác xây dựng Đảng ở khía cạnh tổ chức hay cán bộ, mà đặt nó trong mối liên hệ với toàn bộ sự phát triển của đất nước. Một Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ sẽ tạo nền tảng cho Nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cho nền kinh tế phát triển đúng định hướng; cho văn hóa được bồi đắp; cho quốc phòng, an ninh được tăng cường và cho hoạt động đối ngoại đạt hiệu quả cao. Ngược lại, những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng sẽ tác động tiêu cực tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong tư duy lý luận và thực tiễn lãnh đạo của có Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, xây dựng Đảng và phát triển đất nước là hai quá trình có quan hệ hữu cơ, biện chứng và không thể tách rời. Đảng trong sạch, vững mạnh là điều kiện tiên quyết để hoạch định đường lối đúng đắn, huy động sức mạnh toàn dân tộc và bảo đảm sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Ngược lại, những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại lại là minh chứng sinh động cho năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín của Đảng. Nhìn từ góc độ phương pháp luận, đây là sự thể hiện rõ nét quan điểm toàn diện và quan điểm phát triển trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng. Ông không xem phát triển đất nước chỉ là tăng trưởng kinh tế, cũng không xem xây dựng Đảng chỉ là công tác nội bộ của Đảng. Thay vào đó, ông đặt cả hai vấn đề trong mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế với chính trị, giữa phát triển với ổn định, giữa đổi mới với giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa xây dựng Đảng với xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị, giữa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Chính cách tiếp cận toàn diện này đã góp phần hình thành những chủ trương lớn của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

Quan điểm này được Nguyễn Phú Trọng phát triển nhất quán trong nhiều bài viết, bài phát biểu và đặc biệt được hệ thống hóa trong cuốn sách *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước*. Ông chỉ rõ: “Nếu Đảng ta không thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, không thống nhất cao về ý chí, hành động; không trong sạch về đạo đức, lối sống, không chặt chẽ về tổ chức thì không thể đứng vững và đủ sức lãnh đạo đưa đất nước đi lên” [Xem 107]. Từ nhận thức đó, đồng chí luôn yêu cầu công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được tiến hành toàn diện, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực. Tại Đại hội XIII của Đảng, đồng chí nhấn mạnh: “Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên, hiệu quả cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ” [21].

Điểm mới nổi bật trong tư duy của Nguyễn Phú Trọng là mở rộng phạm vi xây dựng Đảng từ bốn mặt “chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức” sang năm mặt “chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”; đồng thời yêu cầu “không chỉ xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà đòi hỏi phải xây dựng, chỉnh đốn cả hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”. Ông đặc biệt đề cao vai trò của công tác cán bộ: “Công tác cán bộ phải thực sự là “then chốt của then chốt””. Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức lý luận về xây dựng Đảng cầm quyền trong điều kiện mới.

Dấu ấn lý luận của Nguyễn Phú Trọng trong xây dựng Đảng được thể hiện rõ trong các văn kiện Đại hội Đảng, đặc biệt là Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011. Đánh giá về những đóng góp này, tác giả Nguyễn Viết Thông nhận định: “Có thể khẳng định rằng, Tổng Bí thư sinh ra để làm lý luận và lý luận tập trung vào xây dựng Đảng”; “Cương lĩnh 1991 mới phác họa ra 6 đặc trưng và 7 phương hướng đi lên CNXH ở nước ta, nhưng đến Cương lĩnh 2011 mà Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm Tổ trưởng Tổ biên tập, đã phát triển thành 8 đặc trưng. Có thể nói đây cũng chính là mô hình Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.” Đồng thời: “Cả 3 số 8 này đều có dấu ấn rất lớn của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, với tư cách là Tổ trưởng Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội XI.”

Bên cạnh đó, Nguyễn Phú Trọng luôn nhấn mạnh vai trò của đoàn kết, thống nhất trong Đảng và đồng thuận xã hội như một nguồn lực chính trị đặc

biệt quan trọng cho phát triển đất nước. Đồng chí nhiều lần nhắc nhở: “Tiền hô hậu ủng, nhất hô bá ứng, trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt”, nghĩa là chỉ khi toàn Đảng thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động, đồng thời phát huy được sự đồng thuận của toàn xã hội, đất nước mới có thể huy động được sức mạnh tổng hợp để vượt qua khó khăn, thách thức và thực hiện thành công các mục tiêu phát triển chiến lược. Đất nước muốn phát triển nhanh, bền vững và vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó mật thiết với nhân dân, không ngừng tự đổi mới và tự chỉnh đốn. Điều này cho thấy tư duy xây dựng Đảng của Nguyễn Phú Trọng không mang tính cục bộ hay khép kín, mà luôn gắn chặt với mục tiêu phát triển đất nước nhanh, bền vững và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

3.4.2. Kết hợp giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng và đặc biệt qua những năm đổi mới, Nguyễn Phú Trọng nhận thấy nguy cơ suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên ngày càng trở thành thách thức nghiêm trọng đối với sự tồn vong của Đảng và chế độ. Trong cuốn sách *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, ông từng chỉ rõ: “Những năm gần đây, những hiện tượng cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất, thoái hóa, hư hỏng có chiều hướng tăng lên và ngày càng nghiêm trọng. Một số người chẳng những không gương mẫu trước quần chúng, mà còn nêu gương xấu trước quần chúng. Một số người vô tổ chức, vô kỷ luật, kéo bè kéo cánh, nịnh bợ cấp trên, chèn ép quần chúng và cấp dưới, cơ hội chủ nghĩa, thực dụng chủ nghĩa, gây mất đoàn kết nội bộ. Nhiều người có quan hệ trực tiếp với vật tư, hàng, tiền, đã lợi dụng chức quyền và điều kiện công tác để tham ô, buôn lậu, ăn cắp của công, ăn hối lộ, thông đồng với bọn gian thương, tư sản để làm giàu. Điều nghiêm trọng là có không ít cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ cao cấp, đảng viên lâu năm bị những ham muốn vật chất cám dỗ, cũng chạy theo tiền tài, địa vị, sống ích kỷ, buông thả, tự do chủ nghĩa...” [131, 232]

Những nhận định trên không chỉ phản ánh thực trạng đáng lo ngại của công tác xây dựng Đảng mà còn cho thấy nhận thức sâu sắc của Nguyễn Phú Trọng về nguồn gốc của tham nhũng, tiêu cực: Tham nhũng không đơn thuần là hiện tượng kinh tế hay hành vi vi phạm pháp luật, mà trước hết là biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và sự tha hóa quyền lực. Vì vậy, muốn chống tham nhũng hiệu quả phải bắt đầu từ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đồng thời, muốn xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh phải kiên quyết loại bỏ tham nhũng, tiêu cực ra khỏi bộ máy.

Trên cơ sở đó, ông xác định phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là điều kiện quan trọng để phát triển đất nước, giữ vững ổn định chính trị và củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ: “Nhân tố quyết định việc thực hiện thành công mục tiêu đó là sự lãnh đạo trực tiếp, chặt chẽ, toàn diện, thường xuyên của Đảng” [131, 24]. Chống tham nhũng, tiêu cực không phải là nhiệm vụ riêng của cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra hay tư pháp, mà là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng nên cần phải được tiến hành một cách đồng bộ.

Một đóng góp quan trọng của Nguyễn Phú Trọng là đã làm rõ bản chất và mục tiêu của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam. Đồng chí nhiều lần nhấn mạnh đây là cuộc đấu tranh chống “giặc nội xâm”, nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và bảo vệ lợi ích của nhân dân; tuyệt đối không phải là cuộc đấu tranh phe phái hay thanh trừng nội bộ như một số luận điệu xuyên tạc: “Mục đích của việc xử lý tham nhũng, tiêu cực là để “trị bệnh cứu người”, kỷ luật một vài người để cứu muôn người, truy tố một vụ để cảnh tỉnh cả một vùng, một lĩnh vực; từ đó đề cảnh báo, răn đe, giáo dục, phòng ngừa là chính, nên cần phát hiện từ sớm, xử lý từ đầu, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn; phải tăng cường giáo dục kỷ luật, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, dùng kỷ luật nghiêm minh và giám sát nghiêm khắc để cán bộ, đảng viên biết giữ gìn, nhớ điều cấm, giữ giới hạn” [131, 24]. Nhận thức này thể hiện tư duy nhân văn, khoa học và biện chứng trong lãnh đạo của Nguyễn Phú Trọng. Mục tiêu cuối cùng của cuộc đấu tranh không chỉ là xử lý sai phạm mà

còn là phòng ngừa, giáo dục, cảnh tỉnh để đội ngũ cán bộ, đảng viên tự giác rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng.

Trong thực tiễn lãnh đạo công cuộc phòng, chống tham nhũng, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã để lại nhiều dấu ấn sâu sắc thông qua những phát biểu mang tính biểu tượng. Tại Phiên họp thứ 12 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng ngày 31/7/2017, đồng chí khẳng định: “Cái lò đã nóng lên rồi thì củi tươi vào đây cũng phải cháy. Củi khô, củi vừa vừa cháy trước, rồi cả lò nóng lên, tất cả các cơ quan vào cuộc, có ai đứng ngoài đâu. Và không thể đứng ngoài được. Cá nhân nào muốn không làm cũng không thể được, thế mới là thành công.”

Tinh thần đó tiếp tục được khẳng định tại buổi họp báo sau Đại hội XIII của Đảng ngày 01/02/2021, khi ông nhấn mạnh: “Tôi nói là không dừng, không nghỉ, không kể đó là ai, không có vùng cấm.” Đây là một trong những tuyên bố thể hiện rõ nhất nguyên tắc thượng tôn kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước trong tư tưởng Nguyễn Phú Trọng.

Tổng kết thực tiễn hơn một thập niên đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (2012-2022), ông đánh giá: “Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng ngày càng đi vào chiều sâu, có bước tiến mạnh, đạt nhiều kết quả cụ thể, rất quan trọng, toàn diện, để lại dấu ấn tốt và thực sự đã trở thành phong trào, xu thế không thể đảo ngược.” Nhận định này cho thấy phòng, chống tham nhũng không còn là nhiệm vụ mang tính chiến dịch hay xử lý tình huống, mà đã trở thành một bộ phận thường xuyên trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và quản trị quốc gia.

Tư tưởng của Nguyễn Phú Trọng về kiểm soát quyền lực cũng thể hiện rõ cách tiếp cận toàn diện. Ông không xem kiểm soát quyền lực chỉ là nhiệm vụ của một cơ quan hay một thiết chế cụ thể mà là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, được thực hiện thông qua nhiều cơ chế khác nhau: “Nhốt quyền lực vào trong lồng cơ chế, thể chế”. Đồng thời: “Công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình là điều kiện đầu tiên để kiểm soát quyền lực” [Xem 131]. Có

thể thấy ông đã tiếp cận vấn đề kiểm soát quyền lực trên nhiều phương diện: hoàn thiện thể chế pháp luật, tăng cường kiểm tra, giám sát của Đảng, phát huy vai trò của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, báo chí và nhân dân, đồng thời nâng cao ý thức tự giác, trách nhiệm của người cán bộ. Chỉ khi các cơ chế này vận hành đồng bộ thì quyền lực mới thực sự được kiểm soát hiệu quả, hạn chế nguy cơ tha hóa và lạm quyền.

Đặc biệt, trong quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, Nguyễn Phú Trọng luôn đề cao giá trị của danh dự và lòng tự trọng. Tại Hội nghị toàn quốc các cơ quan nội chính triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng ngày 15/9/2021, đồng chí nhấn mạnh: “Đời người chỉ sống có một lần, phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những việc làm ti tiện, đốn hèn, vô liêm sỉ; tiền bạc lắm làm gì, chết có mang theo được đâu. Danh dự mới là điều thiêng liêng, cao quý nhất.” Đây không chỉ là một lời căn dặn về đạo đức công vụ mà còn là một triết lý nhân sinh sâu sắc.

Có thể khẳng định rằng, tư tưởng Nguyễn Phú Trọng về kết hợp giữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là sự vận dụng sáng tạo quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn Việt Nam. Ông nhìn nhận tham nhũng trong tổng thể các mối quan hệ chính trị, kinh tế, đạo đức, tổ chức, cán bộ và thể chế; đồng thời triển khai đồng bộ nhiều giải pháp từ giáo dục, phòng ngừa, kiểm tra, giám sát đến xử lý nghiêm minh vi phạm. Chính cách tiếp cận toàn diện đó đã góp phần tạo nên những chuyển biến sâu sắc trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, đồng thời tạo môi trường chính trị - xã hội ổn định, lành mạnh để đất nước phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3.4.3. Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nếu Đảng là chủ thể lãnh đạo, hoạch định đường lối, chiến lược phát triển đất nước thì Nhà nước là chủ thể trực tiếp tổ chức thực hiện, cụ thể hóa và hiện thực hóa các mục tiêu đó trong đời sống xã hội. Nguyễn Phú Trọng khẳng

định: “Nhà nước (bao gồm Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp) quản lý có nghĩa là Nhà nước tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, biến nó thành hiện thực” [126, 84-85]. Quan niệm này cho thấy Nhà nước không phải là một thiết chế tồn tại độc lập với Đảng và xã hội, mà là bộ phận cấu thành của toàn bộ hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, giữ vai trò trung tâm trong việc chuyển hóa ý chí chính trị thành các chính sách công, thành luật pháp, thành các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thành những giá trị hiện thực trong đời sống nhân dân.

Dưới góc độ phương pháp luận, tư tưởng của Nguyễn Phú Trọng thể hiện sự vận dụng sâu sắc quan điểm toàn diện khi xem Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không chỉ là vấn đề pháp lý hay tổ chức bộ máy, mà là tổng hòa của nhiều mối quan hệ: giữa Đảng lãnh đạo với Nhà nước quản lý; giữa dân chủ và pháp luật; giữa quyền lực và kiểm soát quyền lực; giữa phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội; giữa hiệu lực quản lý và quyền làm chủ của nhân dân. Vì vậy, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền phải được triển khai đồng bộ trên tất cả các phương diện chính trị, pháp lý, tổ chức, đạo đức công vụ và quản trị quốc gia.

Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng lãnh đạo, là yêu cầu tất yếu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta” [126, 80]. Đây là một luận điểm có ý nghĩa lý luận sâu sắc, bởi nó khẳng định rằng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam không phải là sự sao chép mô hình nhà nước pháp quyền tư sản, mà là một mô hình đặc thù mang bản chất xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và phục vụ lợi ích của nhân dân lao động. Nhà nước đó vừa phải bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật, vừa phải bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, Nguyễn Phú Trọng luôn nhìn nhận Nhà nước pháp quyền trong mối quan hệ biện chứng giữa pháp luật và dân chủ. Theo ông, dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, còn pháp luật là công cụ để bảo đảm dân

chủ được thực hiện trên thực tế. Nếu dân chủ không được thể chế hóa bằng pháp luật thì dễ dẫn đến tùy tiện; ngược lại, nếu pháp luật tách rời dân chủ thì có thể trở thành công cụ hành chính đơn thuần, xa rời lợi ích của nhân dân. Vì vậy, cần: “Củng cố, hoàn thiện thể chế, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hành dân chủ rộng rãi nhưng phải trong khuôn khổ của pháp luật” [126, 86].

Một nội dung đặc biệt quan trọng trong tư tưởng của Nguyễn Phú Trọng về Nhà nước pháp quyền là vấn đề kiểm soát quyền lực. Đây cũng là biểu hiện rõ nét của việc vận dụng quan điểm toàn diện trong nhận thức về quyền lực nhà nước. Đồng chí cho rằng quyền lực nếu không được kiểm soát sẽ dẫn đến tha hóa, lạm quyền, tham nhũng và làm suy giảm lòng tin của nhân dân. Vì vậy, việc hoàn thiện Nhà nước pháp quyền phải đồng thời gắn với việc hoàn thiện các cơ chế kiểm soát quyền lực, tăng cường trách nhiệm giải trình và công khai, minh bạch trong hoạt động công quyền.

Dấu ấn lý luận quan trọng của Nguyễn Phú Trọng đã được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 2013 khi khẳng định: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.” Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thể hiện tư duy đổi mới nhưng vẫn bảo đảm nguyên tắc thống nhất quyền lực nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Quan điểm toàn diện của Nguyễn Phú Trọng còn thể hiện ở chỗ đồng chí không tách rời việc xây dựng Nhà nước pháp quyền với nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị. Theo ông, muốn nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước thì phải đồng thời đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và hoàn thiện cơ chế vận hành của cả hệ thống chính trị. “Phải tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trọng tâm là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa liên chính, hành động, phục vụ nhân dân” [106, 291]. Điều này cho thấy xây dựng Nhà nước pháp quyền không chỉ là đổi mới các cơ quan nhà nước mà còn là

đổi mới toàn bộ cơ chế vận hành của hệ thống chính trị nhằm phục vụ nhân dân tốt hơn.

Gắn xây dựng Nhà nước pháp quyền với yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới, ông nhấn mạnh: “Chúng ta xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - một nhà nước thực sự kiến tạo khuôn khổ thể chế, pháp luật cho sự phát triển của đất nước, của dân tộc... Nhưng phải luôn nhớ là Nhà nước pháp quyền mà chúng ta đang xây dựng là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hệ thống pháp luật phải bảo đảm cho Nhà nước vận hành trôi chảy, vừa tiếp nhận, phát triển những giá trị đã được khẳng định của văn minh nhân loại, vừa phải phù hợp với những giá trị tốt đẹp của truyền thống Việt Nam, phù hợp với yêu cầu của chế độ ta, đất nước ta trong giai đoạn phát triển mới. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, rất hệ trọng”[106, 435-436]. Đoạn trích này thể hiện tư duy toàn diện và biện chứng của Nguyễn Phú Trọng khi xử lý mối quan hệ giữa tính phổ quát và tính đặc thù; giữa tiếp thu tinh hoa nhân loại và giữ gìn bản sắc dân tộc; giữa đổi mới và kiên định định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam vì vậy vừa mang những giá trị chung của văn minh chính trị hiện đại, vừa phản ánh những điều kiện lịch sử, văn hóa và chính trị đặc thù của dân tộc Việt Nam.

Từ nhận thức đó, việc hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải được triển khai đồng bộ trên nhiều phương diện: hoàn thiện hệ thống pháp luật; xây dựng nền hành chính hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị quốc gia; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiểm soát quyền lực; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Đây là những yếu tố có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại lẫn nhau và cùng hướng tới mục tiêu xây dựng một Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân.

Tiểu kết Chương 3

Qua nghiên cứu một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Phú Trọng, có thể khẳng định rằng quan điểm toàn diện là một phương diện nổi bật trong tư duy lý luận của ông về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Không dừng lại ở việc xem xét từng lĩnh vực riêng biệt, Nguyễn Phú Trọng luôn đặt các vấn đề trong chính thể các mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; giữa lý luận và thực tiễn; giữa mục tiêu, con đường, chủ thể, động lực và những điều kiện bảo đảm cho sự phát triển. Chính cách tiếp cận đó góp phần làm cho nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng cụ thể, hệ thống và gắn chặt hơn với thực tiễn đất nước.

Sự vận dụng quan điểm toàn diện còn được thể hiện ở cách Nguyễn Phú Trọng nhận thức và xử lý các mối quan hệ lớn trong quá trình đổi mới. Bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội được đặt trong mối quan hệ thống nhất với con đường, phương thức và những điều kiện hiện thực để từng bước hiện thực hóa mục tiêu; phát triển kinh tế được gắn với tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển con người; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được xem là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với việc định hướng và tổ chức quá trình phát triển. Qua đó, quan điểm toàn diện không chỉ trở thành phương thức nhận thức hiện thực mà còn được chuyển hóa thành phương pháp luận trong hoạch định đường lối và giải quyết những vấn đề thực tiễn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tuy nhiên, giá trị của một phương pháp tư duy không chỉ được thể hiện ở khả năng lý giải những vấn đề đã đặt ra, mà còn ở sức mở đường cho việc nhận diện và giải quyết những vấn đề mới của thực tiễn. Những thành tựu và luận điểm được hình thành trong quá trình đổi mới đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục kiểm nghiệm, bổ sung và phát triển trước những biến đổi nhanh chóng, phức tạp của đất nước và thế giới. Bởi vậy, từ việc nhận diện cách thức Nguyễn Phú Trọng vận dụng quan điểm toàn diện, cần tiếp tục đi sâu đánh giá những giá trị

phương pháp luận được kết tinh trong đó, cũng như những yêu cầu đặt ra để phát huy giá trị ấy trong điều kiện mới.

Nếu Chương 3 tập trung làm rõ quan điểm toàn diện đã được vận dụng như thế nào trong tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng, thì Chương 4 sẽ tiếp tục trả lời câu hỏi sự vận dụng đó có giá trị gì và cần được tiếp tục phát huy như thế nào trong quá trình phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đây cũng là bước chuyển từ nhận diện và phân tích nội dung sang đánh giá giá trị phương pháp luận và xác định những định hướng tiếp tục vận dụng quan điểm toàn diện trong bối cảnh mới.

CHƯƠNG 4

GIÁ TRỊ PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ NHỮNG YÊU CẦU TIẾP TỤC VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN TRONG PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Giá trị phương pháp luận của sự vận dụng quan điểm toàn diện của Nguyễn Phú Trọng trong xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

4.1.1. *Góp phần khắc phục tư duy phiến diện, giản đơn về chủ nghĩa xã hội*

Trên cơ sở tiếp cận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam một cách toàn diện, trong mối liên hệ giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, con người, dân tộc và thời đại, những quan điểm của Nguyễn Phú Trọng đã góp phần khắc phục các nhận thức phiến diện, giáo điều về chủ nghĩa xã hội:

Thứ nhất, khắc phục khuynh hướng đồng nhất chủ nghĩa xã hội với mô hình Xô viết cũ. Một số quan điểm đồng nhất chủ nghĩa xã hội với mô hình Liên Xô và Đông Âu, từ đó coi sự tan rã của Liên Xô năm 1991 là sự thất bại của chủ nghĩa xã hội. Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh cần phân biệt bản chất, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội với những mô hình hiện thực cụ thể. Sự thất bại của một mô hình trong những điều kiện lịch sử nhất định không đồng nghĩa với việc phủ nhận toàn bộ giá trị và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, khắc phục khuynh hướng tuyệt đối hóa kinh tế thị trường. Quan điểm cho rằng kinh tế thị trường tất yếu gắn với chủ nghĩa tư bản là cách nhìn phiến diện. Nguyễn Phú Trọng khẳng định kinh tế thị trường là thành tựu chung của nhân loại; vấn đề cốt lõi là mục tiêu, phương thức vận hành và cơ chế định hướng, điều tiết nền kinh tế. Vì vậy, phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam có thể gắn với định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, khắc phục khuynh hướng đồng nhất chủ nghĩa xã hội với công hữu tuyệt đối. Quan niệm cho rằng chủ nghĩa xã hội chỉ tồn tại khi mọi tư liệu sản xuất thuộc sở hữu công cộng đã dẫn đến những cách làm nóng vội, hạn chế động lực phát triển. Nguyễn Phú Trọng tiếp cận thời kỳ quá độ như một quá trình tồn tại đan xen nhiều hình thức sở hữu và thành phần kinh tế, qua đó vận dụng phù hợp lý luận về thời kỳ quá độ vào điều kiện Việt Nam.

Thứ tư, khắc phục khuynh hướng đồng nhất công bằng xã hội với bình quân chủ nghĩa. Công bằng xã hội không đồng nghĩa với chia đều kết quả lao động hay triệt tiêu động lực làm giàu chính đáng. Theo quan điểm được Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh, phát triển kinh tế phải gắn với tạo cơ hội, bảo đảm an sinh và phân phối hợp lý thành quả tăng trưởng, hướng tới sự phát triển hài hòa giữa các nhóm xã hội.

Thứ năm, khắc phục khuynh hướng đối lập chủ nghĩa xã hội với dân chủ, pháp quyền và quyền con người. Trước những quan điểm cho rằng dân chủ, pháp quyền và quyền con người chỉ phù hợp với xã hội tư bản, Nguyễn Phú Trọng khẳng định dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là phương thức tổ chức quyền lực nhà nước; quyền con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển. Qua đó, nhận thức về chủ nghĩa xã hội được mở rộng trên các phương diện chính trị, pháp luật và xã hội.

Thứ sáu, khắc phục khuynh hướng phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Một số quan điểm cho rằng phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế phải đi cùng việc từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng hoặc chuyển sang mô hình đa đảng. Nguyễn Phú Trọng nhìn nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong mối quan hệ với lịch sử cách mạng và yêu cầu giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đây là nhân tố quan trọng bảo đảm định hướng phát triển của đất nước.

Thứ bảy, khắc phục khuynh hướng phủ nhận giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước quan điểm cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin đã lỗi thời, Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh giá trị của hệ thống phương

pháp luận khoa học và tư duy biện chứng trong việc nhận thức các quy luật vận động của tự nhiên, xã hội và tư duy. Trên nền tảng đó, lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cần tiếp tục được bổ sung, phát triển phù hợp với thực tiễn và những biến đổi của thời đại.

4.1.2. Góp phần phát triển nhận thức biện chứng về các mối quan hệ lớn trong thời kỳ quá độ

Nếu như trong những giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới, nhiều vấn đề phát triển thường được xem xét theo từng lĩnh vực riêng lẻ, thiếu sự liên kết trong một chỉnh thể thống nhất, thì dưới sự chỉ đạo tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận của Nguyễn Phú Trọng, nhận thức của Đảng đã từng bước chuyển từ tư duy đơn tuyến sang tư duy hệ thống, từ cách tiếp cận bộ phận sang cách tiếp cận toàn diện, biện chứng và phát triển. Đây không chỉ là sự bổ sung về mặt nội dung lý luận, mà còn là sự phát triển về phương pháp nhận thức chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thứ nhất, nhận thức các mối quan hệ lớn như một chỉnh thể của mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Nguyễn Phú Trọng không xem các mối quan hệ lớn là những vấn đề riêng lẻ mà đặt chúng trong mối liên hệ với mục tiêu, đặc trưng và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu mục tiêu, đặc trưng và phương hướng trả lời câu hỏi xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào, thì các mối quan hệ lớn giúp làm rõ cách thức hiện thực hóa mục tiêu đó trong điều kiện Việt Nam. Cách tiếp cận này góp phần khắc phục tư duy giản đơn, khép kín và thúc đẩy nhận thức chủ nghĩa xã hội như một quá trình phát triển động.

Thứ hai, góp phần làm rõ các quy luật vận động của thời kỳ quá độ. Các mối quan hệ như đổi mới - ổn định - phát triển; đổi mới kinh tế - đổi mới chính trị; kinh tế thị trường - định hướng xã hội chủ nghĩa; lực lượng sản xuất - quan hệ sản xuất; tăng trưởng kinh tế - tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; độc lập, tự chủ - hội nhập quốc tế; xây dựng - bảo vệ Tổ quốc; Đảng lãnh đạo - Nhà nước quản lý - Nhân dân làm chủ phản ánh những yêu cầu và quy luật vận động chủ yếu của quá trình phát triển đất nước. Việc hệ thống hóa các mối quan

hệ này giúp chuyển từ cách giải quyết từng vấn đề riêng lẻ sang nhận thức chúng trong tổng thể và trong sự tác động qua lại lẫn nhau.

Thứ ba, hình thành các nguyên tắc phương pháp luận trong giải quyết các mối quan hệ lớn: (1) Nguyên tắc hài hòa hóa các mặt đối lập: Giải quyết các mối quan hệ lớn không phải là lựa chọn một mặt và phủ định mặt còn lại, mà là tìm kiếm sự cân bằng động giữa các yếu tố cấu thành. Đây là sự vận dụng trực tiếp quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập vào hoạt động lãnh đạo và quản lý xã hội, giúp khắc phục các khuynh hướng cực đoan từng xuất hiện trong thực tiễn; (2) Nguyên tắc tôn trọng tính khách quan của các quy luật phát triển: Nhiệm vụ của Đảng không phải là áp đặt ý chí lên hiện thực, mà là nhận thức ngày càng đúng đắn hơn các quy luật khách quan để hoạch định đường lối phù hợp. Quan điểm này góp phần khắc phục căn bệnh chủ quan, duy ý chí từng gây ra những hạn chế trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây; (3) Nguyên tắc nhận thức toàn diện, hệ thống và liên thông: Mỗi mối quan hệ lớn phải được xem xét trong sự tác động qua lại với các mối quan hệ khác và trong tổng thể mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Không thể giải quyết một vấn đề kinh tế mà tách rời các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa hay môi trường; cũng không thể xử lý các vấn đề đối ngoại mà tách rời yêu cầu phát triển nội lực quốc gia; (4) Các mối quan hệ lớn phải được nhận thức trên quan điểm phát triển, tức là trong trạng thái vận động và biến đổi không ngừng. Đây là cơ sở để bác bỏ quan niệm coi chủ nghĩa xã hội là một mô hình bất biến, đồng thời khẳng định yêu cầu thường xuyên bổ sung, phát triển nhận thức lý luận phù hợp với sự vận động của thực tiễn; (5) Việc nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn phải gắn với điều kiện lịch sử cụ thể, vừa xem xét quá trình phát triển xuyên suốt, vừa đặt trong những bối cảnh, không gian và thời gian cụ thể.

Thứ tư, góp phần phát triển lý luận đổi mới và hoạch định đường lối của Đảng. Giá trị lớn nhất của sự vận dụng quan điểm toàn diện của Nguyễn Phú Trọng là đã góp phần đưa lý luận đổi mới của Đảng phát triển từ trình độ tổng kết kinh nghiệm lên trình độ nhận thức quy luật. Nếu trong những năm đầu đổi

mới, nhiều chủ trương chủ yếu được hình thành từ yêu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn cấp bách, thì thông qua hệ thống các mối quan hệ lớn, quá trình đổi mới đã được nhận thức như một chỉnh thể thống nhất, có những quy luật vận động đặc thù cần được phát hiện và vận dụng. Điều đó phản ánh bước trưởng thành quan trọng trong năng lực tư duy lý luận và năng lực cảm quyền của Đảng.

Là người trực tiếp tham gia lãnh đạo công tác lý luận, chỉ đạo tổng kết thực tiễn và xây dựng các văn kiện quan trọng từ Đại hội XI, XII, XIII đến quá trình chuẩn bị Đại hội XIV, Nguyễn Phú Trọng đã để lại dấu ấn sâu sắc trong tư duy phát triển của Đảng. Những quan điểm về các mối quan hệ lớn tiếp tục được kế thừa, bổ sung và phát triển trong Văn kiện Đại hội XIV: (1) Đại hội XIV tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển, coi đây là điều kiện nền tảng để đất nước phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động phức tạp; (2) Nhận thức về mối quan hệ giữa thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa được phát triển lên một trình độ mới thông qua việc nhấn mạnh hơn vai trò phối hợp hài hòa giữa Nhà nước - thị trường - xã hội. Đây là sự mở rộng quan trọng của tư duy toàn diện, phản ánh yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng; (3) Đại hội XIV làm sâu sắc hơn nhận thức về mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, gắn với yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Điều này cho thấy sự phát triển mới của tư duy kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại; (4) Dưới tác động của các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh và cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đại hội XIV tiếp tục mở rộng nội hàm của mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, đưa phát triển bền vững trở thành yêu cầu xuyên suốt trong chiến lược phát triển đất nước.

Những nội dung đó cho thấy hệ thống các mối quan hệ lớn do Nguyễn Phú Trọng góp phần hình thành không phải là một cấu trúc lý luận khép kín, mà là một hệ thống mở, luôn được bổ sung và phát triển cùng với thực tiễn.

Đồng thời, điều đó cũng khẳng định giá trị bền vững của quan điểm toàn diện như một phương pháp tư duy khoa học trong nhận thức và giải quyết những vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam.

4.1.3. Góp phần củng cố quan điểm lịch sử - cụ thể trong nhận thức chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Nếu quan điểm toàn diện giúp nhận thức sự vật trong tính chỉnh thể, trong mạng lưới các mối liên hệ đa chiều, thì quan điểm lịch sử - cụ thể đòi hỏi phải xem xét sự vật trong những điều kiện lịch sử xác định, trong không gian, thời gian và hoàn cảnh cụ thể của nó. Về phương diện này, sự vận dụng phương pháp luận toàn diện của Nguyễn Phú Trọng có những ý nghĩa sau:

Thứ nhất, góp phần khẳng định tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội nhưng đồng thời bác bỏ quan niệm về một mô hình chủ nghĩa xã hội duy nhất, bất biến

Một biểu hiện quan trọng của tư duy giáo điều trong lịch sử phong trào cộng sản quốc tế là đồng nhất tính phổ biến của chủ nghĩa xã hội với tính đồng nhất về mô hình, cho rằng mọi quốc gia đều phải đi theo một khuôn mẫu phát triển giống nhau. Hệ quả là chủ nghĩa xã hội bị nhận thức như một mô hình có sẵn, có thể sao chép và áp dụng nguyên trạng từ nước này sang nước khác.

Nguyễn Phú Trọng đã góp phần khắc phục cách tiếp cận này bằng việc đặt vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ biện chứng giữa tính phổ biến và tính đặc thù. Theo đó, chủ nghĩa xã hội với tư cách là một xu hướng phát triển khách quan của lịch sử nhân loại vẫn mang tính phổ quát; tuy nhiên, con đường hiện thực hóa mục tiêu đó lại phụ thuộc vào điều kiện lịch sử, trình độ phát triển, truyền thống văn hóa, đặc điểm dân tộc và tương quan lực lượng của từng quốc gia.

Chính trên cơ sở đó, nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từng bước được phát triển từ tư duy mô hình sang tư duy con đường; từ việc tìm kiếm một khuôn mẫu có sẵn sang xác lập mô hình chủ nghĩa xã hội mang bản sắc Việt Nam. Điều này được thể hiện rõ trong quá trình bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 2011 và được tiếp tục khẳng định trong các Văn kiện Đại hội XIII, XIV của Đảng.

Thứ hai, góp phần đổi mới nhận thức về chủ nghĩa tư bản và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên lập trường biện chứng, lịch sử - cụ thể

Trong một thời gian dài, do ảnh hưởng của tư duy giáo điều, chủ nghĩa tư bản thường bị nhìn nhận chủ yếu từ góc độ các mặt tiêu cực, bóc lột và khủng hoảng. Tuy nhiên, thực tiễn phát triển của thế giới cho thấy chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn có khả năng thích ứng, điều chỉnh và tạo ra những thành tựu to lớn về khoa học, công nghệ, quản trị và phát triển lực lượng sản xuất. Từ quan điểm toàn diện, Nguyễn Phú Trọng cho rằng không thể chỉ nhìn thấy mặt đối lập giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội mà phải thấy cả mối liên hệ, sự kế thừa và tác động qua lại giữa chúng trong thời đại toàn cầu hóa. Điều này hoàn toàn phù hợp với tư tưởng của C. Mác và V.I. Lênin khi xem chủ nghĩa xã hội là sản phẩm phát triển từ chính những tiền đề vật chất mà chủ nghĩa tư bản tạo ra.

Nhờ cách tiếp cận đó, nhận thức về thời kỳ quá độ ở Việt Nam ngày càng trở nên thực chất và biện chứng hơn. Thời kỳ quá độ không còn được hiểu như một giai đoạn thuần nhất chỉ bao gồm các yếu tố xã hội chủ nghĩa, mà là một thời kỳ lịch sử lâu dài, phức tạp, trong đó tồn tại đan xen nhiều yếu tố cũ và mới, nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều phương thức tổ chức xã hội khác nhau. Đây chính là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng từng bước hình thành và hoàn thiện quan niệm về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa- một sáng tạo lý luận lớn của công cuộc đổi mới. Nếu thiếu quan điểm lịch sử - cụ thể, rất khó lý giải việc một quốc gia xây dựng chủ nghĩa xã hội lại chấp nhận kinh tế nhiều thành phần, kinh tế tư nhân, đầu tư nước ngoài, cạnh tranh thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Thứ ba, góp phần hình thành tư duy chiến lược về phát triển đất nước trong bối cảnh thế giới biến đổi sâu sắc

Vận dụng quan điểm toàn diện gắn với quan điểm lịch sử - cụ thể, Nguyễn Phú Trọng không xem sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như một quá trình biệt lập mà luôn đặt nó trong tổng thể vận động của thời đại. Theo đó, việc nhận thức chủ nghĩa xã hội phải được đặt trong bối cảnh những biến đổi lớn của thế giới như: toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế tri thức, chuyển

đổi số, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các vấn đề an ninh phi truyền thống và yêu cầu phát triển bền vững. Từ góc độ này, chủ nghĩa xã hội không còn được hiểu đơn thuần là vấn đề sở hữu hay phân phối, mà ngày càng được nhận thức như một mô hình phát triển toàn diện vì con người, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống. Đây cũng là một trong những cơ sở lý luận quan trọng để Đại hội XIV tiếp tục bổ sung và phát triển tư duy chiến lược về phát triển đất nước trong giai đoạn mới, nhấn mạnh các yêu cầu về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh, phát triển bền vững, tự lực tự cường và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Thứ tư, góp phần khẳng định giá trị phương pháp luận của việc “kiên định trong nguyên tắc, sáng tạo trong vận dụng”

Giá trị sâu sắc nhất trong sự vận dụng quan điểm toàn diện của Nguyễn Phú Trọng đối với việc củng cố quan điểm lịch sử - cụ thể là làm rõ mối quan hệ giữa kiên định và đổi mới trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội. Nếu tuyệt đối hóa tính phổ biến sẽ dẫn tới giáo điều, máy móc. Ngược lại, nếu tuyệt đối hóa tính đặc thù sẽ dễ rơi vào cơ hội, xét lại hoặc xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, vấn đề cốt lõi là phải kiên định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển nhận thức trên cơ sở thực tiễn mới. Chính phương pháp luận đó đã giúp Đảng từng bước hoàn thiện nhận thức về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam; lý giải một cách khoa học những vấn đề mới nảy sinh trong công cuộc đổi mới; đồng thời tạo nền tảng lý luận cho việc hoạch định đường lối phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

4.1.4. Góp phần tăng cường sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, phát triển phương pháp tổng kết thực tiễn để bổ sung và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn không chỉ là một yêu cầu phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn là điều kiện quyết định

để bảo đảm tính khoa học, tính cách mạng và sức sống của lý luận xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh Việt Nam và thế giới không ngừng biến đổi.

Thứ nhất, khắc phục tình trạng tách rời giữa lý luận và thực tiễn trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội

Từ quan điểm toàn diện, Nguyễn Phú Trọng nhìn nhận lý luận và thực tiễn không phải là hai lĩnh vực tách biệt mà là hai mặt thống nhất trong một quá trình nhận thức và cải tạo xã hội. Lý luận không thể hình thành từ tư duy thuần túy mà phải được rút ra từ thực tiễn; đồng thời, thực tiễn muốn phát triển đúng hướng cũng cần có lý luận khoa học soi đường. Chính vì vậy, ông nhiều lần nhấn mạnh rằng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải là sản phẩm của sự suy luận giáo điều, mà là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Quan điểm này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc khắc phục những hạn chế từng tồn tại trước đây khi có lúc nhận thức về chủ nghĩa xã hội còn mang nặng tính mô hình, sao chép kinh nghiệm bên ngoài hoặc áp dụng cơ học các kết luận lý luận vào điều kiện Việt Nam. Thay vì tiếp cận chủ nghĩa xã hội như một khuôn mẫu có sẵn, Nguyễn Phú Trọng khẳng định phải nhận thức chủ nghĩa xã hội như một quá trình lịch sử hiện thực, luôn vận động, phát triển và được kiểm nghiệm bằng thực tiễn xây dựng đất nước.

Thứ hai, phát triển phương pháp tổng kết thực tiễn như một phương thức sáng tạo lý luận

Tổng kết thực tiễn không đơn thuần là ghi nhận các hiện tượng riêng lẻ hay những thành công trước mắt, mà phải xem xét toàn bộ quá trình vận động của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong mối liên hệ hữu cơ với nhau. Chỉ trên cơ sở nhận thức đầy đủ các mối liên hệ đó mới có thể phát hiện được bản chất, quy luật và xu hướng phát triển của thực tiễn. Đây chính là điểm khác biệt căn bản giữa tổng kết thực tiễn theo quan điểm toàn diện với cách tiếp cận kinh nghiệm chủ nghĩa. Kinh nghiệm chủ nghĩa thường chỉ chú ý đến những hiện tượng bề ngoài hoặc những thành công cục bộ, trong

khi quan điểm toàn diện đòi hỏi phải nhận diện được các nhân tố bản chất, các mâu thuẫn chủ yếu, các xu hướng vận động lâu dài và tác động qua lại giữa các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

Do vậy, Nguyễn Phú Trọng luôn nhấn mạnh yêu cầu tổng kết thực tiễn phải gắn với nghiên cứu lý luận; phải kết hợp giữa nghiên cứu trong nước với nghiên cứu quốc tế; giữa kinh nghiệm lịch sử với yêu cầu phát triển mới; giữa kế thừa và đổi mới sáng tạo. Chính cách tiếp cận này đã góp phần tạo nên bước phát triển quan trọng của lý luận đổi mới ở Việt Nam trong nhiều thập niên qua.

Thực tiễn bốn mươi năm đổi mới cho thấy nhiều nội dung lý luận quan trọng của Đảng không phải xuất hiện từ những suy luận trừu tượng mà được đúc kết từ quá trình thử nghiệm, khám phá và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Những nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về phát triển kinh tế tư nhân, về hội nhập quốc tế, về các mối quan hệ lớn trong thời kỳ quá độ hay về mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc đều được hình thành và hoàn thiện thông qua quá trình tổng kết thực tiễn lâu dài.

Thứ ba, tạo nền tảng phương pháp luận cho việc tiếp tục phát triển lý luận tại Đại hội XIV

Những nguyên tắc mà Nguyễn Phú Trọng xác lập về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn tiếp tục được kế thừa và phát triển trong quá trình chuẩn bị Văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Trong bối cảnh thế giới đang biến đổi sâu sắc bởi toàn cầu hóa, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, biến đổi khí hậu và các thách thức an ninh phi truyền thống, nhiều vấn đề lý luận mới đang đặt ra đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Điều đó đòi hỏi Đảng phải tiếp tục đổi mới tư duy lý luận trên cơ sở tổng kết sâu sắc thực tiễn phát triển đất nước và nghiên cứu những biến đổi mới của thời đại.

Tinh thần xuyên suốt trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIV chính là tiếp tục phát triển lý luận từ thực tiễn Việt Nam, không ngừng hoàn thiện nhận

thức về mô hình chủ nghĩa xã hội, về các động lực phát triển, về phát triển nhanh và bền vững, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và về các mối quan hệ lớn trong thời kỳ quá độ. Đây chính là sự tiếp nối trực tiếp phương pháp luận mà Nguyễn Phú Trọng đã kiên trì xây dựng trong nhiều nhiệm kỳ.

Quan điểm toàn diện vì vậy không chỉ giúp nhận thức đúng thực tiễn hiện tại mà còn tạo cơ sở khoa học cho việc dự báo xu hướng phát triển tương lai, nâng cao năng lực hoạch định chiến lược và hoàn thiện đường lối đổi mới của Đảng trong giai đoạn mới.

Thứ tư, khẳng định bản chất sáng tạo và phát triển của lý luận chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Sự vận dụng quan điểm toàn diện của Nguyễn Phú Trọng đã góp phần khẳng định rằng lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải là một hệ thống khép kín hay bất biến, mà là một hệ thống mở, luôn được bổ sung, phát triển thông qua thực tiễn. Đó là quá trình liên tục đi từ thực tiễn đến lý luận, từ lý luận trở lại chỉ đạo thực tiễn, rồi tiếp tục được thực tiễn kiểm nghiệm, điều chỉnh và phát triển ở trình độ cao hơn. Chính quá trình vận động biện chứng này tạo nên sức sống của lý luận đổi mới và giúp Đảng từng bước hoàn thiện nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Có thể khẳng định rằng, giá trị sâu sắc nhất của sự vận dụng quan điểm toàn diện của Nguyễn Phú Trọng trong lĩnh vực này là đã góp phần xây dựng một phương pháp phát triển lý luận mang bản sắc Việt Nam: lấy thực tiễn làm cơ sở, lấy tổng kết thực tiễn làm con đường, lấy lý luận làm công cụ định hướng và lấy hiệu quả phát triển đất nước, hạnh phúc của nhân dân làm thước đo chân lý. Đây chính là nền tảng quan trọng để tiếp tục hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

4.2. Những vấn đề mới đặt ra đối với sự phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

4.2.1. Những yêu cầu của toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Đối với nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trước hết, toàn cầu hóa làm thay đổi nhận thức về mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nếu trong thời kỳ của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, nhiệm vụ giải phóng giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức được đặt trong bối cảnh của từng quốc gia hoặc khu vực, thì ngày nay các vấn đề phát triển đã mang tính toàn cầu. Những thách thức như biến đổi khí hậu, an ninh phi truyền thống, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng hay bất bình đẳng xã hội không còn là vấn đề riêng của một quốc gia mà trở thành mối quan tâm chung của toàn nhân loại. Trong điều kiện đó, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chỉ nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển của quốc gia mà còn phải gắn với trách nhiệm đóng góp vào giải quyết các vấn đề toàn cầu. Điều này đòi hỏi nhận thức về chủ nghĩa xã hội phải được mở rộng từ phạm vi quốc gia sang phạm vi khu vực và quốc tế, bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại.

Thứ hai, toàn cầu hóa làm xuất hiện yêu cầu nhận thức lại mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, công nghệ và thị trường, không một quốc gia nào có thể phát triển bằng cách tự tách mình khỏi thế giới. Đối với Việt Nam, hội nhập quốc tế trở thành một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển đất nước. Điều đó đòi hỏi phải bổ sung nhận thức rằng xây dựng chủ nghĩa xã hội không đồng nghĩa với khép kín hay biệt lập, mà phải chủ động tham gia vào các thể chế kinh tế và chính trị quốc tế, tận dụng các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước. Đồng thời, trong quá trình hội nhập cần giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và

định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhận thức này phản ánh sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay.

Thứ ba, toàn cầu hóa đặt ra yêu cầu nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế.

Trong bối cảnh thế giới đương đại, các quốc gia vừa là đối tác hợp tác vừa là đối tượng cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Do đó, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể chỉ nhìn thế giới dưới góc độ đối kháng đơn thuần mà cần tiếp cận theo tinh thần biện chứng, vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh để bảo vệ lợi ích quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này góp phần làm phong phú hơn nhận thức lý luận về môi trường quốc tế của quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Bên cạnh tác động của toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tạo ra những thay đổi căn bản trong lực lượng sản xuất và phương thức phát triển của xã hội loài người. Với các công nghệ nền tảng như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), công nghệ sinh học, điện toán đám mây và blockchain, cuộc cách mạng này mở ra một thời đại kinh tế số, xã hội số và quản trị số. Sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất trong bối cảnh mới đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện nhận thức về cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện hiện nay, trình độ phát triển đó không còn được đo chủ yếu bằng quy mô công nghiệp truyền thống mà ngày càng được xác định bởi năng lực làm chủ công nghệ số, đổi mới sáng tạo và tri thức khoa học. Vì vậy, nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cần bổ sung những nội dung mới gắn với kinh tế số, xã hội số, chính phủ số và công dân số. Việc phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo không chỉ là động lực tăng trưởng kinh tế mà còn là điều kiện để xây dựng nền tảng vật chất cho chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đồng thời làm biến đổi sâu sắc cơ cấu xã hội và giai cấp. Sự phát triển của kinh tế tri thức và công nghệ số làm xuất hiện nhiều tầng lớp lao động mới như lao động tri thức, chuyên gia công nghệ, kỹ sư dữ

liệu, nhà nghiên cứu và đội ngũ sáng tạo. Điều này đặt ra yêu cầu phát triển nhận thức về giai cấp công nhân trong thời đại mới. Giai cấp công nhân không chỉ bao gồm những người lao động trực tiếp trong các nhà máy công nghiệp mà còn mở rộng tới những người lao động làm việc trong các lĩnh vực công nghệ cao, tự động hóa và kinh tế số. Việc xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, có trình độ tri thức và kỹ năng công nghệ cao trở thành một nội dung quan trọng của chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Một tác động quan trọng khác của cách mạng công nghiệp lần thứ tư là sự xuất hiện của các vấn đề mới liên quan đến công bằng xã hội. Mặc dù công nghệ số tạo ra nhiều cơ hội phát triển, nhưng đồng thời cũng làm gia tăng nguy cơ bất bình đẳng giữa các nhóm dân cư, các vùng miền và các quốc gia về khả năng tiếp cận công nghệ, tri thức và nguồn lực phát triển. Khoảng cách số (digital divide) có thể trở thành một dạng bất bình đẳng mới trong xã hội hiện đại. Điều đó đặt ra yêu cầu tiếp tục phát triển nhận thức về bản chất nhân văn và công bằng của chủ nghĩa xã hội, bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của tiến bộ khoa học - công nghệ, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

Ngoài ra, toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn làm xuất hiện nhiều vấn đề mới liên quan đến an ninh kinh tế, an ninh mạng, chủ quyền số và bảo vệ dữ liệu quốc gia. Đây là những nội dung chưa từng được đặt ra trong các giai đoạn phát triển trước đây của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, nhận thức về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới cần được mở rộng từ không gian lãnh thổ truyền thống sang không gian mạng và không gian số. Năng lực tự chủ công nghệ, bảo đảm an ninh dữ liệu và phát triển các nền tảng công nghệ quốc gia trở thành những yếu tố quan trọng của độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong thời đại số.

Như vậy, toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư không làm thay đổi bản chất của mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhưng

đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với nhận thức lý luận về con đường phát triển đất nước.

Đối với nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trước hết, toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư khẳng định tính tất yếu của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội thông qua quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng gắn với giữ vững độc lập, tự chủ. Nếu trước đây, con đường phát triển của mỗi quốc gia thường được nhìn nhận chủ yếu trong khuôn khổ quốc gia dân tộc, thì ngày nay mọi quốc gia đều là một bộ phận của hệ thống kinh tế và chính trị toàn cầu. Điều đó cho thấy con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể tách rời khỏi xu thế hội nhập quốc tế. Quá trình phát triển đất nước phải chủ động tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, mạng lưới sản xuất quốc tế và các cơ chế quản trị toàn cầu để tranh thủ nguồn lực, tri thức, công nghệ và thị trường phục vụ phát triển. Tuy nhiên, hội nhập không đồng nghĩa với hòa tan; việc giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục là nguyên tắc xuyên suốt trong nhận thức và thực tiễn phát triển đất nước.

Thứ hai, những biến đổi của lực lượng sản xuất dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm sâu sắc thêm nhận thức về vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nếu trong các giai đoạn trước, công nghiệp hóa chủ yếu được hiểu là phát triển công nghiệp chế tạo và cơ khí hóa nền sản xuất, thì hiện nay công nghiệp hóa phải gắn liền với chuyển đổi số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và kinh tế tri thức. Điều này cho thấy con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không chỉ là quá trình phát triển lực lượng sản xuất theo chiều rộng mà còn là quá trình nâng cao chất lượng tăng trưởng dựa trên tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Khoa học - công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, giữ vai trò quyết định đối với năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ ba, toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như một mô hình kinh tế phù hợp trong thời kỳ quá độ. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, việc phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, đầy đủ và hội nhập trở thành điều kiện quan trọng để huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực cho phát triển. Tuy nhiên, khác với mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải bảo đảm mục tiêu phát triển vì con người, kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát huy vai trò điều tiết của Nhà nước nhằm hạn chế các mặt trái của thị trường. Điều này cho thấy nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được hoàn thiện theo hướng vận dụng linh hoạt các quy luật của kinh tế thị trường để phục vụ mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, sự phát triển của kinh tế số và xã hội số đòi hỏi phải nhận thức đầy đủ hơn về vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao và con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện mới, nguồn lực quyết định sự phát triển không còn chủ yếu là tài nguyên thiên nhiên hay vốn vật chất mà là tri thức, kỹ năng và năng lực sáng tạo của con người. Vì vậy, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển; coi giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là những khâu đột phá chiến lược. Đây vừa là yêu cầu khách quan của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vừa phù hợp với bản chất nhân văn của chủ nghĩa xã hội.

Thứ năm, những thách thức mới của toàn cầu hóa làm nổi bật yêu cầu nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm công bằng xã hội và phát triển bền vững. Toàn cầu hóa và công nghệ số tạo ra nhiều cơ hội tăng trưởng nhưng cũng có thể làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển và nguy cơ tụt hậu của những nhóm yếu thế. Đồng thời, các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường và các cuộc khủng hoảng xuyên biên giới đang

đặt ra những thách thức ngày càng nghiêm trọng. Điều đó đòi hỏi con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải gắn chặt với mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường. Đây không chỉ là yêu cầu phát triển mà còn là tiêu chí quan trọng để khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới.

Thứ sáu, toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm xuất hiện những yêu cầu mới đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống quản trị quốc gia. Sự phát triển của xã hội số, chính phủ số và kinh tế số đòi hỏi đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, nâng cao năng lực điều hành và hoàn thiện thể chế phát triển. Vì vậy, nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội không chỉ giới hạn ở phát triển kinh tế mà còn bao gồm việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại, kiến tạo phát triển, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ nhân dân. Đồng thời, cần phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự tham gia của người dân vào quá trình quản lý và giám sát xã hội, phù hợp với yêu cầu của thời đại số.

Cuối cùng, thực tiễn đó đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới tư duy về bước đi, hình thức và phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mỗi quốc gia phải lựa chọn con đường phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa, trình độ phát triển và bối cảnh quốc tế của mình. Đối với Việt Nam, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lâu dài, phức tạp và sáng tạo, đòi hỏi phải thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận và chủ động thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của thời đại. Đây chính là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện nhận thức về mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa đặc sắc Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4.2.2. Những yêu cầu của phát triển bền vững đối với nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Ở Việt Nam, quan điểm phát triển bền vững đã được Đảng từng bước bổ sung và hoàn thiện qua nhiều kỳ Đại hội, đặc biệt được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIV, các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các nghị quyết về tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, bảo vệ môi trường, phát

triển kinh tế tư nhân và hội nhập quốc tế. Từ đó cho thấy, phát triển bền vững không chỉ là yêu cầu của thực tiễn phát triển đất nước mà còn đang trở thành một trong những cơ sở quan trọng thúc đẩy sự phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

Thứ nhất, phát triển bền vững đòi hỏi nhận thức toàn diện hơn về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội

Trong quá trình đổi mới, nhận thức về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng được mở rộng từ việc nhấn mạnh phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao đời sống vật chất sang phát triển con người toàn diện, bảo đảm công bằng xã hội, dân chủ, văn minh và hài hòa với tự nhiên. Văn kiện Đại hội XIV xác định mục tiêu phát triển đất nước không chỉ là tăng trưởng kinh tế mà còn hướng tới “phát triển nhanh và bền vững”, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, xây dựng xã hội hạnh phúc, bảo đảm an sinh xã hội và gìn giữ môi trường sống cho các thế hệ tương lai.

Điều này cho thấy nội hàm của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày nay không thể được nhận thức chỉ từ góc độ kinh tế mà phải được xem xét trong tổng thể các giá trị kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và sinh thái. Một xã hội phát triển nhưng môi trường bị hủy hoại, bất bình đẳng gia tăng hoặc chất lượng cuộc sống suy giảm thì không thể được coi là sự phát triển phù hợp với mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, phát triển bền vững không chỉ là một yêu cầu đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội mà còn ngày càng trở thành một tiêu chí phản ánh bản chất và chất lượng của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thứ hai, phát triển bền vững đặt ra yêu cầu đổi mới nhận thức về con đường phát triển theo hướng lấy chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh làm trọng tâm

Một trong những điểm mới nổi bật trong tư duy phát triển của Đảng những năm gần đây là chuyển mạnh từ mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn, tài nguyên và lao động giá rẻ sang mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực chất

lượng cao. Đây chính là sự điều chỉnh quan trọng trong nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

Điều đó đòi hỏi việc đánh giá thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội không thể chỉ dựa trên tốc độ tăng trưởng GDP mà phải được xem xét thông qua các chỉ số phản ánh chất lượng phát triển như trình độ khoa học - công nghệ, năng suất lao động, chỉ số phát triển con người, mức độ bao trùm xã hội, chất lượng môi trường và khả năng chống chịu trước các cú sốc bên ngoài. Phát triển nhanh là yêu cầu để rút ngắn khoảng cách phát triển, nhưng phát triển nhanh chỉ thực sự có ý nghĩa khi tạo được nền tảng bền vững cho sự phát triển lâu dài của đất nước.

Thứ ba, phát triển bền vững đòi hỏi nhận thức sâu sắc hơn về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường

Thực tiễn thế giới cho thấy việc tuyệt đối hóa tăng trưởng kinh tế có thể dẫn đến nhiều hệ lụy như bất bình đẳng xã hội, suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên và suy giảm chất lượng cuộc sống. Vì vậy, nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng phải được đặt trên cơ sở giải quyết hài hòa các mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đây cũng chính là tinh thần xuyên suốt trong các văn kiện của Đảng từ Đại hội XI đến Đại hội XIV.

Trong điều kiện mới, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi năng lượng không còn là những nhiệm vụ mang tính hỗ trợ mà đã trở thành những nội dung cấu thành của chiến lược phát triển đất nước. Điều đó làm phong phú hơn nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thể hiện sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển kinh tế với trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai.

Thứ tư, phát triển bền vững đặt ra yêu cầu nâng cao nhận thức về tính mở, tính hội nhập và trách nhiệm toàn cầu của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sự phát triển của mỗi quốc gia ngày càng gắn bó chặt chẽ với các xu thế vận động của thế giới. Những vấn đề như biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng

hay dịch bệnh toàn cầu đều vượt ra ngoài phạm vi biên giới quốc gia và đòi hỏi sự hợp tác quốc tế rộng rãi. Do đó, nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cần được đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa lợi ích dân tộc và trách nhiệm quốc tế; giữa phát huy nội lực và tranh thủ ngoại lực. Các cam kết của Việt Nam về phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới, thúc đẩy tăng trưởng xanh và chuyển đổi năng lượng cho thấy sự phát triển của đất nước ngày càng gắn với những chuẩn mực và mục tiêu phát triển chung của cộng đồng quốc tế. Điều này góp phần bổ sung nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện toàn cầu hóa, khẳng định rằng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không phải là quá trình khép kín mà là quá trình phát triển trong sự tương tác, liên kết và hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới.

Thứ năm, phát triển bền vững đòi hỏi quán triệt sâu sắc tư duy hệ thống và quan điểm toàn diện trong nhận thức và hoạch định đường lối phát triển

Bản chất của phát triển bền vững là bảo đảm sự cân bằng động giữa các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong một chỉnh thể thống nhất. Điều đó đòi hỏi phải vượt qua cách tiếp cận cục bộ, ngành hóa hoặc đơn mục tiêu để chuyển sang tư duy phát triển tổng thể, liên ngành và dài hạn.

Những quan điểm mới của Đảng về phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam đều phản ánh yêu cầu ngày càng cao của tư duy hệ thống trong lãnh đạo và quản lý phát triển. Mọi chính sách phát triển cần được xem xét trong sự tác động qua lại giữa các lĩnh vực, giữa lợi ích trước mắt và lâu dài, giữa yêu cầu tăng trưởng với ổn định xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc gia.

Từ góc độ đó, phát triển bền vững không chỉ là một mục tiêu phát triển mà còn là một phương pháp nhận thức và tổ chức thực tiễn. Nó đòi hỏi phải nhìn nhận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội như một chỉnh thể vận

động, trong đó các mục tiêu kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và con người có mối liên hệ hữu cơ, tác động qua lại và bổ sung cho nhau.

4.3. Một số định hướng nhằm tiếp tục vận dụng quan điểm toàn diện trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

4.3.1. Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển lý luận về đường lối đổi mới của Đảng

Vận dụng quan điểm toàn diện trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay trước hết đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển lý luận về đường lối đổi mới của Đảng. Bởi lẽ, thực tiễn gần 40 năm đổi mới đã chứng minh rằng những thành tựu trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không hình thành từ những suy luận thuần túy mang tính giáo điều, mà được kiến tạo thông qua quá trình tổng kết thực tiễn, đổi mới tư duy và không ngừng bổ sung, phát triển lý luận phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước. Chính vì vậy, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn hiện nay không thể tách rời việc tiếp tục hoàn thiện và nâng tầm lý luận về đường lối đổi mới.

Trong định hướng chiến lược về công tác lý luận, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh yêu cầu: “không thể để kéo dài tình trạng còn lạc hậu của lý luận so với sự vận động và đòi hỏi của thực tiễn. Lý luận phải vươn lên dẫn đường và đồng hành với thực tiễn”, “phải có tầm nhìn vượt trước”. Đây không chỉ là yêu cầu đối với hoạt động nghiên cứu lý luận nói chung, mà còn là định hướng phương pháp luận trực tiếp đối với việc nhận thức về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo đó, lý luận không chỉ thực hiện chức năng giải thích những gì đã diễn ra mà còn phải dự báo xu hướng vận động của thực tiễn, phát hiện những vấn đề mới và cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối phát triển đất nước trong tương lai.

Đại hội XIV đã chỉ ra một bước phát triển quan trọng trong tư duy phát triển của Đảng khi chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển; từ tăng trưởng đơn thuần sang phát triển nhanh, bền vững và bao trùm; từ dựa chủ

yếu vào các nguồn lực truyền thống sang dựa vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từ hội nhập mang tính thích ứng sang hội nhập chủ động gắn với nâng cao tự chủ chiến lược. Những chuyển biến này cho thấy nội hàm của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đang được nhận thức ngày càng đầy đủ hơn trong mối liên hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội, phát triển con người, bảo vệ môi trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát huy dân chủ và hội nhập quốc tế.

Do đó, một nhiệm vụ quan trọng của công tác lý luận hiện nay là tiếp tục nghiên cứu và luận giải sâu sắc hơn những vấn đề nền tảng của mô hình phát triển xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trọng tâm là làm rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; cơ chế kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội; giữa phát triển nhanh với phát triển bền vững; giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế sâu rộng. Đặc biệt, điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIV khi khẳng định “thị trường giữ vai trò quyết định trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển” đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện mới, từ đó bổ sung và hoàn thiện hệ thống lý luận kinh tế của thời kỳ quá độ.

Bên cạnh đó, việc phát triển lý luận về đường lối đổi mới cũng cần tập trung làm rõ nội hàm của mô hình phát triển mới mà Đại hội XIV đã xác lập. Đây là mô hình phát triển mang tính hệ thống và toàn diện, trong đó khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được xác định là động lực chủ yếu; con người và văn hóa là nền tảng; quốc phòng, an ninh và đối ngoại là điều kiện bảo đảm; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhân tố quyết định. So với những nhận thức trước đây, cách tiếp cận này thể hiện bước tiến quan trọng trong tư duy lý luận khi xem sự phát triển của đất nước là kết quả của sự tác động qua lại giữa nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn lực và nhiều chủ thể khác nhau. Điều đó cũng phản ánh sự vận dụng ngày càng sâu sắc quan điểm toàn diện trong hoạch định chiến lược phát triển đất nước.

Một yêu cầu khác đặt ra đối với việc phát triển lý luận về đường lối đổi mới là phải chủ động nghiên cứu những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình toàn cầu hóa. Những khái niệm như kinh tế số, xã hội số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, công nghiệp văn hóa, văn hóa số hay an ninh phi truyền thống đang làm thay đổi sâu sắc phương thức sản xuất, quản trị xã hội và đời sống con người. Đây không chỉ là những vấn đề kinh tế - kỹ thuật đơn thuần mà còn là những vấn đề lý luận mới liên quan trực tiếp đến nhận thức về mô hình và con đường phát triển xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ XXI. Vì vậy, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể chỉ dừng lại ở việc tổng kết những kinh nghiệm đã có, mà phải hướng tới nhận diện và giải đáp những vấn đề mà tương lai đang đặt ra.

Đặc biệt, Đại hội XIV đã nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trong đó xác định “thể chế phát triển là đột phá của đột phá”. Đây là một luận điểm mới có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc đối với việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nếu trước đây trọng tâm thường được đặt vào các mục tiêu phát triển thì hiện nay vấn đề ngày càng được quan tâm là cơ chế và điều kiện bảo đảm để hiện thực hóa các mục tiêu đó. Điều này đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu mối quan hệ giữa thể chế chính trị, thể chế kinh tế và các thể chế xã hội khác; giữa vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của Nhân dân; từ đó xây dựng một hệ thống thể chế đồng bộ, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Nhìn từ tiến trình phát triển lý luận của Đảng, những định hướng mà Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từng đặt ra đang từng bước được hiện thực hóa. Nếu như mục tiêu đến năm 2025 là hoàn thiện cơ bản hệ thống lý luận về đường lối đổi mới, thì việc Đại hội XIV chính thức khái quát và xác lập lý luận về đường lối đổi mới như một thành tố của nền tảng tư tưởng Đảng có thể xem là một dấu mốc quan trọng trên chặng đường đó. Đây đồng thời là tiền đề để tiếp tục bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ

lên chủ nghĩa xã hội và tiến tới xây dựng một hệ thống lý luận ngày càng hoàn chỉnh, hiện đại về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4.3.2. Nâng cao chất lượng công tác tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận

Bước vào kỷ nguyên mới, Đại hội XIV của Đảng đã đề ra nhiệm vụ cho công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận phải đẩy mạnh xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận; tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930-2030); định hướng phát triển đất nước trong 100 năm tiếp theo (2030-2130); tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội, về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tiếp tục hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối đổi mới. Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh: “Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một đề tài lý luận và thực tiễn rất cơ bản, quan trọng, nội dung rất rộng lớn, phong phú và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu rất công phu, nghiêm túc, tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, khoa học” [126, 17]. Có thể thấy, do tính chất mới mẻ và phức tạp của công cuộc xây dựng CNXH trong bối cảnh thế giới có nhiều biến đổi khó lường, từ đó cần thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tiếp tục phát triển lý luận về CNXH Việt Nam và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.

Tuy nhiên, trong thực tế, công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn có nhiều hạn chế, bất cập. Mặc dù đã được quan tâm nhưng nhiều nội dung lý luận còn chưa theo kịp thực tiễn đổi mới, tính dự báo thấp hoặc giải đáp chưa đủ sức thuyết phục. Từ yêu cầu vận dụng quan điểm toàn diện, công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận cần được thực hiện theo những định hướng cơ bản sau:

Một là, nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trên cơ sở vận dụng quan điểm toàn diện

Quan điểm toàn diện đòi hỏi phải nhận thức sự vật, hiện tượng trong tính chỉnh thể, trong hệ thống các mối liên hệ và tác động qua lại giữa các yếu tố cấu thành. Vì vậy, công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận không chỉ là yêu cầu của hoạt động khoa học mà còn là phương thức quan trọng để nhận thức đúng đắn bản chất, quy luật vận động của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. V.I. Lênin đã khẳng định: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng” [138, 30]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn khi cho rằng: “Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi... Có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng giống như một mắt sáng, một mắt mờ” [51, 274]. Đồng thời, Người chỉ rõ lý luận cách mạng không phải là giáo điều mà luôn được bổ sung, phát triển từ thực tiễn sinh động [56, 95].

Từ góc độ phương pháp luận, vận dụng quan điểm toàn diện trong tổng kết thực tiễn đòi hỏi phải xem xét các vấn đề của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mối liên hệ giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; giữa các yếu tố khách quan và chủ quan; giữa bối cảnh trong nước và quốc tế. Điều đó giúp tránh cách nhìn phiến diện, một chiều hoặc tuyệt đối hóa từng mặt riêng lẻ của thực tiễn. Do vậy, các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo và đội ngũ nghiên cứu lý luận cần nhận thức đầy đủ vai trò của công tác tổng kết thực tiễn, coi đây là khâu không thể tách rời trong quá trình hoạch định chủ trương, đường lối và phát triển lý luận. Mọi quyết sách quan trọng phải được xây dựng trên cơ sở tổng kết thực tiễn một cách khách quan, toàn diện và khoa học, qua đó bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Hai là, hoàn thiện thể chế và đổi mới cơ chế quản lý trên cơ sở vận dụng quan điểm toàn diện nhằm nâng cao chất lượng công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận

Quan điểm toàn diện đòi hỏi phải xem xét công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận trong tổng thể các điều kiện và yếu tố tác động đến quá trình

hình thành, phát triển lý luận. Chất lượng của hoạt động này không chỉ phụ thuộc vào năng lực của đội ngũ nghiên cứu mà còn chịu ảnh hưởng bởi thể chế, cơ chế quản lý, môi trường học thuật, sự phối hợp giữa các chủ thể và việc bảo đảm các nguồn lực cần thiết. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cần đồng thời tác động đến các yếu tố có liên quan, tránh cách tiếp cận phiến diện chỉ tập trung vào một mặt riêng lẻ.

Trong bối cảnh hiện nay, cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu lý luận ở một số lĩnh vực vẫn còn mang tính hành chính, thủ tục, làm hạn chế tính chủ động và sáng tạo của đội ngũ nghiên cứu. Do đó, việc hoàn thiện thể chế và đổi mới cơ chế quản lý cần được thực hiện theo hướng xây dựng môi trường nghiên cứu khoa học thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát huy trí tuệ tập thể, tăng cường sự gắn kết giữa tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt tổ chức mà còn là yêu cầu phương pháp luận nhằm bảo đảm việc nhận thức và khái quát thực tiễn được tiến hành một cách toàn diện, khách quan và khoa học.

Vận dụng quan điểm toàn diện cũng đòi hỏi phải tăng cường sự phối hợp giữa các chủ thể tham gia công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, từ các cơ quan lãnh đạo, quản lý đến các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và đội ngũ cán bộ hoạt động thực tiễn. Trong đó, người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị cần trực tiếp quan tâm, chỉ đạo và tham gia vào quá trình tổng kết thực tiễn, bảo đảm sự kết nối chặt chẽ giữa yêu cầu của thực tiễn với nhiệm vụ nghiên cứu lý luận. Thông qua đó, những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn phát triển đất nước sẽ được nhận diện đầy đủ hơn, tạo cơ sở cho việc bổ sung, hoàn thiện và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, cần từng bước hoàn thiện các quy định, quy trình và phương thức tổ chức tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận theo hướng khoa học, thống nhất và đồng bộ. Việc xây dựng cơ chế đánh giá phù hợp đối với kết quả tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận không chỉ góp phần nâng cao trách nhiệm của các chủ thể liên quan mà còn tạo động lực thúc đẩy quá trình phát triển lý

luận gắn với yêu cầu thực tiễn. Đây là điều kiện quan trọng để bảo đảm sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình vận dụng quan điểm toàn diện nhằm phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Ba là, đổi mới cơ chế quản lý hoạt động nghiên cứu theo hướng bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ và gắn kết giữa nghiên cứu lý luận với thực tiễn phát triển đất nước.

Quan điểm toàn diện đòi hỏi hoạt động nghiên cứu lý luận không được tiến hành một cách biệt lập mà phải đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với yêu cầu hoạch định đường lối, chính sách cũng như với sự phát triển của các ngành khoa học khác. Vì vậy, việc đổi mới cơ chế quản lý nghiên cứu cần hướng tới khắc phục tình trạng hành chính hóa, tạo môi trường thuận lợi để phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các chủ thể tham gia nghiên cứu.

Theo đó, cần chuyển mạnh từ tư duy quản lý nặng về thủ tục sang quản lý dựa trên chất lượng khoa học, hiệu quả thực tiễn và giá trị ứng dụng của kết quả nghiên cứu. Việc xác định nhiệm vụ nghiên cứu cần xuất phát từ những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, bảo đảm sự gắn kết giữa nhu cầu phát triển đất nước với hoạt động nghiên cứu lý luận. Đồng thời, cần chú trọng đánh giá kết quả nghiên cứu trên cơ sở tính khoa học, tính mới, khả năng giải thích và dự báo thực tiễn, thay vì chỉ tập trung vào các tiêu chí mang tính hình thức hoặc quy trình hành chính.

Vận dụng quan điểm toàn diện cũng đòi hỏi tăng cường sự liên kết giữa các cơ sở nghiên cứu lý luận, các trường đại học, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức thực tiễn. Sự phối hợp này giúp kết nối các nguồn tri thức khác nhau, tạo điều kiện tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ, qua đó nâng cao khả năng nhận diện đầy đủ các mối liên hệ và tác động qua lại của các hiện tượng kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Trên cơ sở đó, các kết luận nghiên cứu sẽ có tính toàn diện và giá trị thực tiễn cao hơn, góp phần bổ sung, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ chế bảo đảm nguồn lực cho hoạt động tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận theo hướng phù hợp với đặc thù của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Việc đầu tư cho nghiên cứu cần được xem xét một cách toàn diện, không chỉ tập trung vào cơ sở vật chất mà còn chú trọng tạo điều kiện cho khảo sát thực tế, thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu, phát triển đội ngũ nghiên cứu và thúc đẩy hợp tác khoa học. Điều này sẽ góp phần tạo môi trường thuận lợi để công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận phát huy vai trò trong việc nhận thức đầy đủ, khách quan và khoa học về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Bốn là, chăm lo xây dựng các cơ sở nghiên cứu mạnh và đội ngũ cán bộ làm công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận đáp ứng yêu cầu phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới

Vận dụng quan điểm toàn diện trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đòi hỏi phải xây dựng được hệ thống các cơ sở nghiên cứu lý luận vững mạnh cùng đội ngũ cán bộ nghiên cứu có trình độ cao, đủ khả năng nhận thức, phân tích và khái quát các vấn đề thực tiễn trong tổng thể các mối liên hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt tổ chức mà còn là nhiệm vụ mang tính chiến lược nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, góp phần bảo vệ và phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Các cơ sở nghiên cứu lý luận mạnh phải thực sự trở thành lực lượng nòng cốt, chuyên trách trong công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận; là nơi thường xuyên phát hiện, luận giải và khái quát những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; đồng thời cung cấp những luận cứ khoa học có giá trị cho việc hoạch định, bổ sung và phát triển đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quyết sách chiến lược của đất nước. Đó cũng phải là môi trường hội tụ, đào tạo và phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, có khả năng tiếp cận các vấn đề dưới góc nhìn đa chiều và bằng các phương pháp nghiên cứu hiện đại. Để thực hiện mục tiêu đó, cần có chiến

lược đầu tư trọng điểm cho các trung tâm nghiên cứu lý luận, từng bước xây dựng một số cơ sở nghiên cứu đạt trình độ khu vực và quốc tế. Đồng thời, cần hình thành hệ sinh thái nghiên cứu lý luận thống nhất, dựa trên sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ quan nghiên cứu và đào tạo lớn như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hội đồng Lý luận Trung ương, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Chính trị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cùng các cơ sở nghiên cứu có liên quan. Sự kết nối này sẽ tạo điều kiện phát huy thế mạnh của từng đơn vị, thúc đẩy trao đổi học thuật, chia sẻ nguồn lực và tiếp cận vấn đề nghiên cứu một cách toàn diện hơn.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục rà soát, sắp xếp và tinh gọn các cơ sở nghiên cứu nhỏ lẻ, có chức năng trùng lặp nhằm tập trung nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và đội ngũ chuyên gia vào các đầu mối nghiên cứu trọng điểm. Song song với việc xây dựng các trung tâm nghiên cứu mạnh là nhiệm vụ phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận chất lượng cao. Cần có cơ chế, chính sách đãi ngộ đặc thù về thu nhập, điều kiện làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp để thu hút các nhà khoa học giỏi, kể cả đội ngũ trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia nghiên cứu và giảng dạy.

Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nghiên cứu lý luận cần được thực hiện theo lộ trình bài bản, lâu dài và có tính chiến lược. Cần tạo điều kiện để cán bộ trẻ được học tập, tu nghiệp tại các trung tâm nghiên cứu và đào tạo lý luận có uy tín trên thế giới nhằm tiếp cận những phương pháp nghiên cứu hiện đại, nâng cao năng lực tư duy và khả năng hội nhập học thuật quốc tế. Đồng thời, cần tăng cường sự gắn kết giữa nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn thông qua cơ chế luân chuyển cán bộ: định kỳ đưa cán bộ nghiên cứu lý luận tham gia công tác lãnh đạo, quản lý ở địa phương, cơ sở; đồng thời mời các nhà quản lý, cán bộ thực tiễn có năng lực tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu lý luận. Đây là giải pháp quan trọng để bảo đảm sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, khắc phục tình trạng nghiên cứu xa rời đời sống thực tế.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh hiện đại hóa hạ tầng nghiên cứu và hệ thống dữ liệu phục vụ công tác lý luận. Việc xây dựng Trung tâm dữ liệu lý luận quốc gia, từng bước số hóa toàn bộ kho tàng lý luận của Đảng, các công trình khoa học trong nước và những thành tựu tri thức tiêu biểu của nhân loại sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà nghiên cứu tiếp cận, khai thác và xử lý thông tin một cách nhanh chóng, hiệu quả. Đây cũng là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng tổng kết thực tiễn, phát triển tư duy lý luận và thực hiện tốt yêu cầu vận dụng quan điểm toàn diện trong nghiên cứu, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Năm là, đổi mới hình thức và phương pháp tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận theo hướng khoa học, hiện đại, dân chủ và toàn diện

Trong bối cảnh thực tiễn đổi mới ngày càng phong phú, đa dạng và phức tạp, việc tiếp tục vận dụng quan điểm toàn diện trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ hình thức và phương pháp tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Thực tế cho thấy, một số cuộc tổng kết hiện nay vẫn còn nặng về thống kê, mô tả hoặc liệt kê số liệu, chưa đi sâu phân tích bản chất, chưa làm rõ được các mối liên hệ, tác động qua lại giữa các hiện tượng và quá trình xã hội. Điều đó làm hạn chế khả năng khái quát thực tiễn và phát hiện những vấn đề có ý nghĩa lý luận. Vì vậy, cần chuyển từ cách tiếp cận mang tính hành chính, kinh nghiệm đơn thuần sang phương pháp nghiên cứu khoa học, hiện đại và dân chủ, bảo đảm nhận thức đầy đủ các mối liên hệ đa chiều của thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trước hết, cần đa dạng hóa các hình thức và phương pháp tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận nhằm tiếp cận sự vật, hiện tượng từ nhiều góc độ khác nhau. Bên cạnh phương thức tổng kết gián tiếp thông qua các ban chỉ đạo, các báo cáo chuyên đề và hệ thống số liệu thống kê, cần tăng cường các hình thức tổng kết trực tiếp, tạo điều kiện để cán bộ lãnh đạo, quản lý và đội ngũ nghiên cứu thường xuyên đi cơ sở, tiếp xúc với các chủ thể của thực tiễn, trực tiếp khảo sát, điều tra, nắm bắt tình hình và phát hiện những vấn đề mới nảy sinh.

Đồng thời, cần quán triệt nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong toàn bộ quá trình nghiên cứu. Đối với các đề tài nghiên cứu gắn với những vấn đề thực tiễn cụ thể, cần chú trọng xây dựng các mô hình kiểm chứng để đánh giá tính đúng đắn và khả năng vận dụng của các kết luận lý luận. Đối với những vấn đề mới xuất hiện, chưa có đủ cơ sở khoa học hoặc thực tiễn để khẳng định, cần mạnh dạn triển khai thí điểm, theo dõi, đánh giá và tổng kết kịp thời nhằm từng bước hình thành những nhận thức và luận điểm lý luận mới.

Bên cạnh đó, cần xây dựng các cơ chế kết nối thường xuyên giữa hoạt động nghiên cứu lý luận và hoạt động lãnh đạo, quản lý thực tiễn. Việc tổ chức định kỳ các diễn đàn đối thoại, tọa đàm khoa học giữa các nhà nghiên cứu lý luận với lãnh đạo Trung ương, các bộ, ngành, địa phương; đồng thời thiết lập hệ thống báo cáo tổng kết, kiến nghị từ cơ sở lên Trung ương sẽ tạo điều kiện tập hợp, xử lý và khai thác nguồn thông tin phong phú từ mọi cấp, mọi ngành và mọi lĩnh vực. Thông qua đó, các kết quả tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận có thể được chuyển hóa thành những luận cứ khoa học phục vụ quá trình hoạch định chủ trương, đường lối và xây dựng các quyết sách chiến lược của Đảng và Nhà nước.

Một yêu cầu quan trọng khác là phải tăng cường khảo sát thực địa, điều tra xã hội học và các phương pháp nghiên cứu thực chứng thay cho lối làm việc chủ yếu dựa vào báo cáo hoặc thông tin gián tiếp. Quan điểm toàn diện đòi hỏi việc nhận thức thực tiễn phải được thực hiện trên cơ sở tiếp cận nhiều nguồn thông tin khác nhau, kết hợp giữa dữ liệu định lượng và định tính, giữa phân tích tài liệu với quan sát trực tiếp đời sống xã hội. Đây là điều kiện cần thiết để bảo đảm tính khách quan, toàn diện và độ tin cậy của các kết luận nghiên cứu.

Đồng thời, cần đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động nghiên cứu theo hướng mở rộng dân chủ học thuật và tăng cường phản biện khoa học. Các hội thảo, tọa đàm khoa học cần từng bước chuyển từ hình thức đọc tham luận một chiều sang thảo luận mở, đối thoại và tranh luận khoa học thực chất. Việc khuyến khích các ý kiến phản biện, các cách tiếp cận và góc nhìn khác nhau không chỉ góp phần phát hiện những hạn chế trong nhận thức mà còn giúp làm

sáng tỏ bản chất của các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra. Đối với các chương trình tổng kết lớn, cần mở rộng phạm vi tham gia, không chỉ giới hạn trong các cơ quan chuyên môn mà còn huy động sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học có uy tín và những người trực tiếp hoạt động trong thực tiễn. Chính sự kết hợp nhiều chủ thể với những góc nhìn khác nhau sẽ tạo điều kiện để nhận thức các vấn đề một cách đầy đủ, khách quan và toàn diện hơn.

Sáu là, xây dựng môi trường dân chủ, khoa học trong tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận

Nghiên cứu khoa học, xét đến cùng, là quá trình phát hiện và đề xuất những nhận thức mới. Tuy nhiên, đối với khoa học lý luận chính trị, việc tìm tòi và sáng tạo không hoàn toàn giống với các lĩnh vực khoa học khác. Những nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phải luôn đặt trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu thực tiễn của đất nước. Đối với các nhà nghiên cứu là đảng viên, quá trình nghiên cứu còn phải tuân thủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ; không được nói, viết hoặc làm trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy chế và quyết định của Đảng. Chính đặc thù đó làm cho nghiên cứu lý luận chính trị trở thành một lĩnh vực có yêu cầu rất cao: vừa bảo đảm tính Đảng, tính định hướng chính trị, vừa phải phát huy được tư duy phản biện, năng lực sáng tạo, khả năng dự báo và đề xuất những luận cứ mới phục vụ sự phát triển của đất nước.

Để nâng cao chất lượng công tác tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, cần tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về phát huy dân chủ trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Các cơ quan nghiên cứu, đặc biệt là người đứng đầu, cần tạo dựng môi trường học thuật lành mạnh, khuyến khích các nhà khoa học, cán bộ nghiên cứu và những người hoạt động thực tiễn phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong nghiên

cứu và đề xuất các vấn đề mới. Việc mạnh dạn tiếp cận những vấn đề khó, những vấn đề thực tiễn đang đặt ra nhưng chưa có lời giải thỏa đáng chính là điều kiện quan trọng để tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận theo đúng tinh thần vận dụng quan điểm toàn diện.

Tuy nhiên, phát huy dân chủ trong nghiên cứu lý luận không đồng nghĩa với buông lỏng nguyên tắc hay xem nhẹ yêu cầu bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Bên cạnh việc khuyến khích tranh luận và phản biện khoa học, cần nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đồng thời, phải kiên quyết đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Có thể khẳng định rằng, môi trường dân chủ, khoa học và trách nhiệm là điều kiện quan trọng để vận dụng hiệu quả quan điểm toàn diện trong tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận. Chỉ trong môi trường đó, các nhà khoa học mới có thể phát huy đầy đủ năng lực tư duy, tiếp cận vấn đề từ nhiều góc độ, nhiều chiều cạnh khác nhau, từ đó góp phần bổ sung, hoàn thiện và phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ mới.

Bảy là, tăng cường phối hợp trong nước và mở rộng hợp tác quốc tế trong tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, việc phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể được thực hiện một cách biệt lập mà cần đặt trong mối liên hệ chặt chẽ giữa các cơ quan nghiên cứu trong nước cũng như trong quá trình giao lưu, đối thoại với cộng đồng học thuật quốc tế.

Trước hết, cần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nghiên cứu lý luận, các cơ sở đào tạo, các cơ quan hoạch định chính sách và các địa phương,

đơn vị trong quá trình tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận. Sự liên kết chặt chẽ giữa các chủ thể này sẽ tạo điều kiện phát huy thế mạnh của từng cơ quan, chia sẻ nguồn lực, trao đổi kết quả nghiên cứu và bổ sung cho nhau về tri thức cũng như kinh nghiệm thực tiễn. Đồng thời, cần đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về lý luận và thực tiễn, tạo lập hệ thống thông tin khoa học thống nhất, giúp các nhà nghiên cứu dễ dàng tiếp cận, khai thác, kế thừa những thành quả nghiên cứu đã có, hạn chế tình trạng trùng lặp, phân tán nguồn lực và nâng cao hiệu quả nghiên cứu.

Bên cạnh việc tăng cường phối hợp trong nước, cần chủ động mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu lý luận chính trị. Việc duy trì và phát triển các hoạt động trao đổi học thuật với các cơ quan lý luận chính trị, các cơ sở nghiên cứu khoa học của các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cầm quyền, các tổ chức tiến bộ trên thế giới cũng như các trung tâm nghiên cứu có uy tín sẽ góp phần làm phong phú thêm cơ sở nhận thức lý luận và thực tiễn cho Việt Nam. Thông qua quá trình đối thoại, trao đổi và hợp tác quốc tế, chúng ta có điều kiện tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học, những kinh nghiệm phát triển và những giá trị tiến bộ của nhân loại, từ đó bổ sung và hoàn thiện các luận cứ khoa học phục vụ quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tiểu kết Chương 4

Qua nghiên cứu, có thể thấy giá trị nổi bật của việc vận dụng quan điểm toàn diện trong tư duy lý luận của Nguyễn Phú Trọng là ở khả năng kết nối những vấn đề tưởng như riêng biệt thành một chỉnh thể thống nhất của quá trình phát triển: Phát triển kinh tế không tách rời tiến bộ, công bằng xã hội và phát triển con người; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa gắn với phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và sự lãnh đạo của Đảng; độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Chính trong sự nhận thức và xử lý đúng đắn các mối quan hệ đó, những đặc trưng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từng bước được nhận thức đầy đủ, cụ thể và phù hợp hơn với điều kiện lịch sử của đất nước. Đây cũng là biểu hiện sinh động của việc chuyển hóa phương pháp luận biện chứng thành năng lực nhận thức và giải quyết những vấn đề thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Nhưng quan trọng hơn, giá trị của những quan điểm này nằm ở khả năng mở ra phương hướng cho sự phát triển lý luận trong tương lai. Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội luôn vận động, trong khi thế giới đang trải qua những biến đổi nhanh chóng, sâu sắc và khó dự báo; sự phát triển của khoa học - công nghệ, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa và những biến động địa chính trị đang làm xuất hiện nhiều vấn đề mới cả về lý luận và thực tiễn. Vì vậy, lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không thể dừng lại ở những nhận thức đã được xác lập, mà phải thường xuyên được bổ sung, phát triển trên cơ sở đối thoại với thực tiễn, giải đáp những vấn đề mới và hướng tới dự báo những xu hướng phát triển mới. Nói cách khác, sức sống của lý luận không nằm ở sự bất biến, mà ở khả năng tự đổi mới trên nền tảng những nguyên tắc đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn.

Vì vậy, từ những kết quả nghiên cứu của chương có thể rút ra một nhận định có ý nghĩa phương pháp luận: phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trước hết phải bắt đầu từ việc nhận thức đúng thực tiễn trong tính toàn

diện của nó, đồng thời phải không ngừng nâng cao năng lực lý luận để đi trước, soi đường và định hướng cho thực tiễn. Kiên định nền tảng tư tưởng không đồng nghĩa với khép kín nhận thức; đổi mới tư duy không đồng nghĩa với xa rời nguyên tắc. Trái lại, chính sự thống nhất biện chứng giữa kiên định và đổi mới, giữa lý luận và thực tiễn, giữa kế thừa và sáng tạo là điều kiện để lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiếp tục phát triển có chiều sâu, có sức sống và có khả năng đáp ứng những yêu cầu mới của đất nước. Cuộc đời của một nhà lãnh đạo, một chính trị gia tuy đã khép lại, nhưng những giá trị bền vững trong tư duy biện chứng của Nguyễn Phú Trọng vẫn tiếp tục soi sáng hành trình tìm tòi, bổ sung và phát triển con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

KẾT LUẬN

Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, mọi bước ngoặt lớn của một dân tộc đều gắn liền với những bước đột phá trong tư duy. Đối với Việt Nam, từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc đến công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, mỗi thành tựu lịch sử đều bắt nguồn từ khả năng nhận thức đúng quy luật khách quan, nhìn thấy những mối liên hệ bản chất của thực tiễn và dũng cảm đổi mới tư duy để mở đường cho hành động. Trong ý nghĩa đó, quan điểm toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là một nguyên tắc phương pháp luận của nhận thức khoa học mà còn là một phương thức tư duy cách mạng đã đồng hành cùng dân tộc Việt Nam trong suốt tiến trình phát triển hiện đại.

Thông qua việc nghiên cứu tư tưởng của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, luận án khẳng định rằng một trong những đóng góp lý luận nổi bật của đồng chí là sự vận dụng sáng tạo và nhất quán quan điểm toàn diện vào việc nhận thức những vấn đề chiến lược của đất nước. Trong tư duy của đồng chí, chủ nghĩa xã hội không phải là một mô hình giáo điều, bất biến hay một công thức có sẵn để sao chép, mà là một quá trình vận động lịch sử sinh động, luôn được bổ sung và phát triển từ thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chính vì vậy, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải được đặt trong tổng thể các mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị, giữa phát triển và ổn định, giữa đổi mới và kế thừa, giữa dân tộc và thời đại, giữa nội lực và ngoại lực, giữa mục tiêu trước mắt và tầm nhìn lâu dài.

Nhìn lại chặng đường đổi mới gần bốn mươi năm qua, có thể thấy mỗi bước phát triển của đất nước đều là kết quả của quá trình không ngừng đổi mới tư duy lý luận trên nền tảng kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Từ việc thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng hội nhập quốc tế, đến xây dựng Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi xanh, tất cả đều phản ánh tinh thần khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác: xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, kiểm nghiệm trong thực tiễn và phát triển lý luận từ thực tiễn.

Bước vào giai đoạn hiện nay, khi đất nước đang tiến tới những dấu mốc quan trọng hướng tới năm 2030 và tầm nhìn 2045, Việt Nam đang chứng kiến những chuyển động sâu rộng trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Những chủ trương lớn như tiếp tục sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp, tinh gọn bộ máy, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng nền hành chính hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị... đều thể hiện quyết tâm đổi mới mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước trước những yêu cầu phát triển mới. Dĩ nhiên, đối với những cải cách lớn mang tính lịch sử như vậy, thực tiễn cần có thời gian để kiểm nghiệm đầy đủ những mặt được và chưa được. Tuy nhiên, điều có ý nghĩa đặc biệt quan trọng là Việt Nam đã lựa chọn con đường chủ động đổi mới thay vì trì trệ; dám thay đổi thay vì bảo thủ; dám thử nghiệm, thí điểm để tìm kiếm những mô hình phù hợp hơn cho sự phát triển.

Tinh thần đó chính là biểu hiện sinh động của bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác. Bởi lẽ, chủ nghĩa Mác chưa bao giờ là hệ thống giáo điều khép kín. Ngay từ khi xây dựng học thuyết của mình, C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin luôn nhấn mạnh rằng lý luận chỉ có giá trị khi phản ánh đúng hiện thực khách quan và được bổ sung, phát triển bởi chính hiện thực đó. Những người sáng lập chủ nghĩa Mác không chỉ để lại cho nhân loại những kết luận khoa học mà quan trọng hơn là để lại một phương pháp nhận thức thế giới và cải tạo thế giới. Đó là tinh thần không ngừng tìm tòi, khám phá cái mới; không né tránh những vấn đề do thực tiễn đặt ra; không tuyệt đối hóa những mô hình đã có; và luôn sẵn sàng điều chỉnh nhận thức khi điều kiện lịch sử thay đổi.

Trong bối cảnh đó, việc vận dụng quan điểm toàn diện càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Những vấn đề của Việt Nam hiện nay không còn là những

vấn đề đơn tuyến, riêng lẻ mà là những bài toán phát triển phức hợp, đòi hỏi phải xem xét đồng thời nhiều yếu tố và nhiều chiều tác động. Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa, con người và bảo đảm công bằng xã hội. Chuyển đổi số phải gắn với đổi mới thể chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tinh gọn bộ máy phải đồng thời nâng cao hiệu quả phục vụ nhân dân. Hội nhập quốc tế phải đi liền với giữ vững độc lập, tự chủ và bản sắc dân tộc. Những yêu cầu đó chỉ có thể được nhận thức và giải quyết đúng đắn bằng tư duy toàn diện, biện chứng và phát triển.

Có thể nói, Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển mới - giai đoạn của khát vọng vươn lên mạnh mẽ, của những cải cách sâu rộng và của những quyết sách mang tính kiến tạo tương lai. Đây không chỉ là sự thay đổi về quy mô phát triển mà còn là sự chuyển biến về chất trong tư duy lãnh đạo, quản trị và phát triển quốc gia. Từ những điều chỉnh từng phần đến những cải cách mang tính hệ thống; từ những mô hình thí điểm đến việc triển khai trên phạm vi cả nước; từ việc giải quyết những vấn đề trước mắt đến việc chuẩn bị cho tương lai hàng thập niên sau... tất cả đang phản ánh một quá trình vận động mạnh mẽ của đất nước trên con đường hiện đại hóa và phát triển bền vững.

Trong hành trình ấy, quan điểm toàn diện không chỉ là phương pháp luận của nghiên cứu khoa học mà còn trở thành yêu cầu khách quan của quản trị quốc gia hiện đại và của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đó là cơ sở để nhận diện đúng thời cơ và thách thức, để kết nối quá khứ với hiện tại và tương lai, để hài hòa giữa đổi mới và ổn định, giữa phát triển nhanh và phát triển bền vững, giữa lợi ích quốc gia - dân tộc và trách nhiệm quốc tế.

Với tất cả những gì đã đạt được, cùng những đổi mới đang được triển khai quyết liệt trong thực tiễn hôm nay, có cơ sở để tin tưởng rằng dân tộc Việt Nam đang đứng trước một cơ hội phát triển lớn chưa từng có kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới. Chặng đường phía trước chắc chắn vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức và những vấn đề cần tiếp tục tổng kết, hoàn thiện. Nhưng chính tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm trước

lịch sử; chính năng lực tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận; chính việc kiên định mục tiêu đồng thời không ngừng đổi mới phương thức thực hiện mục tiêu ấy là minh chứng sinh động cho sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện Việt Nam hiện nay.

Đó cũng là giá trị bền vững của quan điểm toàn diện - một phương pháp tư duy khoa học và cách mạng đã, đang và sẽ tiếp tục soi đường cho dân tộc Việt Nam trên hành trình hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và đưa Việt Nam vững bước tiến vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc trong thế kỷ XXI.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Nguyễn Phương Thùy (2023), “Từ cuốn sách *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng suy nghĩ về căn bệnh sợ trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên”, Kỷ yếu tọa đàm khoa học: Giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm “*Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*”, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

2. Nguyễn Phương Thùy (2025), “Vận dụng phương pháp luận toàn diện trong nghiên cứu quan điểm của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tạp chí *Giáo dục lý luận*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị khu vực I, số 389/2025.

3. Nguyễn Phương Thùy (2025), “Di sản lý luận của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng- Định hướng nghiên cứu và phát triển”, Tạp chí *Lý luận chính trị truyền thông*, chuyên đề tháng 2/2025.

4. Nguyễn Phương Thùy (2026), “Lý luận về đường lối đổi mới” - Sự phát triển tư duy lý luận của Đảng và ý nghĩa trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, Tạp chí *Giáo dục lý luận*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị khu vực I, số 403/2026.

5. Nguyễn Phương Thùy (2026), “Vận dụng phương pháp luận toàn diện của chủ nghĩa Mác - Lênin trong đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy chính trị ở Việt Nam”, Tạp chí *Quản lý nhà nước* điện tử, ngày đăng: 22/5/2026.

<https://www.quanlynhanuoc.vn/2026/05/22/van-dung-phuong-phap-luan-toan-dien-cua-chu-nghia-mac-lenin-trong-doi-moi-kien-toan-to-chuc-bo-may-he-thong-chinh-tri-o-viet-nam/>

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (tuyển chọn) (2021), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: Dư luận trong nước và quốc tế về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng (tuyển chọn) (2022), *Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Báo Nhân dân (2019), *Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng với tình cảm của nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Báo Nhân dân (2020), *Tầm nhìn chiến lược và ý chí vươn lên của dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Báo Nhân dân (2022), *Niềm tin yêu của nhân dân trong nước và bạn bè quốc tế dành cho Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Hoàng Chí Bảo (Chủ biên) (2010), *Bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hoàng Chí Bảo (2012), *Giá trị bền vững và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hoàng Chí Bảo (2012), *Chủ nghĩa xã hội hiện thực và quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Bình (2012), *Chủ thuyết cách mạng và phát triển Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Giáo trình triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ chuyên lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Nguyễn Bá Dương (2011), *Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - những giá trị vĩnh hằng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.2.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.47.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.51.
17. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.60.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.I.
22. Đảng ủy Công an Trung ương - Bộ Công an (2023), *Danh dự là điều thiêng liêng, cao quý nhất*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
23. Đặng Quang Định (Chủ biên) (2023), *Triết học Mác - Lênin trong nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
24. Phạm Văn Đức (2025), *Chủ nghĩa duy vật biện chứng: Nguyên lý cơ bản và những đề xuất, bổ sung từ thực tiễn Việt Nam trong bối cảnh mới*, Nxb. Đại học sư phạm, Hà Nội.

25. Nguyễn Văn Giang - Đinh Ngọc Giang - Nguyễn Ngọc Ánh (Đồng chủ biên) (2024), *Xây dựng mô hình tổ chức tổng thể hệ thống chính trị ở Việt Nam trong tình hình mới - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
26. Vũ Công Giao - Nguyễn Hoàng Anh - Trương Thị Hồng Hà - Trần Thị Diệu Anh (Đồng chủ biên) (2024), *Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Giai đoạn mới, yêu cầu mới*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
27. Nguyễn Ngọc Hà, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học (2019), *Bàn về phương pháp nhận thức*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
28. Lâm Kiên Hoa (2022), *Nền dân chủ nhân dân toàn quá trình của Trung Quốc* (Nguyễn Minh Hoàn dịch), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
29. Nguyễn Minh Hoàn (Biên soạn) (2022), *Kể chuyện Tập Cận Bình - Bước ra từ người dân*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
30. Nguyễn Minh Hoàn (Chủ biên) (2022), *Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc thời đại mới và ý nghĩa đối với thế giới đương đại*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
31. Nguyễn Minh Hoàn (Chủ biên) (2026), *Sự phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về biện chứng giữa kinh tế và chính trị ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
32. Hội Triết học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học, GS.TS. Lê Hữu Nghĩa - PGS.TS. Nguyễn Tài Đông (Đồng chủ biên) (2023), *Những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay qua tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Nguyễn Văn Huyền (2012), *Giải phóng, đổi mới, phát triển vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

34. Vũ Trọng Lâm (2018), *Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
35. Vũ Trọng Lâm (2023), “Một số nhận thức lý luận về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa qua các tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, Tạp chí *Cộng sản*, số 1012, tháng 4/2023.
36. Vũ Trọng Lâm (2024), *Nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua các tác phẩm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. Nhị Lê (2021), *Chủ nghĩa xã hội Việt Nam: Logic- đổi mới và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
38. Nguyễn Ngọc Long (Chủ biên) (2009), *Chủ nghĩa Mác - Lênin với vận mệnh và tương lai của chủ nghĩa xã hội hiện thực*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Lê Quốc Lý (Chủ biên) (2014), *Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.3.
41. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.4.
42. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.12.
43. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.13.
44. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.19.
45. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.20.
46. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.21.
47. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.23.
48. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.1.
- 49.. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.2.
50. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.4.
51. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.5.
52. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.7.
53. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.8.

54. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.9.
55. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.10.
56. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.11.
57. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.12.
58. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.14.
59. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t.15.
60. Lê Hữu Nghĩa (Chủ biên) (2002), *Thời đại chúng ta và sức sống của chủ nghĩa Mác - Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Ngô Tuấn Nghĩa (2024), *Thế chế phát triển - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
62. Trần Nhâm (2010), *Chủ nghĩa Mác - Lênin - Học thuyết về sự phát triển và sáng tạo không ngừng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Nguyễn An Ninh (2019), *Chủ nghĩa xã hội hiện thực - Thực trạng và triển vọng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
64. Nguyễn Quốc Phẩm, Đỗ Thị Thạch (Đồng chủ biên) (2011), *Những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Bùi Đình Phong, Phạm Ngọc Anh (đồng chủ biên) (2011), *Vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh và Đảng ta (thời kỳ trước đổi mới)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Trần Văn Phòng (chủ biên) (2017), *Một số vấn đề triết học trong các văn kiện Đại hội XII của Đảng*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
67. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền, Nguyễn Viết Thông (đồng chủ biên) (2016), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
68. Trình Ân Phú (2022), *Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác và nghiên cứu ứng dụng* (Nguyễn Minh Hoàn; Nguyễn Thị Thu Hương dịch), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

69. Lương Xuân Quỳ (2002), *Xây dựng quan hệ sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện tiến bộ công bằng xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
70. René Descartes (1959), *Phương pháp luận*, Dịch giả: Nguyễn Văn Châu và Cao Văn Luận, Nxb. Đại học, Hà Nội.
71. Tô Huy Rứa, Hoàng Chí Bảo, Trần Khắc Việt, Lê Ngọc Tòng (đồng chủ biên) (2006), *Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
72. Tô Huy Rứa, Hoàng Chí Bảo (đồng chủ biên) (2017), *Nghiên cứu chủ thuyết phát triển của Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
73. Tạp chí Cộng sản, Đảng ủy Công an Trung ương và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2025), *Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc và những vấn đề đặt ra đối với sự nghiêm bảo vệ an ninh trật tự*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
74. Trần Quốc Toàn (2025), *Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế tạo động lực phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới của đất nước: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
75. Trần Thành (Chủ biên) (2007), *Triết học với đổi mới và đổi mới nghiên cứu giảng dạy triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
76. Nguyễn Xuân Thắng, Nguyễn Việt Thông (Đồng chủ biên) (2014), *Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
77. Nguyễn Xuân Thắng (2025), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong kỷ nguyên phát triển mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
78. Nguyễn Duy Thông (1977), *Vai trò của phương pháp luận triết học Mác - Lênin đối với sự phát triển của khoa học tự nhiên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

79. Nguyễn Phú Trọng (1991), “Giữ vững niềm tin đi con đường đã chọn”, Tạp chí *Cộng sản*, số 10/1991.
80. Nguyễn Phú Trọng (1993), “Phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh”, Tạp chí *Cộng sản*, số 9/1993.
81. Nguyễn Phú Trọng (1993), “Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế - xã hội nông thôn”, Tạp chí *Cộng sản*, tháng 8/1993.
82. Nguyễn Phú Trọng (1994), “Kinh tế thị trường và vai trò lãnh đạo của Đảng”, Tạp chí *Cộng sản*, tháng 01/1994.
83. Nguyễn Phú Trọng (1994), “Đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn nữa”, Tạp chí *Cộng sản*, tháng 02/1994.
84. Nguyễn Phú Trọng (1994), “Các quan điểm cơ bản chỉ đạo quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta”, Tạp chí *Cộng sản*, tháng 8/1994.
85. Nguyễn Phú Trọng (1995), *Sự lãnh đạo và hoạt động của Đảng trong điều kiện kinh tế thị trường*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
86. Nguyễn Phú Trọng (1995), “Định hướng xã hội chủ nghĩa là văn hóa”, Tạp chí *Cộng sản*, tháng 02/1995.
87. Nguyễn Phú Trọng (1995), “Quá trình đổi mới ở Việt Nam: Thành tựu, khuyết điểm và bài học”, Tạp chí *Cộng sản*, số 17, 1995.
88. Nguyễn Phú Trọng (1996), “Những bài học của mười năm đổi mới”, Tạp chí *Cộng sản*, số 16, 1996.
89. Nguyễn Phú Trọng (1998), “Sự nghiệp văn hóa ở nước ta: quan điểm và phương hướng phát triển”, Tạp chí *Cộng sản*, số 18, 1998.
90. Nguyễn Phú Trọng (Chủ biên) (2001), *Về định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Nguyễn Phú Trọng (2001), “Kinh tế thị trường và nền chính trị dân chủ ổn định”, Tạp chí *Cộng sản*, số 8, 2001.
92. Nguyễn Phú Trọng (2001), “Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”, Tạp chí *Cộng sản*, số 16, 2001.

93. Nguyễn Phú Trọng (2002), *Vì một nền văn hóa Việt Nam dân tộc, hiện đại*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
94. Nguyễn Phú Trọng (2002), *Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Nguyễn Phú Trọng, Tô Huy Rứa, Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên) (2002), *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
96. Nguyễn Phú Trọng (2005), *Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
97. Nguyễn Phú Trọng (2008), ““Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” và công cuộc đổi mới ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số 785, tháng 3/2008.
98. Nguyễn Phú Trọng (2010), *Cương lĩnh chính trị - ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
99. Nguyễn Phú Trọng (Chủ biên) (2011), *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
100. Nguyễn Phú Trọng (2011), *Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
101. Nguyễn Phú Trọng (2011), *Quyết tâm cao, biện pháp quyết liệt, nhằm cải tạo chuyển biến mới về xây dựng Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
102. Nguyễn Phú Trọng (2012), “Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản*, số 831, tháng 01/2012.
103. Nguyễn Phú Trọng (2012), *Xây dựng, chỉnh đốn Đảng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
104. Nguyễn Phú Trọng (2015), “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp, làm tốt hơn nữa công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội”, *Tạp chí Cộng sản*, số 875, tháng 9/2015.

105. Nguyễn Phú Trọng (2015), *Đảng vững mạnh, đất nước phát triển, dân tộc trường tồn*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
106. Nguyễn Phú Trọng (2017), *Vững bước trên con đường đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2 tập.
107. Nguyễn Phú Trọng (2018), *Xây dựng chính đồn Đảng là nhiệm vụ then chốt để phát triển đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
108. Nguyễn Phú Trọng (2018), *Vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng, khó khăn nào cũng vượt qua*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
109. Nguyễn Phú Trọng (2018), “Với niềm tin mới, khí thế mới, động lực mới, tiếp tục đoàn kết phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng đất nước ngày càng đàng hoàng hơn, tươi đẹp hơn”, Tạp chí *Cộng sản*, số 903, tháng 01/2018.
110. Nguyễn Phú Trọng (2019), *Quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
111. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Toàn Đảng, toàn dân chung sức, đồng lòng xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
112. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Đoàn kết, vững tin đưa đất nước bước vào giai đoạn mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
113. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Phát huy những kết quả quan trọng đã đạt được, với quyết tâm chính trị cao và hành động mạnh mẽ, quyết liệt hơn, chúng ta sẽ nhất định ngăn chặn, đẩy lùi được tham nhũng, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh”, Tạp chí *Cộng sản*, số 957, tháng 01/2021.
114. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Tập trung nghiên cứu, thảo luận, xem xét, quyết định một số vấn đề cơ bản và hệ trọng của đất nước”, Tạp chí *Cộng sản*, số 969, tháng 7/2021.
115. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Lời kêu gọi toàn dân đoàn kết phòng, chống đại dịch COVID-19”, Hà Nội, 29/7/2021.

116. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Chính phủ mới: Khí thế mới, nỗ lực mới, quyết tâm phấn đấu lập nhiều thành tích mới”, Tạp chí *Cộng sản*, số 972, tháng 8/2021.
117. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Tạp chí *Cộng sản*, số 979, tháng 12/2021.
118. Nguyễn Phú Trọng (2021), “Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam hiện đại và mang đậm bản sắc dân tộc”, Tạp chí *Cộng sản*, số 980, tháng 12/2021.
119. Nguyễn Phú Trọng (2021), Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Hà Nội.
120. Nguyễn Phú Trọng (2021), Phát biểu tại Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2021, Hà Nội, 5/12/2021.
121. Nguyễn Phú Trọng (2022), “Chính phủ và chính quyền các địa phương nâng cao liêm chính, kỷ cương, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ năm 2022”, Tạp chí *Cộng sản*, số 982, tháng 01/2022.
122. Nguyễn Phú Trọng (2022) “Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới”, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 01, 2022.
123. Nguyễn Phú Trọng (2022), Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Hà Nội, 30/6/2022.
124. Nguyễn Phú Trọng (2022), “Quyết tâm xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới”, Tạp chí *Cộng sản*, số 993, tháng 7/2022.
125. Nguyễn Phú Trọng (2022), Phát biểu tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sơn La, 9/7/2022.
126. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

127. Nguyễn Phú Trọng (2022), Phát biểu tại Hội nghị toàn quốc về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hà Nội, 15/11/2022.
128. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Một số vấn đề về đường lối quân sự, chiến lược quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
129. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
130. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng văn minh, hạnh phúc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
131. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
132. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Cả nước đồng lòng, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
133. Nguyễn Phú Trọng (2023), Bài viết nhân kỷ niệm 75 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam (1943- 2018), Hà Nội, 21/2/2023.
134. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết đại hội XIII của Đảng*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
135. Nguyễn Phú Trọng (2024), *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
136. Trần Đình Tuấn (2008), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
137. V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.4.
138. V.I. Lênin (1975), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.6.

139. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.23.
140. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.27.
141. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.29.
142. V.I.Lênin (1980), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.30.
143. V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.33.
144. V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.34.
145. V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.36.
146. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.38.
147. V.I. Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.39.
148. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.40.
149. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.42.
150. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.43.
151. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.44.
152. V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mátxcova, t.45.
153. Vũ Quang Vinh (Chủ biên) (2019), *Chủ nghĩa xã hội hiện thực trong quan hệ quốc tế*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Tài liệu tiếng nước ngoài

154. Nguyễn Minh Hoàn (2021), “Friedrich Engels’s Critique of the Nature of Social Justice under Capitalism”, *International Critical Thought*, Vol. 11, No. 1.
155. Nguyễn Minh Hoàn (2022), “Avoiding the Delusions of Today’s Capitalism with a Thorough Understanding of Marxism as the Key”, *International Critical Thought*, Vol. 12, No. 3.
156. Nguyễn Minh Hoàn (2024), “A Great Banner of Adherence to and Innovation in Marxism in Struggles”, *World Marxist Review*, Vol. 1, No. 4.
157. Nguyễn Minh Hoàn; Shiwen Liu (2025), “The Endogenous Cultural Perspective of the Communist Party of Vietnam”, *World Marxist Review*, Vol. 2, No. 4, pp. 113–128. DOI: 10.62834/31mrpc89.
158. Nguyễn Minh Hoàn (2026), “Sustainable Development in Vietnam Under International Integration: Policy Challenges and Strategic Directions”,

- International Journal of Sustainable Development and Planning*, Vol. 21, No. 2, pp. 721–729. DOI: 10.18280/ijstdp.210222.
159. Nguyễn Minh Hoàn (2026), “Triple Revolution Theory: An Innovative Marxist Framework Guiding the Direction of World Socialist Revolution in the Twenty-First Century”, *World Marxist Review*, Vol. 3, No. 1, pp. 1–20. DOI: 10.62834/89yqv49.
 160. Nguyễn Minh Hoàn; Phạm Thị Mai (2026), “John Locke’s Conception of the Rule of Law: Philosophical Foundations and Contemporary Reflections”, *Synesis*, Vol. 18, No. 1, ISSN 1984-6754, Universidade Católica de Petrópolis, published 17 March 2026.
 161. 范明山, 阮明环 (Nguyễn Minh Hoàn) (2021),《从无产阶级国际主义思想到当今中国共产党的对外政策》, 载《共同见证百年大党——百位国外共产党人的述说》, 当代中国出版社。
 162. 阮明环 (Nguyễn Minh Hoàn) (2023),《中国式现代化是科学社会主义理论与实践的创新和发展》, 《世界社会主义研究》, 年第 5 期。
 163. 阮明环 (Nguyễn Minh Hoàn) (2024),《习近平人类命运共同体思想为人类社会
发展进步潮流的前瞻思考》, 《世界马克思主义研究》, 年第 1 辑。
 164. 阮明环 (Nguyễn Minh Hoàn) (2025),《一个坚强的执政党对国家发展至关重要》, 《新华文摘》, 年第 4 期, 第 150 页。
 165. 阮明环 (Nguyễn Minh Hoàn) (2025),《永远铭记中国抗战在世界反法西斯战争中的重要作用》,《红旗文稿》, 年第 20 期。
 166. 阮明环 (Nguyễn Minh Hoàn) (2025),《继承和弘扬“同志加兄弟”的友好传统
携手共建中越命运共同体》,《社会主义论坛》, 年第 2 期。

167. 黎文利, 阮明环 (Nguyễn Minh Hoàn) (2026), 《论现实社会主义模式中的东方价值特征——基于中国和越南的实践》, 《东南亚纵横》, 年第 1 期。

Tài liệu từ Website

168. Alexander Eniline (2021), “Bài viết rất vững chắc về mặt lý luận, sâu sắc, sáng tỏ về những khó khăn và mâu thuẫn thực tại”, Báo *Nhân Dân*, ngày 08/9/2021. Truy cập từ: <http://cnxh.nhandan.vn/bai-viet-rat-vung-chac-ve-mat-ly-luan-sau-sac-sang-to-ve-nhung-kho-khan-va-mau-thuan-thuc-tai-351.html>
169. Ay, Massimiliano (2021), “Học tập kinh nghiệm của Việt Nam trong việc củng cố quan điểm về chủ nghĩa xã hội”, Báo *Nhân Dân*, ngày 05/9/2021. Truy cập từ: <http://nhandan.vn/hoc-tap-kinh-nghiem-cua-viet-nam-trong-viec-cung-co-quan-diem-ve-chu-nghia-xa-hoi-post663306.html>
170. Đỗ Bình (2024), “Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng - Nhà lý luận có trí tuệ mẫn tiệp, đầy bản lĩnh”, Tạp chí *Tuyên giáo*, ngày 22/7/2024. Truy cập từ: <https://special.nhandan.vn/nha-ly-luan-co-tri-tue-man-tiep/index.html>
171. Đinh Xuân Dũng (2024), “Đặc trưng tư duy và tầm nhìn của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về văn hóa, con người Việt Nam”, Báo *Nhân Dân*, ngày 12/8/2024. Truy cập từ: <https://nguyenphutrong.nhandan.vn/dac-trung-tu-duy-va-tam-nhin-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-ve-van-hoa-con-nguoi-viet-nam-post827934.html>
172. Ruvislei González Saez (2021), “Suy ngẫm về bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, Báo *Nhân Dân*, ngày 27/7/2021. Truy cập từ: <http://cnxh.nhandan.vn/suy-ngam-ve-bai-viet-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-353.html>
173. Nguyễn Chí Hiếu (2021), “Quán triệt nguyên tắc khách quan và quan điểm toàn diện theo tư tưởng Hồ Chí Minh...”, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 15/3/2021. Truy cập từ: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/821650/quan-triet-nguyen-tac-khach-quan-va-quan-diem-toan->

dien-theo-tu-tuong-ho-chi-minh---yeu-cau-quan-trong-hang-dau-trong-danh-gia%2C-bo-nhiem-dung-can-bo.aspx

174. Lê Hoàng (2024), “Vừa chống tham nhũng vừa phát triển kinh tế: Dấu ấn người đứng đầu của Đảng”, Báo *Nhân Dân*, ngày 22/7/2024. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/special/dau-an-nguoi-dung-dau-cua-dang/index.html>
175. Nguyễn Thái Học (2023), “Bệnh sợ trách nhiệm - 50 năm trước và hiện nay”, Báo *Nhân Dân*, ngày 06/11/2023. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/special/benh-so-trach-nhiem/index.html>
176. Sengphét Hùngbunnhuông (2021), “Kiên trì con đường đi lên chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam”, Báo *Nhân Dân*, ngày 09/8/2021. Truy cập từ: <http://cnxh.nhandan.vn/kien-tri-con-duong-di-len-chu-ghia-xa-hoi-la-su-lua-chon-dung-dan-cua-dang-cong-san-viet-nam-363.html>
177. Xuân Hưng (2024), “Chủ tịch Đảng Cộng sản Liên bang Nga đánh giá cao cống hiến của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, Báo *Nhân Dân*, ngày 21/7/2024. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/chu-tich-dang-cong-san-lien-bang-nga-danh-gia-cao-cong-hien-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-post820304.html>
178. Kusum Jain (2021), “Xã hội mà chúng ta cần là xã hội vì sự phát triển thực sự của con người”, Báo *Nhân Dân*, ngày 13/9/2021. Truy cập từ: <http://nhandan.vn/xa-hoi-ma-chung-ta-can-la-xa-hoi-vi-su-phat-trien-thuc-su-cua-con-nguoi-post664551.html>
179. Tường Duy Kiên (2024), “Những đóng góp của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đối với sự phát triển lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về quyền con người trong thời kỳ đổi mới”, Báo *Nhân Dân*, ngày 02/8/2024. Truy cập từ: <https://nguyenphutrong.nhandan.vn/nhung-dong-gop-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-doi-voi-su-phat-trien-ly-luan-cua-dang-cong-san-viet-nam-ve-quyen-con-nguoi-trong-thoi-ky-doi-moi-post824384.html>

180. Đoàn Triệu Long (2024), “Cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với khát vọng xây dựng một xã hội thực sự vì con người ở Việt Nam trong bối cảnh mới”, Tạp chí *Cộng sản*, ngày 30/8/2024. Truy cập từ: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/963403/view_content
181. S.M. Mironov (2021), “Bài viết cho thấy rõ sự cần thiết phải xây dựng một hệ thống chính trị trong đó quyền lực thực sự thuộc về nhân dân”, Báo Nhân Dân, ngày 13/9/2021. Truy cập từ: <http://nhandan.vn/bai-viet-cho-thay-ro-su-can-thiet-phai-xay-dung-mot-he-thong-chinh-tri-trong-do-quyen-luc-thuc-su-thuoc-ve-nhan-dan-post664560.html>
182. Nhóm phóng viên (2024), “Sự lãnh đạo đúng đắn mang lại thành quả lớn cho dân tộc”, Báo *Nhân Dân*, ngày 26/7/2024. Truy cập từ: <https://nguyenphutrong.nhandan.vn/su-lanh-dao-dung-dan-mang-lai-thanh-qua-lon-cho-dan-toc-post824591.html>
183. Nguyễn Thị Như Quỳnh (2021), “Quan điểm toàn diện với định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021–2030”, Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị, ngày 14/12/2021. Truy cập từ: <https://truongleduan.quangtri.gov.vn/index.php/vi/hoat-dong-khoa-hoc/Nghien-cuu-trao-doi/quan-diem-toan-dien-voi-dinh-huong-phat-trien-dat-nuoc-giai-doan-2021-2030-349.html>
184. Petr Simonenko (2021), “Những tư tưởng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài viết rất thiết thực và hữu ích đối với giai cấp vô sản hiện nay”, Báo *Nhân Dân*, ngày 06/9/2021. Truy cập từ: <http://cnxh.nhandan.vn/nhung-tu-tuong-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-trong-bai-viet-rat-thiet-thuc-va-huu-ich-doi-voi-giai-cap-vo-san-hien-nay-346.html>
185. Walter Sorrentino (2021), “Những thành tựu to lớn của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản”, Báo *Nhân Dân*, ngày 06/9/2021. Truy cập từ: <http://nhandan.vn/nhung-thanh-tuu-to-lon-cua-viet-nam>.

186. Thông tấn xã Việt Nam (2024), “Truyền thông thế giới nhân mạnh những thành tựu của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, Báo Nhân Dân, ngày 21/7/2024. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/truyen-thong-the-gioi-nhan-manh-nhung-thanh-tuu-cua-viet-nam-duoi-su-lanh-dao-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-post820348.html>
187. Thông tấn xã Việt Nam (2024), “Chuyên gia châu Á nêu bật dấu ấn của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng với đất nước”, Báo Nhân Dân, ngày 25/7/2024. Truy cập từ: <https://nguyenphutrong.nhandan.vn/chuyen-gia-chau-a-neu-bat-dau-an-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-voi-dat-nuoc-post824590.html>
188. Thông tấn xã Việt Nam (2024), “Chuyên gia Mỹ Latinh khẳng định Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là nhà lý luận vĩ đại của chủ nghĩa xã hội”, Happy Vietnam, ngày 21/7/2024. Truy cập từ: <https://happyvietnam.vn/vnanet.vn/chuyen-gia-my-latinh-khang-dinh-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-la-nha-ly-luan-vi-dai-cua-chu-nghia-xa-hoi/37465.html>
189. Thông tấn xã Việt Nam (2024), “Các nhà ngoại giao quốc tế khẳng định vai trò của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong lịch sử hiện đại Việt Nam”, Happy Vietnam, ngày 21/7/2024. Truy cập từ: <https://happyvietnam.vn/vnanet.vn/cac-nha-ngoai-giao-quoc-te-khang-dinh-vai-tro-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-trong-lich-su-hien-dai-viet-nam/37473.html>
190. Thông tấn xã Việt Nam (2024), “Giới học giả Singapore ấn tượng với tầm nhìn và phong cách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng”, Báo Nhân Dân, ngày 24/7/2024. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/special/gioi-hoc-gia-Singapore-an-tuong-voi-tam-nhin-TBT/index.html>
191. Nguyễn Thanh Tuấn, Lê Minh Phương (2025), “Đồng chí Nguyễn Phú Trọng với kỷ nguyên đổi mới, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, Báo Nhân Dân, ngày 08/7/2025. Truy cập từ:

- <https://special.nhandan.vn/dong-chi-Nguyen-Phu-Trong-voi-ky-nguyen-doi-moi-phat-trien-theo-dinh-huong-XHCN/index.html>
192. Đoàn Văn Tự (2021), “Quan điểm toàn diện và các khâu đột phá trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng”, Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng, ngày 27/05/2021. Truy cập từ:
<http://www.hocvienchinhtribqp.edu.vn/index.php/bai-bao-khoa-hoc/quan-diem-toan-dien-va-cac-khau-dot-pha-trong-van-kien-dai-hoi-lan-thu-xiii-cua-dang.html>
- 193.<https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/gan-ket-hai-hoa-giua-tang-truong-kinh-te-voi-tien-bo-1491841143>
- 194.<https://www.qdnd.vn/cuoc-thi-bao-chi-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-trong-tinh-hinh-moi/phuong-phap-ke-thua-tri-thuc-nhan-loai-cua-cac-mac-gia-tri-lich-su-va-thuc-tien-sinh-dong-o-viet-nam-667892>
- 195.<https://laodong.vn/thoi-su/nhung-phat-bieu-an-tuong-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-1368702.laod>. Những phát biểu ấn tượng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, đăng ngày 19/7/2024.
- 196.<https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc.html>].
- 197.<https://baothainguyen.vn/thoi-su-trong-nuoc/201502/tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tham-du-tet-trong-cay-tai-khu-cong-nghe-cao-hoa-lac-ha-noi-3677688/>]
- 198.<https://skhcn.gialai.gov.vn/index.php/Home/ChiTietTin/?tin=NDc0MA%3D%3D>].